

Bậc Phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15–16 tuổi.

Tiếng

Việt 9



Tập thể tác giả Nhóm Canh Buồm

Ngôn ngữ và tư duy



Bậc phổ thông cơ sở, như tên gọi, là bậc tạo nền tảng trí tuệ cho toàn thể trẻ em – sau chín năm học, một trí tuệ nền tảng gồm có (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng – hành trang và đạo lý vào đời của người thiếu niên 15–16 tuổi.



Tiếng Việt 9

NGÔN NGỮ VÀ TƯ DUY

TIẾNG VIỆT 9

© Nhóm Cánh Buồm, 2016

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử không có sự cho phép của Nhóm Cánh Buồm là vi phạm bản quyền.

Email: lienhe@canhbuom.edu.vn | Website: www.canhbuom.edu.vn

BIÊN SOẠN:

Bài mở đầu: Tiếng Việt Lớp 9 – Học gì và học thế nào để kết thúc bậc Giáo dục phổ thông?
(Phạm Toàn)

PHẦN 1 NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CON NGƯỜI

Bài 1: Phạm trù người (Mạc Văn Trang)

Bài 2: Tự đọc – tự nghiên cứu: *Con người là gì?* (Cécile Robelin và Jean Robelin – Phan Khanh dịch)

Bài 3: Con người trưởng thành (Mạc Văn Trang)

PHẦN 2 CÁC LĨNH VỰC TƯ DUY VÀ NGÔN NGỮ

Bài nhập: Điều gì là quan yếu trong cuộc sống? (Phạm Toàn)

Bài 4: Tư duy về môi trường sống: *Khi con vật nhìn ta* (Elisabeth de Fontenay – Hoàng Thanh Thủy dịch)

Bài đọc thêm: Phẩm chất con người trong tư duy về môi trường: Trích đoạn “Mùa Xuân” của Henri David Thoreau (Hiếu Tân dịch)

Bài 5: Tư duy về cái Đẹp: *Bảo tàng Tagore, ngày đầu xuân* (Hồ Anh Thái)

Bài 6: Tư duy về cái chết: *Lâm chung di chiếu* của Lý Nhân Tông (Nguyễn Hải Hoàn)

Bài 7: Tư duy về Tình yêu: Thư Einstein gửi con gái (Phạm Anh Tuấn)

Bài 8: Tư duy về Thượng Đế: *Bản khoả về Thượng Đế* (Oscar Brenifier và Jacques Després – Sơn Khê dịch)

PHẦN 3 TỔNG KẾT CON ĐƯỜNG HỌC TIẾNG VIỆT

Bài 9: Chín năm giáo dục phổ thông: Biết cách học để tạo năng lực tiếng Việt
(Phạm Toàn)

Bài học cuối năm: Đánh giá và tự đánh giá (Phạm Toàn)

Các tác giả soạn văn bản chính – các bài tập đều do ban Biên tập nhóm Cánh Buồm soạn

Biên tập: Nguyễn Thị Minh Hà, Mạc Văn Trang, Vũ Thế Khôi, Hoàng Hưng,
Lê Thời Tân, Phạm Toàn

Tổ chức bản thảo: Phạm Toàn, Nguyễn Thị Minh Hà, Lê Thời Tân và Nguyễn Thị Thanh Hải

Đọc bản thảo cuối cùng: Ban biên tập, cùng với Bùi Văn Nam Sơn, Phạm Khiêm Ích, Đặng Tiến, Hoàng Trọng Phiến, Nguyễn Hải Hoàn, Lê Thời Tân

Chịu trách nhiệm cuối cùng: Nhóm Cánh Buồm

(Các hình ảnh sử dụng trong sách này được chúng tôi lấy xuống từ Internet)

Bộ sách Phổ thông cơ sở Cánh Buồm

Dùng chung tên gọi các bậc học với hệ thống giáo dục đương thời, nhóm Cánh Buồm chỉ thay đổi *cách học* sao cho tự thân từng học sinh có thể đến với những điều *cao hơn, xa hơn, và dễ tự học* hơn so với một nền giáo dục lấy bục giảng làm trung tâm. Nhiệm vụ bậc học, cũng là mục tiêu trông chờ ở cuối bậc Phổ thông cơ sở Cánh Buồm là một nền tảng trí tuệ làm hành trang vào đời cho toàn thể thanh thiếu niên – (a) một phương pháp học đúng đắn; (b) một tư duy mạch lạc; và (c) một năng lực hành dụng.

Bậc Phổ thông cơ sở chín năm là một thể thống nhất, chia ra hai giai đoạn với nhiệm vụ khác nhau nhưng nối tiếp nhau và đã được thể hiện trong sách Văn và sách Tiếng Việt Cánh Buồm:

- Giai đoạn Tiểu học Cánh Buồm năm năm có nhiệm vụ rèn luyện *phương pháp học* mà mục tiêu là sở hữu cách tự học;
- Giai đoạn Trung học cơ sở Cánh Buồm bốn năm có nhiệm vụ giúp các em dùng phương pháp học đã có để *tự tìm đến các tri thức cần thiết*;

Từ đó có thể suy ra: nhiệm vụ của bậc Phổ thông trung học là *tập nghiên cứu* để chuẩn bị cho cách *tập độc lập nghiên cứu* ở bậc Đại học (và cách độc lập nghiên cứu ở bậc sau Đại học).

Đi theo định nghĩa trên, bộ sách Tiểu học Cánh Buồm (đột phá với hai môn Tiếng Việt và Văn) thể hiện rõ tính chất *tập tự học*. Đến bộ sách Trung học cơ sở Cánh Buồm này, hoạt động học được tập trung vào hành động *tự học*. Việc học tiến hành bằng tự nghiên cứu, trao đổi nhóm, viết tiểu luận, hội thảo khoa học, xuất bản kỷ yếu xem như công trình tự đánh giá của cả lớp, cũng là cái mốc tham khảo cho các bạn năm học sau.

Tiếp nối cách học từ bậc Tiểu học Cánh Buồm, người dạy (bao gồm giáo viên và những người đỡ đầu trí tuệ khác) sẽ dắt dẫn học sinh đi dần vào con đường tự học. Cụ thể là, với mỗi bài học, người dạy vẫn nên hướng dẫn ngắn gọn về chủ đề, nội dung và cách học; rồi khi đi vào chi tiết, sau một “câu hỏi suy ngẫm”, hoặc sau “lời gợi ý thảo luận”... người dạy cần phải đòi hỏi học sinh viết ý tưởng của mình thành đoạn văn năm câu – năng lực đã được rèn từ Lớp 4 và Lớp 5.

Sẽ dễ dàng cho học sinh nếu các em được học sách Tiểu học Cánh Buồm trước khi dùng sách Trung học cơ sở Cánh Buồm – ít ra cũng phải học hai tập sách tự học Tiếng Việt và Văn dành cho các em trên mười tuổi.

Trong tiến trình giáo dục này, giáo viên có cơ hội đồng hành cùng học sinh thân yêu của mình. Theo cách tổ chức học này, uy tín của thầy cô giáo và tình nghĩa nhà giáo với học trò sẽ được tạo dựng theo cách khác, dân chủ, cởi mở và thẳng thắn.

Mong các bạn thành công.

Nhóm Cánh Buồm

BÀI MỞ ĐẦU

TIẾNG VIỆT LỚP 9 – HỌC GÌ VÀ HỌC THẾ NÀO ĐỂ KẾT THÚC BẬC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG?

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Lớp 9 là năm học cuối cùng của các bạn, kết thúc giai đoạn các bạn được hưởng nền giáo dục phổ thông (theo dự án của Chương trình nghiên cứu và phát triển Giáo dục hiện đại Cánh Buồm – gọi tắt là chương trình Cánh Buồm). Chín năm qua, cách học Tiếng Việt và Văn của chương trình Cánh Buồm không nhồi nhét kiến thức cho các bạn, mà chỉ ra một hướng đi nhằm thực hiện nhiệm vụ của nền giáo dục quốc dân, đó là *tổ chức sự trưởng thành của các bạn*.

Chúng ta hãy tự nhìn lại con đường học tập môn Tiếng Việt chín năm qua để xem chúng ta đã trưởng thành ra sao và trưởng thành theo cách nào.

1. Tiểu học – học phương pháp

Ở bậc Tiểu học, chương trình Cánh Buồm giúp các bạn làm chủ phương pháp học tiếng mẹ đẻ dựa trên cơ sở ngôn ngữ học – có một năng lực ngôn ngữ không dựa trên kinh nghiệm mà dựa trên tinh thần ngôn ngữ học.

Với cách học theo định hướng đó, đến cuối Lớp 1, các bạn đã đọc thành thạo tiếng Việt, còn biết đọc thầm là một năng lực của “văn hóa đọc”, và biết ghi tiếng Việt đúng theo luật chính tả bắt buộc (như luật c, k, q) và có ý thức tìm cách không viết sai tiếng Việt theo luật chính tả theo nghĩa (như “trâu” và “châu”, như “triết” và “chiết”).

Cuối Lớp 2, các bạn biết tự tạo ra từ ngữ, bắt đầu với khái niệm tín hiệu, sang khái niệm lời nói thuần Việt với các dạng từ ghép khác nhau, rồi chuyển sang học cách tạo ra và dùng từ Hán-Việt.

Cách học từ đó giúp các bạn có khả năng tạo sinh và dùng từ ngữ. Điều đó giúp bạn có vốn từ càng ngày càng gia tăng phong phú và tinh tế khi học tiếng Việt ở Lớp 3 và Lớp 4 – chủ đề ở hai lớp này tập trung vào rèn luyện tư duy logic cho các bạn. Ở Lớp 3, chương trình Cánh Buồm tập trung vào cách tạo ra và dùng câu nhưng mục tiêu lại là rèn luyện tư duy mang kết cấu chủ đề – phản

đề – Hợp đề. Cách tư duy “ba câu” đó được củng cố và nâng cao ở Lớp 4 khi các bạn dùng cấu tạo logic đó vào cách tạo đoạn văn năm câu, sau đó phát triển thành bài văn ba đoạn.

Trình độ tư duy và năng lực ngôn ngữ tiếng Việt của các bạn được củng cố chắc chắn ở Lớp 5. Trình độ ngôn ngữ hành dụng với ý thức ngôn ngữ học đã giúp các bạn học lên bậc trên. Chương trình Cánh Buồm đặt mục tiêu hết bậc Trung học cơ sở Cánh Buồm, các bạn sẽ đủ năng lực ngôn ngữ để tự tin bước vào đời. Hết Lớp 9, các bạn sẽ tự do chọn lựa con đường vào đời theo các hướng như: lao động để tự kiếm sống, học nghề để có cuộc sống khác đi, và học lên bậc Dự bị Đại học (tương tự cấp 3 hoặc Trung học phổ thông) để tập nghiên cứu và vào trường đại học để đi xa hơn trên con đường nghiên cứu khoa học.

Các bạn sẽ thấy là, sau Lớp 9, với năng lực tiếng Việt *hành dụng trên cơ sở ngôn ngữ học chắc chắn*, nếu bạn có xu hướng vào đời theo con đường nghiên cứu, bạn sẽ có thể chọn đi sâu vào chữ Hán hoặc chữ Nôm, hoặc đi sâu vào bất cứ ngôn ngữ nào khác.

2. Trung học cơ sở – tìm kiến thức

Khi học tiếng Việt từ Lớp 6 đến Lớp 7 và Lớp 8, theo chương trình Cánh Buồm, các bạn được học *cao hơn, xa hơn, sâu hơn* – một công cuộc đi tìm kiến thức. Công cuộc đi tìm kiến thức này có hai đặc điểm: (a) Từng bạn tự mình tìm kiến thức dựa trên năng lực về phương pháp đã được học và củng cố suốt trong những năm Tiểu học; (b) Học kiến thức sâu và rộng nhưng mục tiêu vẫn là củng cố và nâng cao năng lực dùng tiếng Việt trong thực tiễn.

Càng học tiếng Việt, các bạn càng thấy khó khăn vô cùng lớn khi học từ. Từ thuần Việt và từ Hán-Việt, từ Hán đã Việt hóa, là ba lớp từ đều gây khó khăn như nhau cho người học.

Trong hoạt động ngôn ngữ, cả ba lớp từ đó hòa trộn vào nhau khiến cho các chủ thể nói năng rất dễ phạm sai lầm do bị đánh lừa vì sự giao thoa giữa những “nét nghĩa”. Ví dụ các sai lầm trong nói năng và cả khi viết văn bản: Đi *thăm quan* (hiểu lầm “thăm” như trong *thăm nom, thăm thú, thăm hỏi*); khắc phục *yếu điểm* (hiểu lầm “yếu” như trong *yếu đuối, yếu sức, yếu kém*), biểu diễn *điệu nghệ* (hiểu lầm “điệu” như trong cách dùng đời thường *làm điệu*)...

Mục tiêu của chúng ta là giỏi tiếng Việt. Suốt những năm học sách Trung học cơ sở Cánh Buồm, cũng chỉ nhằm vào mục tiêu đó. Chúng ta cần hết sức am

tường và thành thạo trong cách tạo ra và sử dụng đúng sự *chung sống*, thậm chí sự *hòa trộn*, từ thuần Việt, từ Hán-Việt, và từ Hán đã Việt hóa. Không cần thiết phải học giỏi chữ Hán cũng có thể đạt mục tiêu giỏi tiếng Việt đã đề ra.

Và bây giờ các bạn sẽ học sang một chủ đề kết thúc hành trình học tiếng Việt của chúng ta sau chín năm học ở bậc giáo dục phổ thông: Mối quan hệ giữa *ngôn ngữ và tư duy*.

3. Ngôn ngữ và tư duy

Trong phần học Tiếng Việt Lớp 9 (Cánh Buồm), các khái niệm “Tư duy” và “Ngôn ngữ” sẽ không được khảo sát một cách “hàn lâm” ví như “nguồn gốc của tư duy”, hoặc “mối quan hệ giữa tư duy và ngôn ngữ”,... và những cách khảo sát khác mang tính chất “lý thuyết” xa với quan điểm *hành động có ý thức lý thuyết* của chương trình Cánh Buồm đã trình bày nhiều lần và thể hiện rõ ràng trong cách học qua từng lớp, kể từ lớp 1.

Trong sách Lớp 9 này, cách học như sau:

1. Lên Lớp 9, các bạn đã đến sát vạch đỏ vào đời, sống cuộc sống hoàn toàn tự lập của người trưởng thành (không còn học tự lập như từ lớp 1 nữa), các bạn sẽ gặp những vấn đề gì liên quan đến tư duy người (những suy nghĩ sâu sắc và chín chắn về những điều mình bắt gặp và không thể né tránh) được thể hiện rõ ràng bằng ngôn ngữ?

2. Những vấn đề liên quan đến nội dung đó sẽ xoay quanh ba mục nhỏ như sau:

(a) Bạn hiểu thế nào là sự trưởng thành của một cá nhân vận dụng vào bản thân bạn? Trong vấn đề này, các bạn sẽ xem xét lại khái niệm *Con người* và suy nghĩ về sự trưởng thành của mình với tư cách là kẻ thuộc về *phạm trù* con người khác với sự trưởng thành của động vật như thế nào.

(b) Có những lĩnh vực nào liên quan đến cá nhân bạn trong quan hệ với cộng đồng? Đó là những lĩnh vực liên quan đến *lý tưởng và lẽ sống*, đến quan niệm mang tính nhân sinh về cái *Đẹp*, cái *Chết*, về *Tình yêu* và về *niềm tin tôn giáo* của mình. Mấy đề tài đó tưởng như xa lạ, cao siêu, thực ra chúng sẽ được thể hiện thành lối sống của mỗi người. Ngôn ngữ khi đó giúp các bạn khảo sát vào những khía cạnh khác nhau nhưng lại chưng cất thành bản chất của cuộc sống đạo đức. Như người xưa vẫn làm như vậy, dùng *Lễ*, dùng *Nhạc*, dùng *Thi* để qua những ngôn ngữ đó mà nhào nặn con người được coi là xứng đáng với danh hiệu *Người* để sống ở đời.

(c) Lớp 9 cũng là cơ hội để bạn đánh giá lại toàn bộ công việc học ngôn ngữ tiếng Việt của mình – học ở đời, học ở trường, và học tiếp ở đời – và sẵn sàng cho công cuộc học tiếp ngôn ngữ đó trong đời sống đã trưởng thành của mình.

3. Kết thúc việc học Tiếng Việt Lớp 9 (Cánh Buồm), các bạn sẽ tham gia tự đánh giá cuối bậc học phổ thông. Theo chương trình Cánh Buồm, việc đánh giá sẽ diễn ra trước hội đồng giáo dục, có mặt đại diện nhà trường, đại diện phụ huynh (trong buổi đó có cả phụ huynh của bạn), và có đại diện nhà khoa học ở địa phương và có thể mời thêm nhà khoa học chuyên ngành liên quan đến nội dung của tiểu luận cuối bậc học do bạn trình bày. Nếu bài tiểu luận của bạn được thông qua, coi như bạn đã “tốt nghiệp”, và trong lễ kết thúc năm học, bạn được nhận thư cảm ơn của Hội đồng Giáo dục quốc dân, công nhận công lao học tập của bạn, và chúc bạn vào đời tiếp tục thành công. Chương trình Cánh Buồm dự kiến như thế, nhưng nếu có những chương trình khác yêu cầu bạn phải trải nghiệm, chắc chắn là chỉ thay đổi hình thức bề ngoài, còn cá nhân bạn thì vẫn y nguyên – một sản phẩm tự tạo ra trong cộng đồng nhà trường theo chương trình Cánh Buồm mà bạn đã quen.

Suy ngẫm, luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn có đồng ý với chủ đề cả năm học này là *tư duy và ngôn ngữ* không? Tại sao lại coi năm học này là năm xác lập sự trưởng thành của mình? Tại sao trưởng thành lại liên quan đến *tư duy và ngôn ngữ*?
2. Thảo luận: Các bạn dự đoán nội dung về *phạm trù người* và về *sự trưởng thành của con người* sẽ có những nội dung gì? (Mỗi bạn nói một câu dự đoán thôi).
3. Thảo luận: Nhìn lại con đường học tiếng Việt các năm qua (tính từ bậc tiểu học) bạn có một ý nghĩ gì, một cảm nhận gì? Bạn thấy đoạn đường học tập đó đem lại một điều ích lợi gì cho mình? Cách học tiếng Việt đó còn có khuyết điểm gì? Bạn còn muốn học những gì nữa? Bạn còn muốn thay đổi cách học như thế nào nữa?

Nào, xin bạn bắt đầu học sách *Tiếng Việt Lớp 9 Cánh Buồm*!

PHẦN 1

Những khái niệm cơ bản về con người

BÀI 1

PHẠM TRÙ NGƯỜI

Hướng dẫn tự học

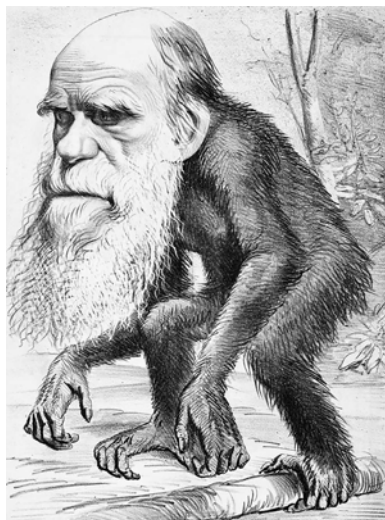
Bài 1 này là một bài có nội dung triết học về con người. Nó đặt ra vấn đề để con người tự hiểu biết chính mình. Nó đặt ra những câu hỏi lớn thuộc về nguồn gốc và tương lai của loài người: *Người là gì? Con người từ đâu đến? Con người sẽ đi về đâu?*

Những câu hỏi trên rất khó giải đáp *nhANH, đúng*, và đủ *hài lòng* mọi người. Không thể giải đáp *nhANH* và *đúng*, vì con người ngày nay vẫn chưa đủ sức nhìn ngược về xưa cả triệu năm. Con người ngày nay chỉ có thể đưa ra những giả thuyết về nguồn gốc loài người. Và giả thuyết nào cũng vấp phải sự khó tính không có gì khó hiểu của đông đảo mọi người.

Cách suy nghĩ dễ dàng nhất là *bỏ qua không thảo luận* và chấp nhận một đấng Tạo hóa đã sinh ra các loài, kể cả loài người. Thế nhưng, Tạo hóa đã sinh ra các loài theo cách thức nào? Và tại sao Tạo hóa lại sinh ra những loài rất thấp (con giun chẳng hạn không có não) cùng với những loài rất cao với bộ não rất phát triển là con người.

Vào thế kỷ 19, *học thuyết tiến hóa* của Charles Darwin đã đưa ra lời giải đáp về nguồn gốc và nguyên nhân sinh ra các loài, trong đó có nguồn gốc loài người. Học thuyết vô thần đó bị tấn công tới tấp – bạn hãy thưởng thức những đòn tấn công Charles Darwin qua bức biếm họa dưới đây. Điều đó dễ hiểu. Vì trên một hành tinh có Nhà thờ Thiên chúa giáo hiện diện khắp nơi, làm sao các tín đồ Công giáo lại có thể chấp nhận thủy tổ của loài người là những chú linh

trưởng! Bản thân nhà bác học vô thần đó cũng không thoát khỏi niềm tin tôn giáo và cả đời day dứt chuyện con gái mình bị chết sớm và không biết đứa con yêu của mình sẽ đi về đâu...



Tranh biếm họa thuyết tiến hóa của
Charles Darwin

Sang giữa thế kỷ 20, những khám phá sinh học phân tử đã khiến không ít người vui thích (Xin các bạn đọc lại bài học *Con gà có trước hay quả trứng có trước* trong sách Tiếng Việt Lớp 8 (Cánh Buồm) – tuy chỉ dạy về cách biểu đạt ngôn ngữ khoa học, nhưng lại chuyên chở những kiến thức về sinh học phân tử). Lần này thì không ít người hả hê, vì hình như luận thuyết vô thần của Charles Darwin đã bị hạ bệ – và hạ bệ bằng những chứng cứ khoa học!

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến!

Các bạn sắp vào đời. Và nếu các bạn sống lâu, xin hãy giữ cho trí tuệ và tấm lòng luôn luôn tươi tắn. Để làm gì? Để sẵn sàng chờ đón nhiều “chứng cứ” còn mang tính thuyết phục nhiều hơn những DNA và những RNA.

Với tư cách là những con người có ý thức về nhiệm vụ của mình, chúng ta chỉ cần tránh một thói xấu vô cùng xấu mà cả trí tuệ lẫn tình cảm đều không thể chấp nhận được: thói vô cảm, thói hoài nghi, thói há miệng chờ sung.

Vô cảm thì sinh ra thái độ hoài nghi và chủ nghĩa hoài nghi. Những kẻ hoài nghi chủ nghĩa thường thích loan truyền những điều gây hoài nghi để biện minh cho thái độ sống vô cảm, vô trách nhiệm. Và thực chất giá trị của những người có thái độ sống theo lối hoài nghi chủ nghĩa ra sao? Đó chỉ là thái độ há miệng chờ sung, không thích làm, chỉ thích hưởng thụ.

Vì thế, trong phạm vi năm học Lớp 9 này, chúng ta hãy học tập với cách tư duy như sau: Chấp nhận khái niệm *phạm trù người* ở trạng thái như hiện nay mọi người đều có thể chấp nhận.

Và chúng ta cũng sẽ hành động với tư cách là *Người* viết hoa cả khi đó là con người cá thể riêng tư, cũng như khi đó là con người của cộng đồng.

Mời các bạn cùng học Bài 1.

Mở đầu

Để tự học bài này, trước hết các bạn cần tự trang bị một *công cụ tư duy* có tên gọi là *phạm trù*.

Phạm trù là một trong những phương tiện nhận thức thế giới dùng trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt là trong khoa học xã hội. Khái niệm phạm trù xuất hiện trong quá trình hình thành triết học. Trong vô vàn những sự vật, hiện tượng, quá trình hỗn loạn của thế giới xung quanh, con người cần tách riêng một *đối tượng* nào đó ra, tập trung sự chú ý vào nó, xác định những đặc điểm tiêu biểu và quy luật phát triển của nó, xem xét quan hệ qua lại của nó đối với những đối tượng khác.

Phạm trù là một “khái niệm mẹ”, chung nhất, hàm chứa trong nó những nội dung bao quát nhất, cơ bản nhất về đối tượng được xem xét. Các phạm trù là những phương tiện của tư duy trước những *đối tượng không thể lẫn lộn* với nhau, ví dụ các phạm trù: Vật chất và ý thức; Nhân loại và dân tộc; Xã hội và cá nhân; Tổ quốc và công dân; Con người và môi trường sống; Kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục; Người và động vật, v.v...

“*Phạm trù người*” chỉ những vấn đề chung nhất, bao quát nhất, cơ bản nhất của con người. Bài này đề cập mấy vấn đề sau:

- Người là gì và Người từ đâu sinh ra? (Câu hỏi dễ hiểu khác: Nguồn gốc loài người như thế nào?).
- Người tồn tại như thế nào để phân biệt hẳn với sinh giới và với giới động vật? (Câu hỏi khác: Người tổ chức cuộc sống của mình thành xã hội như thế nào?)
- Người rồi sẽ phát triển như thế nào? (Câu hỏi khác: Loài người sẽ đi về đâu? Loài người có thể bị diệt vong không?)

Dừng lại, suy ngẫm, chia sẻ

1. Thảo luận: *Đối tượng nghiên cứu* là gì? Đó có phải là công việc của nhà nghiên cứu (như việc học của chúng ta) chọn ra từ vô số sự vật, lấy ra một điều được ta quan tâm nhất và “kéo sự vật đó lại gần” mà xem xét cho kỹ không? Nếu đồng ý khái niệm *đối tượng* như vậy, mời các bạn trả lời: Đối tượng nghiên cứu môn sinh học khác với đối tượng nghiên cứu môn tiếng Việt như thế nào? Hãy cùng tìm những thí dụ khác.
2. Thảo luận: *Phạm trù nghiên cứu* là gì? Trong đối tượng sinh học và đối tượng tiếng Việt, các bạn tách ra được những phạm trù không thể lẫn lộn như thế nào?
3. Cùng nhớ lại nhiệm vụ học tập ở bài này: Nghiên cứu *phạm trù người* nhằm giải đáp những câu hỏi gì?

1. Người là gì? Người từ đâu đến?

Khi nghiên cứu phạm trù người, phải giải đáp câu hỏi đầu tiên và cũng là câu hỏi khó nhất: *Người là gì và Người từ đâu đến?* Câu hỏi khó vì con người sinh ra đã từ rất lâu. Các nhà nghiên cứu gần như đồng ý với nhau rằng con người sinh ra trên trái đất này ít ra là từ vài triệu năm trước. Các nhà khoa học không nói điều đó một cách vu vơ. Vào cuối những năm 1940, nhà bác học Willard Libby (Giải Nobel năm 1960) phát minh “phương pháp đo thời gian bằng đồng vị phóng xạ” và sớm trở thành một công cụ tiêu chuẩn cho các nhà khảo cổ và những ai cần tìm đo thời gian trên trái đất này. Phương pháp cho kết quả tin cậy trong dải niên đại từ 300 đến 60.000 năm, và được ứng dụng xác định tuổi mẫu vật trong khảo cổ học. Nếu bây giờ bạn tìm thấy mảnh xương người ở một hang động nào đó, bạn có thể dùng phép đo này và biết khá chắc đó là mảnh xương người sống cách đây bao nhiêu năm.

Nhưng các bạn cũng nên nhớ rằng “thước đo” ấy có thể sai lệch từ 2.000 năm đến 4.000 năm! Và cho dù có biết khá chắc rằng ở những hang động đó (Người vượn *Homo Erectus Pekinensis* ở Chu Khẩu Điếm gần Bắc Kinh, Trung Hoa, người vượn *Néanderthalensis* ở châu Âu, người vượn *Australopithecus* tìm thấy ở châu Phi năm 1924 và niên đại được xác định khoảng bốn triệu năm

trước Công nguyên,... và ở Việt Nam có người vườn Bắc Sơn và người vườn Hòa Bình) thì vẫn chưa giải đáp được câu hỏi trước đó cái gì sinh ra những con người sống trong hang động ấy, và sau thời kỳ sống trong hang động đó, những con người này thay đổi ra sao để thành con người hiện đại như chúng ta đời nay. Thật khó khăn nhưng thật hấp dẫn! Và càng khó khăn khi cho tới nay người ta vẫn chỉ có được những lý thuyết mang những quan niệm khác nhau xung quanh chuyện *Người từ đâu đến*.

Ban đầu, và thống trị tư duy của mọi người trong nhiều nghìn năm, là “lý thuyết” cho rằng người do đấng Tạo hóa sinh ra. Đấng Tạo hóa đó đã được gán cho Thượng Đế, và đó là Chúa Trời của đạo Thiên chúa.

Hẳn các bạn đã thấy: Chúng ta thường tính ngày bằng tuần lễ gồm bảy ngày đêm. Điều này liên quan đến câu chuyện về Thiên Chúa sáng tạo ra thế giới trong bảy ngày (được ghi ngay từ những trang đầu của *Kinh Thánh*, chương *Sáng thế ký*). Câu chuyện vẫn tắt như sau:

Ngày thứ nhất, Chúa Trời dựng nên trời đất. Đất vô hình và trống không, tăm tối. Chúa Trời ra lệnh phải có sự sáng, thế là liền có ánh sáng. Chúa Trời thấy sáng là tốt lành, bèn phân sáng ra với tối và đặt tên sự sáng là ngày và sự tối là đêm.

Ngày thứ hai, Chúa Trời lại ra lệnh có một khoảng không phân rẽ nước cách với nước. Ngài làm nên khoảng không, phân rẽ nước ở dưới khoảng không cách với nước ở trên khoảng không. Chúa Trời đặt tên khoảng không là trời.

Ngày thứ ba, Chúa Trời lại ra lệnh nước ở dưới trời phải tụ lại, và phải có chỗ khô cạn bày ra. Chúa Trời đặt tên chỗ khô cạn là đất, còn nơi nước tụ lại là biển.

Ngày thứ tư, Chúa Trời lại ra lệnh phải có các vì sáng trong khoảng không trên trời, để phân ra ngày với đêm, và dùng làm dấu để định thời tiết, ngày và năm, lại có ánh sáng trong khoảng không trên trời để soi xuống đất, có vì sáng lớn hơn cai trị ban ngày, vì nhỏ hơn cai trị ban đêm, và cũng làm các ngôi sao nữa.

Ngày thứ năm, Chúa Trời lại ra lệnh nước phải sinh các vật sống cho nhiều, và các loài chim phải bay trên mặt đất trong khoảng không trên trời. Chúa Trời dựng nên các loài cá lớn, các vật sống nhờ nước và các loài chim hay bay.

Ngày thứ sáu, Chúa Trời ra lệnh hãy làm nên loài người như hình ảnh của Ngài để cai quản cá biển, chim trời, súc vật, côn trùng khắp nơi. Ngài dựng nên

người nam cùng người nữ, ban phúc cho loài người và ra lệnh: Hãy sinh sản thêm nhiều, làm cho đất phục tùng, cai quản cá dưới biển, chim trên trời cùng các vật sống trên mặt đất. Chúa Trời lại ban cho con người mọi thứ cỏ kết hạt mọc khắp mặt đất, và các loài cây sinh quả có hạt giống, và các loài khác có sự sống trên mặt đất để làm đồ ăn cho con người.

Chúa Trời thấy các việc Ngài đã làm thật rất tốt lành. Hết ngày thứ sáu đó, Ngài cho tất cả nghỉ ngơi.

(Sau này, ta có nền nếp lấy ngày thứ bảy hàng tuần là ngày nghỉ, gọi là ngày của Chúa, từ Hán Việt là Chúa nhật hoặc Chủ nhật, chữ Chúa và chữ Chủ viết như nhau, chỉ đọc khác nhau thôi).

Cứ tin theo thuyết “Trời sinh ra thế” thật thuận tiện, đỡ tranh cãi. Nhưng tư duy khoa học của con người không cho họ chấp nhận tạm dừng cuộc tranh cãi về việc con người từ đâu sinh ra và tiến hóa ra sao. Dù là những cuộc tranh cãi bất tận đấy, nhưng tư duy khoa học của con người không cho ta dừng lại. Các bạn hãy đọc lại hai bài về *cách biểu đạt khoa học* trong sách *Tiếng Việt Lớp 8*, và sẽ thấy bên cạnh bài lập luận về tính di truyền ở con người còn có bài của vị linh mục Teilhard de Chardin cưỡng lại kinh *Sáng thế ký* và sách của ông viết xong phải để đó chục năm sau khi chết rồi mới in ra được (ông mất năm 1955 và sách in ra năm 1965)!

Đến đây, mời các bạn cùng nghiên cứu học thuyết tiến hóa của nhà bác học Anh Charles Darwin. Những điều mấu chốt của học thuyết này như sau:

Mỗi cá nhân con người chúng ta đều thuộc về loài người, theo phân loại học là *Homo sapiens*, một từ tiếng Latin có nghĩa là “người thông minh”, “người thông thái”¹... Quan điểm cho rằng người được tiến hóa từ loài vượn hình người – con tinh tinh thuộc bộ linh trưởng – trong một thời gian dài đã được thừa nhận rộng rãi trong giới vô thần. Những ý tưởng tổng quát về tiến hóa của Charles Darwin² trong cuốn *Nguồn gốc các chủng loại thông qua con đường chọn lọc tự nhiên* hay là *sự sự bảo tồn các chủng loại ưu đẳng trong đấu tranh sinh tồn* (On the Origin of Species by Means of Natural Selection, or the Preservation

1 Nguyễn Đình Khoa (2001), *Nguồn gốc loài người trong tiến hóa*, NXB Giáo dục, HN.

2 Charles Robert Darwin (1809–1882) là một nhà nghiên cứu nổi tiếng trong lĩnh vực tự nhiên học người Anh. Ông là người đã phát hiện và chứng minh rằng mọi loài đều tiến hóa theo thời gian từ những tổ tiên chung qua quá trình chọn lọc tự nhiên.

of Favoured Races in the Struggle for Life, công bố ngày 24 tháng 11 năm 1859) – cái tên cuốn sách đã tóm tắt đầy đủ luận điểm của tác giả. Năm 1871, Charles Darwin công bố tiếp cuốn *Nguồn gốc con người và sự chọn lọc liên quan đến giới tính* (The Descent of Man, and Selection in Relation to Sex) khẳng định thêm thuyết tiến hóa của ông. Mặc dù trong hơn một trăm năm qua nhiều ngành khoa học theo đường lối duy vật luận tiếp tục khám phá, chứng minh cho thuyết này, song cũng nhận được không ít phản biện cay nghiệt (kể cả biếm họa Darwin ở tư thế “thủy tổ loài người” – (xem trong phần hướng dẫn học).

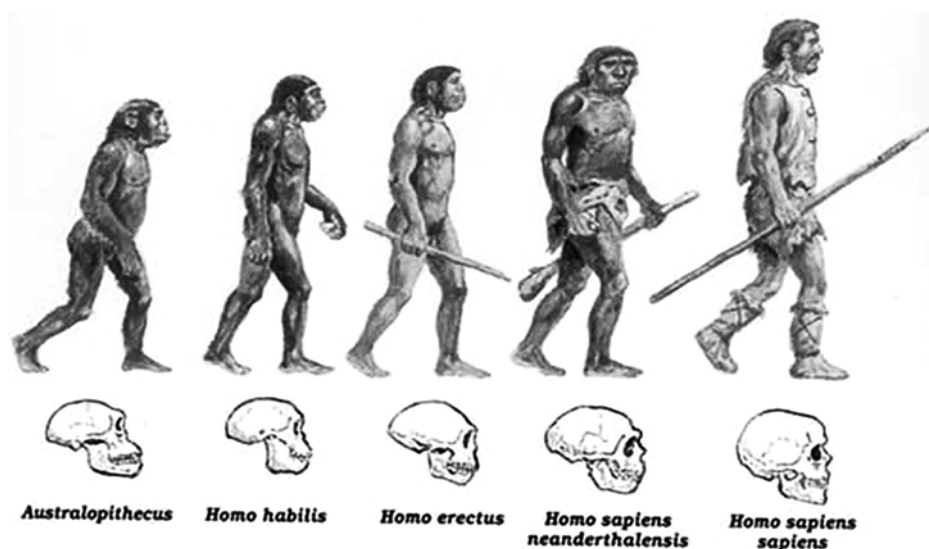
Một khám phá tám chục năm sau, mà bản chất là gây nghi ngờ thuyết tiến hóa của Darwin, nhưng lại mang tính thực chứng rõ rệt, nên cũng gián tiếp bênh vực cho Darwin. Giữa thế kỷ 20, cụ thể là vào năm 1953, Crick và Watson đã xác lập được mô hình DNA chứa đựng mật mã thông tin di truyền. Oái oăm thay, đường lối nghiên cứu mới này cũng lại mang tính chất duy vật, chứng minh được ở phòng thí nghiệm, song lại đặt ra một vấn đề khủng khiếp cho loài người. Đó là câu hỏi Ai hoặc Cái gì hoặc Bàn tay nào xưa nay vẫn được gán cho cái tên mơ hồ là *Đấng Tạo hóa* hoặc *Con Tạo* đã tạo ra bộ mật mã di truyền kia, mà các nhà nghiên cứu về gen đã chứng minh “*Mật mã di truyền của loài người, hay “bộ gen” (genome), thì hoàn toàn y như nhau tới 99,9% trên khắp thế gian* [The human genetic code, or genome, is 99.9% identical throughout the world] – thậm chí “bộ gen” của người và vượn có tới 99% y hệt nhau (identical). Sự sai biệt còn lại, vào khoảng 0.1%, trong DNA là nguồn gốc của sự khác biệt cá nhân – thí dụ màu mắt hay cơ thể dễ bị nhiễm bệnh¹.

Thực ra, dù đã tìm ra được bộ gen, thì cũng vẫn còn đó hiện tượng *tiến hóa* để có con người hiện đại – những kẻ dám rời bỏ rừng cây, xuống đồng bằng kiếm ăn, sống thành từng quần thể, không sợ ngã để đứng thẳng và đi bằng hai chân, để hai tay tự do sử dụng công cụ kiếm mồi và tự vệ... những kẻ do *giới thích nghi* và có những đột biến mới tồn tại và phát triển thành người đã được con người hiện đại gọi chung bằng cái tên *Homo Sapiens*.

Chúng ta cũng phải ước đoán rằng, từ những động vật đứng thẳng đầu tiên, trải qua thời gian dài đằng đẵng có thể dài nhiều triệu năm tiến hóa, mới thành người *Homo Sapiens*. Như vậy là vẫn có thể vừa có mật mã di truyền và

1 Trần Chung Ngọc (2007), "Nguồn gốc con người: thuyết tiến hóa", <http://sachhiem.net/TCN/TCNkh/TCNkh00a.php>

vừa có tiến hóa! Sự tiến hóa diễn ra đồng thời hai quá trình biến đổi về SINH THỂ và TRÍ KHÔN, qua từng nấc thang để phát triển thành người hiện đại *Homo sapiens sapiens*.



Quan sát sự tiến hóa về hình thái, cấu trúc cơ thể, ta thấy: Từ người đứng thẳng *Australopithecus* đến người *Homo habilis* (“habilis” có nghĩa là khéo léo), người *Homo erectus* (đồ đá cũ, “erectus” có nghĩa là đứng thẳng), người *Homo neanderthalensis* (đã bị tiết chủng) đến người *Homo sapiens sapiens* (đồ đá mới), ngày càng có sự tiến hóa, hoàn thiện về cơ thể. Các bộ phận trên cơ thể: đầu, mình, chân tay, khuôn mặt, bàn chân, bàn tay... đều được cải biến, bớt đi những cái thô kệch, dần dần cân đối, hài hòa, thanh tú hơn. Đặc biệt hộp sọ to hơn để chứa bộ não ngày một lớn hơn. Quá trình đó diễn ra hàng năm triệu năm. Người hiện đại *Homo sapiens sapiens* (cách đây khoảng 40.000 năm), về mặt cơ thể, đã đạt đến sự hoàn thiện và ổn định về hình thái, cấu trúc. Từ đó đến ngày nay, cơ thể của người hiện đại không có những biến đổi về chất, nhưng về mặt chức năng thì ngày càng phát huy kỳ diệu, đặc biệt là đôi bàn tay và bộ não.

Quá trình tiến hóa về mặt sinh thể cũng diễn ra đồng thời với quá trình tiến hóa về mặt trí khôn thể hiện ở các lĩnh vực. Vì vậy, chúng ta hãy dõi theo những nghiên cứu của khoa Nhân học (thoát thân từ những nghiên cứu mang tính bộ phận, chưa đầy đủ, như Dân tộc học, Nhân chủng học, và nhất là những nghiên

cứu *Xã hội học về con người* để tìm hiểu và trả lời câu hỏi: cùng “tiến hóa” lên từ loài linh trưởng (tạm chấp nhận như vậy, và nhất định là phải công nhận mã di truyền trong bộ gen – do ai đó gửi cho loài người) vậy con người đã vận động như thế nào và bằng cách gì để thành *người hiện đại – homo sapiens sapiens*?

2. Phạm trù người nhìn qua năng lực người

Các tranh cãi về phạm trù người đã được tạm thời đóng lại với những nguyên nhân được ước đoán dẫn đến sự tiến hóa kỳ diệu của loài người qua những năng lực người như thế nào?.

2.1. Sử dụng và chế tạo công cụ



Hình người (bên dưới) ở dạng chưa đứng thẳng đã được các nhà khoa học Mỹ dựng lại và trưng bày ở Bảo tàng Oklahoma chắc chắn liên quan đến sinh thể từ ban đầu của con người (Những chú vượn và đười ươi rất thông thái thời nay ở sở thú vẫn còn phải đi lại với sự giúp đỡ của hai cánh tay). Còn một lý do nữa, con người cổ xưa ấy chỉ mới biết dùng những công cụ chưa đòi hỏi con người đứng thẳng.

Những con người *sẽ đứng thẳng* ấy phải sử dụng những vật có sẵn trong tự nhiên (chủ yếu là những hòn đá để làm búa, những mảnh xương và những hòn đá mài sắc) làm công cụ kiếm sống, từ đập hoa quả ăn hạt, săn mồi, và vũ khí tự vệ nữa.

Đó là bước chuyển quyết định từ linh trưởng thành người. Vì loài vượn cũng có lúc biết lấy que chọc tổ mối rất khéo léo, rung rung que để nhử mối theo que bò lên và lấy miệng đớp, rồi còn biết lấy gậy chọc quả rụng xuống mà ăn. Nhưng ngay sau khi no nê, những chú vượn *không thể nên người* đó liền vứt các “công cụ” kia đi vì chúng chưa thể có ý thức đó là *công cụ sản xuất*. Chúng tiếp tục dùng răng, móng vuốt làm vũ khí trực tiếp để kiếm mồi và tự vệ. Khi đang lang thang bắt gặp tổ mối hoặc trái chín trên cây, chúng lại đi tìm cái que khác, cây gậy khác để thỏa mãn cơn đói. Nhưng những người đứng thẳng thì khác, dùng cây gậy xong, họ biết giữ lấy, đem theo bên mình, rồi biết cải tiến (mài nhọn, làm cán dài) để hái lượm, săn bắt và tự vệ hiệu quả hơn.

Có một mối liên hệ giữa đôi bàn tay sử dụng những cây gậy, cục đá... để nuôi sống con người với bộ óc suy nghĩ tìm cách cải tiến những công cụ đó. Các bạn nên nhớ một trong nhiều biểu tượng trong lịch sử trường Đại học Harvard Hoa Kỳ có châm ngôn tiếng Latin *Mens et Manus* (Một bộ óc và đôi bàn tay). Đôi bàn tay biết làm sẽ kích thích bộ óc và bộ óc lại kích thích trở lại để đôi bàn tay suốt đời không bao giờ nghỉ ngơi. Và không nên quên sự xuất hiện với tác động vô cùng to tát và bất ngờ của lửa. Với cả loài người, lửa đã ra đời như một sự tình cờ nhờ đám cháy do nguyên nhân tự nhiên. Nhưng lửa đã đem lại cho con người một trải nghiệm lạ kỳ đầu tiên: thức ăn ngon hơn và no lâu hơn so với ăn sống. Do ăn chín đỡ phải nhai, nên những cơ ép trán và thái dương người cũng bắt phát triển. Từ đó bộ óc và đôi bàn tay đã giúp con người đi từ chỗ biết dùng lửa “ăn sẵn” đến biết giữ lửa và sau đó biết tạo ra lửa. Công cụ sản xuất từ lúc dùng cục đá tự nhiên đến lúc biết chế tác đá thành các dao đá, rìu đá, mũi giáo bằng đá... phải trải qua 3-4 triệu năm, để tiến tới người *Homo sapiens sapiens* – người hiện đại.

2.2. Giao tiếp và phát triển ngôn ngữ

Ban đầu, do dáng đứng chưa thẳng, nên con người chỉ có thể dùng điệu bộ của cơ thể từ chân tay, nét mặt và những vật liệu khác (tiếng động, lửa khói, cách đặt những cành cây và hòn đá...) để gửi *tín hiệu* cho nhau. Nhưng đó đã là sự bắt đầu của giao tiếp khi con người phải sống với nhau thành bầy đàn.

Khi con người với công cụ lao động khác đi đã khiến nó dần đứng thẳng hơn, thì bộ máy phát âm cũng hoàn thiện dần. Những âm thanh ú ớ ban đầu ra hiệu cho nhau khiến con người thấy âm thanh đó đỡ tốn sức hơn các tín hiệu

bằng cơ thể hoặc vật liệu có sẵn bên ngoài. Họ thử dùng âm thanh còn ú ớ đó và thấy chúng thực sự có ích lợi.

Dần dần, trải qua hàng chục nghìn năm, con người có *tiếng nói cấu âm* đã hoàn toàn khác với những tiếng phát ra lẩm khi cũng chẳng khác mấy với tiếng kêu của động vật.

Có câu hỏi: Tại sao con người lại có đặc ân là *tiếng nói cấu âm* càng ngày càng phát triển đó? Các bạn có thể tự trả lời được. Câu trả lời có thể là do một nguyên nhân huyền bí nào đó. Một Đấng tối cao nào đó đã cho con người cái ân huệ đổi đời đó. Nhưng sao “Ngài” không cho ngay từ đầu mà lại bắt con người cả triệu năm mới được đem “quả” ra dùng? Và tại sao con vẹt, con bách thanh, con sáo, dù cũng có khả năng bắt chước nói hết tiếng người, nhưng chúng chỉ có khả năng “nói như vẹt” vài tiếng mà chính chúng cũng không hiểu nghĩa – bằng chứng là con vẹt, con sáo, con bách thanh không thể trả lời những câu hỏi của con người.

Như vậy chúng ta lại phải trở về với cách lý giải của Teilhard de Chardin (đã học trong sách *Tiếng Việt Lớp 8 Cánh Buồm*) về ngưỡng phát triển của người khiến nó tách khỏi động vật: Con người là *động vật có tư duy*. Con người vẫn chỉ là động vật yếu đuối, như cây sậy, nhưng là *cây sậy có tư duy*. Và đến đây thì chúng ta sẽ thấy nhược điểm to lớn trong học thuyết tiến hóa của Darwin. Học thuyết này chú ý đến những biến đổi bề ngoài của các loài để thích nghi với hoàn cảnh sống. Nhưng trong muôn loài, chỉ con người là có tư duy – muôn loài chỉ có phản xạ sống thỏa mãn bản năng sống. Muôn loài cũng có nhu cầu giao tiếp với nhau, đặc biệt trong hoạt động tính dục rồi ngẫu nhiên mà kéo dài được nòi giống. Động vật không có khả năng dùng tiếng nói để “giao tiếp giữa ta với ta”, dùng tiếng nói thầm để độc thoại, *một mảnh tình riêng ta với ta* (Bà Huyện Thanh Quan).

Chúng ta sẽ thấy điều này rõ hơn khi xem xét năng lực của con người khi sống trong nhóm. Động vật cũng sống trong bầy đàn – và nếu chỉ nhìn bề ngoài thì con người cũng sống như là thành bầy đàn. Nhưng bầy đàn và xã hội là hai điều hoàn toàn khác.

2.3. Sống trong cộng đồng xã hội

Thế nào là một cộng đồng xã hội? Đừng nghĩ cứ sống đông đúc với nhau thì thành cộng đồng.

Không ai nói cộng đồng cây trên rừng cả, mặc dù đó là những *sinh vật* cũng ăn uống, cũng hít thở khí trời, cũng vươn lên nơi có ánh mặt trời để tìm

không gian sống, và cây cối cũng sinh con đẻ cái nữa, mặc dù công việc thụ phấn hoa để cho trái cây đều nhờ vào gió, nhờ vào côn trùng. Dẫu sao thực vật cũng là những vật sống. Nhưng đặc điểm của *loài thực vật* là chúng bị *cầm tù trong không gian*. Không có cái cây nào đủ sức tự di chuyển khỏi nơi nó bị đặt vào – chúng sẽ sống ở đó và chết cũng ở đó. Lửa cháy, chúng không biết chạy trốn ngọn lửa và đành chịu chết cháy. Có người đến chặt cây, chúng không biết chạy đi nơi khác để tránh lưỡi dao hoặc lưỡi cưa.

Loài động vật đã thoát khỏi cảnh bị cầm tù trong không gian. Giống mối hay giống ong và đàn kiến đã biết chạy mưa và chạy lụt, trong chừng mực nào đó đã thể hiện sự *tự do trong không gian*. Nhưng đó chỉ là *tập tính của loài* tự bảo vệ giống loài, hoàn toàn không có ý thức khi “hành động” như là có tổ chức ấy. Giống ong, mối, kiến... cũng sống trong một bầy với hàng chục nghìn cá thể mà nhìn bề ngoài thì thấy như là rất có trật tự, kỷ cương, đôi khi còn làm ra những cái tổ có kiến trúc thật đẹp khiến ta phải ngạc nhiên. Nhưng có nhà nghiên cứu đã nhận xét rất xác đáng rằng, những con ong cái kiến và những con mối hoàn toàn không bao giờ làm tổ theo một bản vẽ trước. Hoàn toàn không bao giờ có thể tìm thấy một “kỹ sư ong”, một “nhà thiết kế kiến” hoặc một “công trình sư mối”. Do cuộc sống của các động vật bậc thấp đó chỉ là thực hiện bản năng tồn tại, nên cái “xã hội” của chúng dù là mối, là ong hay là kiến, đều chỉ đạt tới trình độ ổn định bậc thấp, không bao giờ và không có sự thay đổi “tiến bộ” hơn cái đã có do “Tạo hóa” ban cho.

Những động vật có xương sống đã phát triển cao hơn, như loài sói, sư tử, khỉ... đã thể hiện được sự tự do trong không gian. Thật thú vị khi ta biết rằng chúng dùng nước tiểu để khoanh vùng “lãnh thổ”. Biên thù của chúng là hàng rào mùi nước tiểu. Nhưng thực ra sự chiếm hữu thô thiển đó là để giữ lấy vùng có thức ăn thích hợp, và cũng để tránh sự quyết đấu giữa những con trưởng thành để trở thành con đầu đàn, mà “nhiệm vụ” nặng nề chỉ là để dễ thực hiện bản năng kéo dài nòi giống. Trình độ tự do trong không gian của động vật rất hạn chế. Nếu bị sập bẫy, chúng không có ý thức mình là chúa tể cái không gian đã khoanh vùng, chúng sẽ chỉ tự cứu thoát khỏi bản năng bị đau, chúng sẽ cố sức dứt cái chân bị bẫy để chạy trốn ngay khỏi “lãnh thổ” tưởng như đã là độc quyền của mình, cho dù sự trốn chạy có bị trả giá bằng việc bị mất chân – có chết vì bẫy thất cổ đi nữa thì cũng chạy trốn bằng được.

Ở những con người nguyên thủy, bản năng người (tính người, hoặc nhân

tính) cộng với nhu cầu sống chung để thỏa mãn cái ăn đã giúp con người không ăn thịt đồng loại (ngay động vật cũng không ăn thịt đồng loại). Thêm vào đó, còn có nhu cầu cùng tránh thú dữ, con người đã sống thành bầy đàn một cách tự nhiên. Cũng đừng nên quên yếu tố giới tính cũng gắn kết con người nguyên sơ thành bầy đàn. Con đực và con cái tìm nhau theo bản năng sinh tồn và do đó thành “tập tục” mà kết quả tự nhiên theo kinh nghiệm sống dẫn đến kéo dài nòi giống, cũng củng cố cho cuộc sống bầy đàn – dù đó là bầy đàn sống chung ngoài trời, trên cây, trong rừng thẳm hay trong “lâu đài” hang động tránh được mưa nắng và giá rét.

Dĩ nhiên, ban đầu trong cuộc hình thành bầy đàn, hẳn cũng diễn ra tranh chấp để người khỏe hơn tranh ngôi thủ lĩnh – nhưng rồi đó cũng lại thành yếu tố để bầy đàn con người đi đến chỗ *sống có tổ chức*. Ban đầu, họ cũng sống trần trụi và tạp hôn như động vật. Nhưng dần dần nhờ có tư duy mà con người khôn lên nhờ biết “rút kinh nghiệm”, nên đã biết làm ra vật liệu che thân chống rét (và do đó mà cũng biết thẹn), biết tạp hôn thì con cái sinh ra không khỏe mạnh, không có người cùng làm ra thức ăn, vô tình thành ra kinh nghiệm tốt cho giống nòi. Của cải nhiều lên, cần có nơi cất giữ, những ai thân thiết nhất cùng sống thành *gia đình* và cùng với gia đình là những căn nhà, dù là mấy tàu lá che nắng che mưa và giữ gìn của cải – ít nhiều gì thì cũng là của cải.

Trong cuộc sống chung đó, những ai là người “khôn” hơn sẽ thành những nhà lãnh tụ. Những lãnh tụ bao giờ cũng là những nhà trí thức, dù là trí thức ở trình độ đương thời. Những nhà trí thức đó ban đầu, theo trình độ của họ, chỉ biết dọa người khác để lôi cuốn người khác theo mình. Tầng lớp thầy cúng chính là những người biết *tưởng tượng* ra các loại thần – Thần Sấm, Thần Sông, Thần Núi... để “dạy dân” cách sống yên ổn bằng cúng tế lễ bái. Đủ thứ nghi lễ sẽ mọc ra dần dần, nghi lễ mai táng, để người chết không về bắt mình đi, nghi lễ được mùa, nghi lễ hôn nhân, nghi lễ tạ ơn sau khi qua hoạn nạn... Thật thú vị khi thấy các “nhà trí thức” đương thời dùng nỗi khiếp sợ để tổ chức cuộc sống xã hội, để con người thoát khỏi cuộc sống bầy đàn mông muội. Có những nhà trí thức khác sẽ không dùng cầu cúng và đe dọa để dạy dân – những nhà giáo và những thầy lang sẽ xuất hiện. Lại có những nhà trí thức khác sẽ thành những ông “vua”, mà biểu ý theo chữ nho 君 Quân chẳng qua chỉ là người tay cầm roi và miệng ra lệnh hoặc quát nạt. Đừng nghĩ “vua” thời cổ được ghi lại thành sự tích cũng giống như các nhà vua thời nay. “Vua” thời đó cũng ăn lông

ở lỗ như dân, cũng cày bừa săn bắt như dân, họ chỉ hơn dân ở chỗ họ khôn hơn đám đông thôi.

Ấy thế nhưng, toàn bộ những gì cuộc sống làm ra để bày đàn người không còn là bày đàn động vật sẽ được gọi bằng một tên chung là *văn hóa* – và ngày nay chúng ta có định nghĩa như sau: *Văn hóa là mọi thứ gì con người làm ra để loài người không còn sống hoang dã*. Tất cả: hạt lúa củ khoai và những luật lệ này khác, ngôi nhà vách đất và lâu đài cùng đền chùa miếu mạo thâm nghiêm, phong tục ma chay cưới xin và những lễ hội “vui như Tết”...

Đó thấy đều là văn hóa. Và văn hóa được kéo dài nhờ giáo dục. Văn hóa được kéo dài thành lối sống và tập tục hàng ngày. Loài người trường tồn nhờ văn hóa lành mạnh – và văn hóa lành mạnh được kéo dài và nảy nở lành mạnh nhờ nền giáo dục lành mạnh.

Kết luận

Câu hỏi *Con người đi về đâu* trong tương lai sẽ không được định đoạt bởi những thầy bói, thầy cúng và những nhà tiên tri các kiểu, mà được giải đáp trong bộ mặt văn hóa hiện thời và trong nền giáo dục hiện thời.

Số phận con người không bị định đoạt bằng những phép lạ. Dem tiền bỏ ống thì đập lợn ra có tiền. Ăn hiền ở lành thì để phúc cho đời sau, nơi *con người đi về đâu*.

Con người gieo gì thì gặt nấy. Chân lý đó chỉ có một, bất di bất dịch.

Luyện tập

1. Thảo luận: (Chú ý sưu tầm tư liệu trước khi làm việc chung) Cùng giải nghĩa khái niệm “phạm trù”. Con người có thể nhận thức mà không cần sử dụng các phạm trù không? Hãy lấy thí dụ để cho thấy có hai phạm trù không thể lẫn lộn với nhau được, nhờ đó mà tư duy được sáng sủa, mạch lạc. Nhờ phân biệt được *phạm trù người* nên chúng ta xác định được nhiệm vụ nghiên cứu về con người được rõ ràng như thế nào?

2. Thảo luận: Hãy chia sẻ với nhau những gì bạn sưu tầm được về Charles Darwin. Hãy kể lại chuyến đi của Charles Darwin trên con tàu Beagle – chuyến đi đó có lợi cho tư duy khoa học của Charles Darwin như thế nào?
3. Thảo luận: Hãy kể lại câu chuyện sau và cùng bình luận. Chuyện kể về nhà triết học Hy Lạp xưa, ông Diogen (404–323 trCN). Ông sống trong một cái thùng, và khi ra ngoài thường mang theo một cây đèn, “để soi tìm chân lý”, ông giải thích như vậy. Ông không thích tham gia vào những cuộc tranh luận đương thời của các nhà triết học về “Người là gì”. Đồn rằng có một lần ông vật sạch lông một con gà và ném ra trước mặt một nhà triết học nào đó vừa phát biểu định nghĩa của mình: “Người là động vật có hai chân và không có lông vũ”.
4. Thảo luận: Hãy bình luận câu trả lời sau của một người khi thảo luận về phạm trù người: “Tôi thấy chẳng cần nghiên cứu cho mệt! Tôi có thể trả lời được ngay các câu hỏi tôi là ai, tôi từ đâu tới, tôi sẽ đi về đâu... Vâng, đây là kết quả nghiên cứu của tôi: Tôi là con của mẹ tôi, tôi từ nhà đến đây, và lát nữa hết giờ học tôi sẽ lại đi về nhà (Lưu ý các bạn: Việc phê phán thái độ nhà nghiên cứu vừa rồi thì không khó. Để các bạn tìm ra sai lầm trong cách biểu đạt của bạn đó).
5. Thảo luận và viết tiểu luận: Việc học về *phạm trù người* giúp ích gì cho ta? Nội dung đó có ích nhưng có quá khó không? Các bạn có thích nội dung này không?
6. Thảo luận và viết tiểu luận: Loài người sẽ đi về đâu? Tương lai của loài người sẽ như thế nào? Chúng ta căn cứ vào đâu để ước đoán về tương lai loài người? Văn hóa và giáo dục có ích gì cho tương lai loài người?

BÀI 2

TỰ ĐỌC – TỰ NGHIÊN CỨU CON NGƯỜI LÀ GÌ?

Hướng dẫn cách học

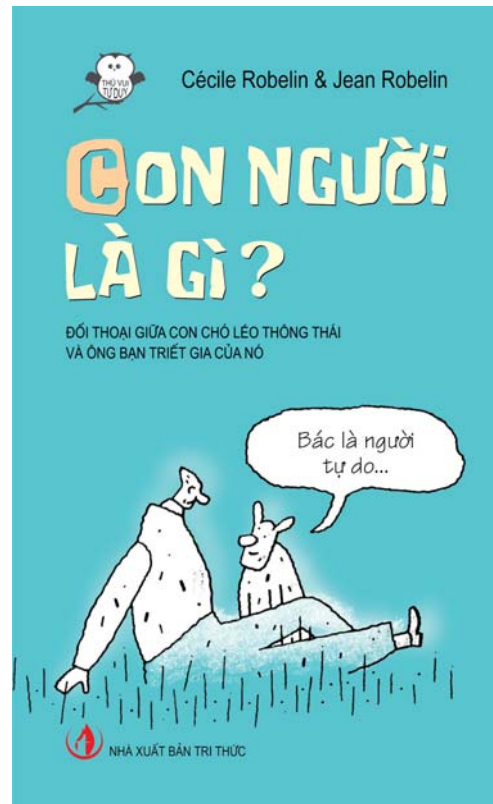
Nhà xuất bản Tri thức có sáng kiến lập một tủ sách *Thú vui tư duy*, bước đầu đã dịch hơn mười đầu sách theo tủ sách cùng tên của Pháp – do nhà xuất bản Gallimard danh tiếng có hơn một trăm năm lịch sử tổ chức.

Tủ sách *Thú vui tư duy* của Pháp xuất bản các loại sách triết học, mỹ học, xã hội học dưới dạng “dễ hiểu”, phục vụ các bạn từ 11 tuổi trở lên. Tuy gọi là “dễ hiểu” đấy, nhưng rồi các bạn sẽ thấy, trên đời này làm gì có những chuyện nghiêm túc như triết học, mỹ học, xã hội học mà lại dễ!

Vì vậy, khi tự đọc để tự nghiên cứu làm mẫu tác phẩm *Con người là gì?* của tủ sách này, xin các bạn cần chú ý mấy điều sau:

a. Tác giả dựng ra câu chuyện *Đối thoại giữa con chó Léo thông thái và ông bạn triết gia của nó* thì đó là để thấy tuy hai nhân vật đó đều là động vật, nhưng động vật – người là nhà triết học vẫn khác hẳn động vật Léo cho dù “bạn” Léo rất “minh mẫn”.

b. Sự khác nhau giữa hai động vật đó sẽ được đúc lại trong những khái niệm, và sách này sẽ giúp các bạn bằng những *chú thích* dễ hiểu. Hãy ghi nhớ các khái niệm mà các bạn đã nắm bắt được. Hãy liên hệ nội dung những khái niệm đó với những gì đã hiểu, và nhớ tự tìm ra các dẫn chứng để ngày càng



hiểu rõ hơn. Khi dặn các bạn đọc cho kỹ là yêu cầu các bạn đọc để nhận ra những khái niệm đó.

a. Dĩ nhiên, sau khi đọc xong, các bạn nên cùng nhau làm các bài luyện tập để tự đánh giá xem mình đã hiểu thêm gì về phạm trù người. Và có lẽ các bạn sẽ nhận ra điều này: Tư duy của con người giúp con người ngày càng phát triển. Đó là điều không dễ dàng. Nhưng đó là một điều vui thú, một hạnh phúc của con người – nhờ đó mà con người thực sự thoát khỏi và vượt lên trên tất cả các động vật.

Xin mời tham gia và tự tạo ra tư duy cùng tác phẩm *Con người là gì?* của hai tác giả Cécile Robelin và Jean Robelin trong bộ sách *Thú vui tư duy*, bản dịch của Phần Khanh.

CON NGƯỜI LÀ GÌ?

Chương I

Kể chuyện con chó tên là Léo đường đột vào nhà triết gia, nó được đón tiếp ra sao, và nhìn cuộc sống của chủ nhà, nó thấy thắc mắc: Có đúng con người sinh ra là để sống chung trong xã hội hay không

Đây là câu chuyện về một triết gia đang bận viết cuốn sách về sự khác nhau giữa con người và loài vật, mà chưa làm cách nào hoàn thành được. Ngày ngày ông đi đi lại lại trong phòng làm việc đầy những giá sách chất ngất trên tường, ông lấy sách xuống, tra cứu chúng kỹ càng. Rồi ông gấp mạnh chúng lại – phù! bụi trong sách bay ra mù mịt như những đám mây nho nhỏ – rồi ông chạy lại bàn làm việc và ghi ghi chép chép vào cuốn sổ. Nhưng hoài công nghĩ đi nghĩ lại mọi điều trong đầu mà công trình của ông vẫn không có gì tiến triển cả.

Một buổi sáng kia, tâm trạng chán nản, triết gia lớn tiếng than vãn: “Nào, có con chó, con mèo, con voi nào muốn nói thì tôi sẵn lòng lắng nghe đây; hãy giải thích cho tôi vì sao con người lại cao hơn muôn loài đến thế.”

Đúng lúc triết gia thốt ra những lời này thì có tiếng móng chân cào cào vào cánh cửa. Xuất hiện trên bậc thềm một con chó cao to, lông màu hung, cái mõm lớn, lông thô nháp, hai tai dựng lên, nó nói với triết gia:

- Hỡi con người cao ngạo, hãy cho em vào nhà, rồi em sẽ giải thích cho bác biết tại sao loài vật lại cao hơn con người đến thế.

Chó lấy mõm hất ông triết gia qua một bên, bước vào nhà, đi thẳng tới chiếc divăng trong phòng làm việc và leo lên ngồi ở đó.

- Đã nhiều ngày em nghe bác càu nhàu một mình, con chó nói tiếp. Bác ngỡ mình đặt ra được những câu hỏi to tát về con người, nhưng ngay với loài vật bác cũng không hiểu biết chúng, huống chi loài người! Còn gì nữa, thấy bóng ngài đi ngang là gà mái ù té chạy, và bác nhìn mấy con mèo như nhìn sự lạ từ đâu rơi xuống. Bác cần được một bài học: Em, con chó tên là Léo tới để dạy bác đây.

- Ôi, một con chó biết nói! Triết gia sững sờ kêu lên.

- Trước đây, em cũng là một con chó như bao con chó khác. Em cũng ăn trộm xương ở mấy cái thùng rác, cũng ễnh bụng phơi nắng và cũng ngủ ở ngoài trời. Rồi một buổi sáng, thay vì đón chào ngày mới bằng tiếng sủa thì em lại cất tiếng nói: “Thêm một ngày tươi đẹp trước mắt đây”.

Triết gia dụi mắt; ông sững sờ nhìn chằm chằm vào con chó đang diễn thuyết. Mình không mơ ngủ thật, vì cánh cửa vẫn đang còn mở toang kia, những vết bùn chân con chó vẫn để lại kia, và con vật thì đang nằm xoài trên mấy chiếc gối.

- Điên đảo hết rồi! Triết gia thốt lên. Xuống ngay, con vật bản thủ kia, lông lá của mày rụng tứ tung rồi!

- Nhẹ nhàng thôi, con người ưa thuyết lý kia. Nếu em tin vào những gì con người tin tưởng, thì con người là kẻ biết nói. Em đang nói đây, vậy em cũng như con người. Và bởi em là một trong những đồng loại của bác, nên bác cần phải tôn trọng em hơn chút nữa đấy.

- Mày vẫn là một con chó với những cái chân lấm bẩn và mép đầy bọt dãi. Mày không cư xử đúng mực và không biết đến phép lịch sự. Chó thì phải biết nghe lời chủ.

Nói rồi, triết gia đến gần con chó và định bọp nắm da ở gáy để lôi cổ nó khỏi divăng. Nhưng con chó quay đầu tránh được, và mở miệng ngáp rõ to. Thấy những chiếc răng nanh sắc nhọn, triết gia lùi lại.

- Em không có ai là chủ để phải tuân theo cả, con chó vươn vai nói tiếp. Chưa từng có ai tròng xích vào cổ em, em thích đi đâu thì đi. Do vậy em quyết định ngồi trên cái divăng này, hừm, cũng chắc chắn thoải mái đấy chứ.

- Như chính lời mày nói, thì mày là chó hoang! Vậy là mày tự biết rõ mày chẳng giống con người! Bởi vì con người là những kẻ sống thành xã hội. Triết gia bắt bẻ lại.

- Con người sinh ra để sống thành xã hội ư? Thật là quá quắt! Con chó vừa nói vừa lắc cái đầu to tướng. Con người kẻ nọ sợ kẻ kia thì có! Con người vẫn chẳng nuôi một con chó để canh cổng nhà mình đấy ư? Chó có bao giờ khóa cửa ngõ kỹ lưỡng trước khi đi dạo không?

- Chó thì chẳng có gì để mà bị mất cắp hết. Triết gia bắt bẻ lại, trong cơn tranh luận cuồng nhiệt, ông bỗng quên bém là đang tranh luận với một con vật.

Vậy tại sao bác lại sợ bị đánh cắp? Léo phản bác. Nếu con người là một động vật xã hội, nó sẽ không lấy trộm của kẻ khác. Ấy thế mà, con người anh nào cũng dựng hàng rào quanh nhà. Hãy nhìn mà xem. Con người ghen tị với hàng xóm vì họ có căn nhà đẹp hơn, có mảnh đất lớn hơn, có chiếc xe khỏe hơn xe của mình. Và nếu không sợ bị trừng phạt, chắc là anh này sẽ cắt cổ anh kia để chiếm lấy tài sản...

Triết gia đi đi lại lại trong phòng, bực mình vì bị bắt bẻ. Đột nhiên ông quay ngoắt lại, đối mặt với Léo, và cãi:

- Nhưng mà mày cũng vậy, mày biết chơi ác, mày biết ngoạm cắn cho đau, đúng thế thì phải.

- Chó có cắn là để giữ khúc xương của nó, nó dùng răng nanh do thiên nhiên ban cho, còn con người không ngừng chế tạo những phương tiện mới mẻ để giết nhau, con người mỗi ngày lại có thêm những chiến lược và gây ra những cuộc chiến ngày càng đẫm máu.

Léo dùng chân sau gãi gãi tai về trầm tư:

- Bác hãy bật tivi lên đi, nó nói tiếp. Bác thấy gì nào? Những con người mang vũ khí tàn sát những người khác cũng mang vũ khí, có khi tàn sát cả những người không vũ khí. Có bao giờ bác thấy một bầy chó săn tấn công một bầy chó bông chưa, hoặc một bầy chó chăn cừu thuần chủng tàn sát đàn chó cảnh chưa? Con người các ngài là những kẻ luôn luôn gây gỗ, cãi cọ và bạo hành. Bác muốn thì em nói toẹt ra đây này, xã hội loài người là cuộc chiến của mọi người chống lại mỗi người...

- Cảm ơn về lời khen xỏ xiên! Triết gia lầu bầu nói.

-... Còn những con chó chúng em bao giờ cũng là những bạn đồng hành

tốt bụng của con người. Ai dắt những người mù lòa? Ai đi tìm những người trượt tuyết bị vùi trong tuyết hay những người bị thương bị vùi trong đồng cỏ nát sau động đất? Ai là người bạn cuối cùng của những người vô gia cư bị cả thế giới bỏ quên? Kết luận thế là đã rõ. Chó là loài vật được sinh ra để sống thành bầy đàn.

Triết gia tức tối, lao tới Léo, vung cặp kính của ông ta lên:

– Tranh luận vô ích, mày chỉ làm ta mất thời gian thôi. Mày không thấy ta đang viết những cuốn sách nghiêm túc hay sao. Ta là giáo sư triết học. Thật ngu ngốc ta lại đi nghe một con chó hung to dùng đuôi lông lá.

Trong lúc triết gia nói những lời này, Léo đã tụt khỏi cái divăng, lẳng lặng đi ra phía cửa. Nó đẩy cửa rồi đi ra, để nguyên cánh cửa mở không khép lại.

– Rảnh nợ! Triết gia kêu lên, ông đóng cửa và khóa chặt. Sau đó ông tới bàn làm việc và ngồi vào ghế.

– Nào, làm việc thôi! Nói rồi ông cầm lấy cây bút.

Chương II

Kể chuyện triết gia biết lỗi và tỏ ra ân cần với chó Léo

Ngày lại ngày trôi qua và triết gia băn khoăn hoài liệu ông có bị ảo giác không.

– Một con chó biết nói! Đó là điều không thể có! Ông lâu bầu. Rồi ông lại chìm đắm trong những suy nghĩ triết học của mình.

Thế là cái thư viện của ông lại bị ông xới lộn lên. Trong cuốn vở có dòng câu hỏi viết chữ in hoa: “PHẠM TRÙ NGƯỜI – CON NGƯỜI LÀ GÌ?”, ông ghi chép chen chúc bằng những hàng chữ ông viết chẳng tài nào đọc nổi. Nhưng vô ích. Công việc không tiến thêm được chút gì.

Một tuần trôi qua và ông có thói quen để cửa hé mở... nhờ đâu... Nấp sau rèm cửa, ông để ý những con chó đi qua đi lại bận rộn với những việc riêng của chó. Rồi ông nhún vai quay về với sách.

Tối buổi sáng ngày thứ mười, ông bước ra ngưỡng cửa đúng lúc Léo sắp đi ngang. Chờ lúc nó ngang tầm, triết gia nói bằng quơ:

– Chúc một ngày tốt đẹp!

Nhưng con chó Léo cứ bước đi thẳng, không thèm liếc nhìn ông. Trở vào nhà, nằm dài trên divăng, hai tay ôm đầu, ông lầu bầu: “Thực sự ta kiệt sức rồi, ta bắt đầu lảm nhảm trò chuyện với cả chó nữa...”

Tuy thế, hôm sau, triết gia lại vẫn ra đứng ở ngưỡng cửa và rình chờ con Léo. Khi thấy con chó tiến tới, ông phát ra những tiếng thân thiện:

– Chậc, chậc! Chó ngoan này, có thích một khúc xương không, thích chứ nhỉ, cún con?

Léo tiếp tục bầm bầm bỗ bỗ bước đi và nói buông thông:

– Ngốc đầu ngốc thế, cái lão triết gia này!

Ông xấu hổ quay vào nhà.

Ông đợi hai ngày trôi qua rồi mới lại lộ mặt ra ngoài. Và khi Léo xuất hiện, ông thì thầm nói:

– Tôi xin lỗi, Léo.

– Hẳn là bác đã viết được thêm nhiều điều cho tác phẩm triết học đồ sộ của mình, con chó nói và sắp sửa tiếp tục bước.

– Thật thà mà nói, tôi chỉ dậm chân tại chỗ, triết gia cúi đầu nói. Tôi luôn nghĩ đến những lời phản bác của cậu, và có vẻ như chúng có đôi chút ích lợi với tôi. Đề nghị với cậu, chúng ta hãy tiếp tục cuộc tranh luận.

– Vậy là bác cần đến em, con chó nhận xét với vẻ thú vị.

– Đúng thế, triết gia thú thật.

Léo bước vào trong phòng và ngồi trước lò sưởi.

– Lên trên divăng mà ngồi, ở đó dễ chịu hơn, triết gia đề nghị. Cậu muốn uống chút gì không? Làm một chiếc bánh quy nhé?

Chương III

Kể về câu hỏi mới nảy sinh: Tại sao con người lại sống chung với nhau

Con chó ngồi trên divăng, gặm chiếc bánh gatô; Ăn một lúc rồi nó mới nói:

– Em nhận ra bác định làm gì rồi. Bác tìm cách cho em thấy con người là những động vật sinh ra để sống trong xã hội. Ông triết gia thì biết đón khách ạ! Ông ta mời kẻ khác nào chỗ ở nào cái ăn.

– Quả là có vậy, triết gia nói tiếp. Tôi cần được sống chung đụng với... các đồng loại của mình. Còn cậu thì ngược lại, cậu sống một thân một mình, cho phép tôi nhận xét về cậu như thế.

- Không phải thế! Thỉnh thoảng, em có chơi với con chó ở trang trại nhà Rondot. Khi mùa xuân đến, em đi gặp cô Yellow xinh đẹp, nàng chó nòi có bộ lông vàng ở quán rượu... Khi đôi chó làm chuyện đực cái với nhau, chúng hít hà và nhận ra nhau nhờ mùi vị. Chúng em ai đi đường nấy, nhưng chúng em vẫn gặp nhau.

- Còn con người thì luôn luôn sống cùng nhau, triết gia tiếp. Họ luôn luôn liên hệ với nhau.

- Nhưng sao các bác cứ luôn luôn phải sống cùng nhau trong khi các bác không thể chịu đựng được nhau? Léo hoài nghi hỏi.

Triết gia đã nhích tới gần con Léo. Ông ngồi lên thành ghế và suy nghĩ về câu hỏi của con chó, câu hỏi cũng khá đích đáng đấy.

- Con người luôn cần đến nhau, lát sau triết gia trả lời. Sống trong một xã hội, không chỉ có nghĩa là sống cùng với nhau. Đó là làm việc cùng nhau. Người nông dân trồng trọt và cung cấp lúa mì cho người làm bánh mì. Người làm bánh mì nhào nặn rồi làm ra bánh mà tôi đang ăn. Còn tôi, tôi dạy triết học cho con cái những người nông dân và những người làm bánh mì kia. Con người sống theo nhóm, và trong nhóm thì có **phân công lao động**¹.

- Nếu vậy, con chó cãi lại, khi con cáo chỉ săn con thỏ và con thỏ chỉ đào xới hang của nó, như thế không là lao động à? Còn anh họa sĩ đơn độc ngồi bôi màu lên tấm toan hay triết gia chỉ ngồi ở góc nhà viết cuốn sách đồ sộ của mình mà sẽ không ai đọc, đó cũng không phải là lao động nốt. Và khi mà bác ngồi một mình, không có cả con chó Léo này bầu bạn, có thể nói khi đó bác nhàn rồi chẳng làm gì?

- Ngay cả khi tôi đóng cửa ngòi trong phòng để viết lách, tôi cũng không chút nào đơn độc một mình. Để viết nên cuốn sách của tôi, tôi phải đọc rất nhiều các nhà triết học khác, tôi phải quan sát những ai đang sống quanh tôi. Hơn nữa, sách tôi không viết chỉ cho bản thân mình. Tôi muốn mọi người sẽ đọc sách của tôi, người ta sẽ đặt cho tôi những câu hỏi về những gì tôi viết ra, và tôi sẽ trả lời họ. Tôi làm việc cho mọi người, triết gia khẳng định chắc như đinh đóng cột.

1 Phân công lao động: Con người sống chung trong xã hội nên họ phân chia nhau các công việc từng người phải thực hiện. Người này làm đồ tể, người kia làm thợ xây, người nữa làm y sĩ... Ta gọi đó là khái niệm phân công lao động.

Chương IV

Kể chuyện chó và người tranh luận về vấn đề loài vật có lao động hay không

Con chó nhảy khỏi ghế sofa, duỗi chân vươn mình cho đỡ mỏi, rồi bước tiếp đến gần lò sưởi và nằm dài trước ngọn lửa, mõm đặt lên hai chân. Nằm sưởi lòng, nó nghĩ đi nghĩ lại những điều hai bên vừa trao đổi. Rồi nó cất lời:

– Tạm kết luận thế này: Con người vậy là được sinh ra để sống chung trong xã hội, bởi vì lao động cùng nhau thì cũng thỏa mãn mọi nhu cầu của họ.

Nó ngừng một chút rồi nói thêm:

– Rút cục là các bác cũng y hệt như những con kiến bé nhỏ kia, sớm tối tha lương thực trên lưng về tổ. Chúng cũng sống thành xã hội đấy.

– Lao động không chỉ có nghĩa là hoàn thành một nhiệm vụ mà thôi, triết gia đáp lại. Ngày này qua ngày khác, kiến đều làm một công việc theo cùng một cách thức. Chính bản năng đã thôi thúc chúng mang vác trên lưng lương thực của chúng. Chúng không thể làm khác.

– Nhưng bác cũng vậy, bác cũng bị buộc phải lao động. Nếu bác không đi giảng bài, bác sẽ không kiếm được tiền, và như vậy bác cũng sẽ chẳng có gì để ăn, con chó phản bác lại.

– Đúng là để kiếm sống, con người phải làm một công việc nào đó. Nhưng con người lao động theo cách khác nhau. Đây này, ngay hai ông thợ làm bánh mì cũng không làm ra hai cái bánh giống nhau. Ngay cùng cách lao động của con người cũng thay đổi: Tôi không giảng cùng những giáo trình như hồi tôi là giáo sư trẻ.

– Còn em ấy à, khi em săn mồi, em trông cậy vào linh cảm không thể lẫn lộn của mình, tin vào đôi chân chắc khỏe của mình. Cần quái gì phải thay đổi cách làm ăn của mình nhỉ? Có con mồi ở đâu là em biết liền! con chó vừa nói vừa tự hào hếch mũi lên.

Triết gia mỉm cười và thừa nhận:

– Có thể con người chúng tôi đã đánh mất linh cảm rồi. Vì thế, để đi săn cho ăn chắc, chúng tôi gộp những kỹ năng của từng người và mỗi người tự chọn vai trò của mình phù hợp với kỹ năng của người khác. Những người nhanh chân nhất sẽ đuổi mồi săn ra khỏi chỗ trú, còn những người khác nấp đợi ở góc rừng.

- Bác có thực sự nghĩ là con người chọn lựa nghề nghiệp của họ không? Dù sao thì mỗi người đều làm tròn cái công việc được giao. Mỗi người đều có một vị trí và trụ lại đó, cũng hết như với con vật cả thôi, Léo quả quyết.

Triết gia đứng dậy. Hóa ra ông cũng giống cái con chó to lớn màu hung này ở khá nhiều điều! Nhưng ông hài lòng với cuộc tranh luận thân thiện và bổ ích này. Để đỡ mệt và cãi cho hăng, ông vừa nói vừa đi đi lại lại trong gian buồng:

- Không, tôi không đồng ý với cậu. Con người không ai có sẵn một chỗ nào, họ không ngừng lao động để xác định cái vị trí đó. Đó là một cuộc học hỏi thường xuyên, và họ tiến lên trong cuộc luyện tập đó. Người thợ làm bánh mì học cách làm bánh, và anh ta càng trau dồi trong công việc thì bánh của anh càng ngon. Và nếu triết gia không mó tay vào công việc, nếu ông ta không chuẩn bị bài giảng thì thế nào ông ta cũng giảng dạy rất tồi. Khi ai đó quên cách làm, kẻ đó mất đi bàn tay thành thạo. Còn con kiến thì chẳng cần phải luyện tập để tha thức ăn về tổ.

- Nếu em hiểu đúng ý bác, thì nếu bác không liên tục đào sâu suy nghĩ, nếu bác không chịu khó chịu khổ, thì bác sẽ thành một triết gia tồi. Trong khi đó lại không có những con kiến tồi không biết thực hiện nhiệm vụ của nó; còn em, trừ phi bị ốm thì chẳng kể, còn thì lúc nào em cũng biết cách đi săn, con chó quả quyết nói.

- Kiến thì chỉ hoàn thành đúng một nhiệm vụ, trong khi con người chúng ta có thể học cách thực hiện nhiều hoạt động, triết gia nhận xét.

- Chó cũng có thể làm được nhiều việc: đi săn, tìm dấu vết những người bị lạc, đánh hơi để nhận ra đồng loại.

Triết gia hơi tỏ vẻ xuống nước:

- Loài chó thông minh hơn loài kiến...

- Xin cảm ơn...

-... Chính vì thế mà con người có thể huấn luyện chúng làm được nhiều điều...

- Và nếu con người có thể làm được nhiều điều thì đó là do có ai đó huấn luyện để họ làm được những việc đó! Léo trả lời còn mắt vẫn dõi theo bước chân của triết gia đang đi lại trong phòng.

Triết gia dừng bước lại. Ông ngồi và ngả người cho thụt sâu vào trong ghế. Rồi ông vất hai tay lên đầu gối, hít một hơi thật sâu rồi nói với vẻ quan trọng:

- Lao động giáo dục con người chứ lao động không huấn luyện họ như là huấn luyện con vật! Trong lao động, con người phát triển tinh thần và kỹ năng. Chính lao động đã tạo ra con người. Cậu thấy đấy, thông qua lao động mà con người có những bước phát triển và tiến hóa. Vì vậy con người tìm thấy trong lao động không chỉ sự thỏa mãn các nhu cầu của họ mà cả niềm hạnh phúc nữa.

Con chó đang nằm bồng đứng dậy, nó nhảy phốc ra khỏi cái divăng, trườn đến gần triết gia và nhìn thẳng vào ông:

- Này, cái nhà bác con người kia, bác có định lừa em không đấy?

- Nhưng... sao cơ? Xin lỗi... lừa như thế nào nhỉ? Triết gia lúng búng, chỉnh lại cặp kính để bình tĩnh lại.

- Cứ như thể bác định làm cho em tin rằng sáng sáng bác thực bụng dậy sớm để đến trường dạy học ấy! Có chắc là bác thấy hài lòng và hạnh phúc khi bác bước đi trong giá rét để đến trường giảng bài, khi bác cứ như thể đánh vật để cố giảng giải những tư tưởng hết sức phức tạp cho lũ học sinh chỉ để một nửa tâm trí nghe bác nói thôi? Bác muốn em tin rằng con người sống để lao động ư: em thì em nói là họ lao động để sống, và họ sẽ còn sung sướng hơn nữa nếu được nghỉ lao động và làm những điều họ thích. Hạnh phúc, đó là sự lười biếng, con người cũng thế mà loài chó cũng thế!

- Tôi đồng ý với cậu rằng sự nhàn rỗi có thể đem đến cho con người những niềm vui lớn, nhưng cậu nói con người thích lười biếng thì, xin lỗi..., triết gia lầu bầu cãi lại.

Léo nhảy ra khỏi divăng, tiến ra cửa và nói thêm:

- Hôm nay tranh cãi thế là đủ rồi. Đã đến lúc em phải trở về với những hoạt động khác. Hãy suy nghĩ một chút về những điều chúng ta đã trao đổi, hãy ngồi gần lò sưởi cho ấm và nghỉ ngơi một chút. Em sẽ quay trở lại để nói rõ cho bác biết cái gì là thực sự quan trọng đối với người nào biết ngừng lao động.

- Chuyện đặc biệt gì cho tôi vậy? Triết gia hỏi khi vẫn đang ngồi trong ghế.

- Để rồi coi, Léo nói và đi ra.

Con chó đi rồi, triết gia duỗi thẳng chân về phía lò sưởi đang cháy tí tách. Rồi ông cởi giày và tắt, để chân trần lại gần ngọn lửa. Ông thở dài.

Chương V

Kể về vấn đề tranh cãi nữa là: Liệu lao động có làm cho con người hạnh phúc chăng

Sáng hôm sau, triết gia đặt sẵn cho Léo bánh quy và một bát nước to lên cái bàn thấp chân. Ông đã ghi vào cuốn sổ nhỏ các suy nghĩ về những điều hai bên tranh cãi hôm qua, và chuẩn bị cả những lập luận để phản biện lại con chó lông màu hung. Ông đợi con chó trong tư thế đàn hoàng đỉnh đặc. Đúng 10 giờ, con chó đã ngồi đó trước cái cửa mở rộng. Ông chủ lịch sự mời cậu ta vào nhà và cùng ngồi với ông trên divăng.

- Không không, con vật nói, ta ra ngoài thì hơn. Ngày nào bác cũng giam mình trong nhà, buồn không khác gì những con mọt đang nhấm nháp sách cũ của bác. Nào, hôm nay em sẽ dạy cho bác cái điều bác chưa được biết: Hãy biết sống cho thông thả.

Triết gia vừa lấy chiếc áo vét vừa cần nhàn và đi theo con chó khi ấy đã đang tung tăng trên đường.

- Hãy nhìn bác kìa! Con chó ngoảnh nhìn lại và thốt lên. Đi kiểu gì mà đi như kẻ đường thẳng trên đường vậy, hãy làm theo em, hãy đi lông nhông bên nọ bên kia như thế này này, hãy để cho gió cuốn bác đi. Em sẽ cho bác cảm nhận như bắt gặp lần đầu trong đời hương vị những bông hoa bên vệ đường, em sẽ chỉ cho bác thấy những con vật sống trong rừng. Hãy lắng nghe tiếng bước chân bác đang dội trên đường...

Léo thỏa sức chạy, triết gia khó khăn lắm mới theo được nó, và ông thở dốc. Đến một cánh đồng cỏ lớn mọc đầy hoa chuông thì con chó lăn tròn trên cỏ. Còn ông bạn đồng hành của nó thì đứng đó và nhìn nó.

- Hãy nằm xuống chỗ đó, nằm ngả vào đám cỏ mượt mà này, Léo bảo ông ta.

Cả hai, nằm dài ngẩng mặt lên trời, bắt đầu trò chuyện. Thời gian trôi qua và Léo nhận xét:

- Điều hai ta đang làm, là thông thả nhẩn nha vừa thảo luận vừa thưởng thức hương hoa, đó không phải là làm việc. Tuy thế chúng ta vẫn đang làm một điều gì đó.

– Chính vì lẽ đó mà tôi phân biệt **nhàn rồi**¹ với lười nhác, triết gia nói với về quan trọng.

– Nhưng để thời gian trôi, không bận tâm đến thế giới xung quanh, thì đó cũng là lười nhác! con chó nói. Bây giờ đây hai chúng ta đang tự do, đang chẳng có bất cứ ép buộc nào khác ngoài những ép buộc do chính ta tạo ra, chúng ta thanh thản dựng xây các ý tưởng. Vậy đó, đâu có phải lao động khiến ta hạnh phúc. Hãy nhìn đồng loại của bác mà coi! Khi họ đi làm, nom họ sao mà bi thảm!

– Đúng thế, triết gia ghi nhận ý đó, nhưng nếu họ ở nhà không làm gì thì họ lại chán ngấy, họ không tạo ra được một thứ gì cả. Con người co mình khẹp kín trong bốn bức tường, con người không làm gì cả bằng chân tay và trí óc, là con người trì trệ. Con người đó không tiến bộ lên.

Con chó nhai một cọng cỏ và nhìn triết gia:

– Như vậy, cuộc sống thật sự không phải là lao động, mà cũng chẳng phải là lười nhác. Nhưng khi lao động mà nhàn rồi thì con người mới cảm thấy hạnh phúc. Làm cái gì thích hợp với ta, theo nhịp độ của ta, điều đó sẽ khiến ta trở thành những con người hoàn thiện phát huy được mọi khả năng của mình. Hôm qua, khi em với con chó chăn cừu Youki cùng canh giữ đàn cừu nhà ông Monneron, em cũng được hít thở hương vị tuyệt vời của đất, em rượt đuổi theo lũ thỏ... em thấy thật hạnh phúc. Con người, hãy học sống cho xứng đáng, như cuộc sống một con chó đi!

Chương VI

Kể chuyện đôi bên hỏi nhau về khả năng hoạt động ngôn ngữ của loài vật

Ngày hôm sau, triết gia dậy muộn. Ông nán lại trên giường lâu hơn thường lệ, lắng tai nghe những âm thanh của làng quê vọng vào từ bên ngoài. Cực kỳ

1 Nhàn rồi: Nhàn rồi khác hẳn lười nhác. Lười nhác là chẳng làm gì hết. Trái lại, nhàn rồi là hoạt động cố ý chọn lựa khi ta có thời gian không phải làm những việc bắt buộc và khi đó ta làm mọi điều mà chẳng hề bị thúc ép, áp đặt. Ví dụ như khi ta chơi với bạn bè, khi ta quyết định đọc một cuốn sách hoặc chơi một môn thể thao ưa thích, đó là nhàn rồi, còn việc học ở trường thì phải bị áp đặt theo thầy: Nhà trường không phải là nơi để ta sống nhàn rồi...

khoan khoái, ông đi sửa soạn bữa sáng và hy vọng con Léo sẽ ghé qua. Quả nhiên, đúng 10 giờ thì Léo lộ mặt đến. Nó vào nhà, đuôi cụp, bước chân chẳng cần vội vã, mắt lơ đãng, và càu nhàu:

– Bác hãy nhớ rằng em đến đây sáng nay là mang đến cho bác một ân huệ! Em biết khá rõ là em cần để giúp bác hoàn thành cuốn sách kia, thiếu em thì bác tiêu luôn, nên em đồng ý cùng ăn nhẹ với bác... Em cũng sẵn sàng chợp mắt dưới nắng ấm. Em vừa trải qua một đêm khủng khiếp. Lũ chó làng chúng em đã trò chuyện suốt đêm. Cả một dàn hợp xướng chó đối đáp không dứt vang vọng khắp vùng quê.

Léo nặng nề ngồi xuống trước lò sưởi và nói thêm:

– Chuyện dài dòng đây đưa thêm là như thế này. Có thể chúng em không đầy đủ chất người – hoặc không đủ ngu ngốc – để có thể lao động như con người, nhưng những cuộc trò chuyện thâu đêm này chỉ rõ một điều rằng chúng em là một xã hội loài chó. Chúng em nói năng được với nhau.

– Nhưng, cậu Léo tội nghiệp của tôi ơi, chó không biết nói! Triết gia đình chính lại. Dĩ nhiên sống trong xã hội thì bắt buộc phải cùng nói năng với nhau. Nhưng chỉ có con người mới biết nói thôi.

– Thế loài vật chúng em không biết nói sao? Léo phẫn nộ hỏi.

– Không hẳn vậy, anh bạn Léo... tất nhiên là trừ cậu ra rồi.

– Nhưng em hiểu đồng loại em nói gì, con chó nói. Và chúng cũng hiểu em nói gì. Khi Rex con chó chăn cừu Đức sửa lên, em hiểu ngay là cậu ấy ra tín hiệu báo động, rằng có kẻ đang lờn vờn quanh nhà. Khi Jasper con chó Mêhicô bé nhỏ đến nức cười cất tiếng sửa nhanh nhách như điên, em biết là nó đang sợ. Còn em, đáp lại thì em sửa để thông báo là em đang ở đó. Như vậy, chúng em giao tiếp với nhau...

– Các cậu có giao tiếp với nhau, nhưng các cậu không nói được.

– Hà hà! Bác diễn đạt tinh tế đấy, Léo nhận xét.

Triết gia khi ấy đã đến gần cửa sổ liền vẫy Léo đến cùng. Bên ngoài, Milord, một con mèo lớn lông đen và trắng đang lùi lại khi nhìn thấy con chó trông nhà to lớn Billy đang chậm chậm đến gần nó. Con mèo lông dựng lên và kêu những tiếng dài rên rỉ. Đối thủ của nó cũng gầm gừ.

– Hãy nhìn hai con kia một chút đi. Con chó sửa để tỏ ra tức giận, con mèo kêu lên để tỏ ra sợ sệt. Loài vật dùng tiếng kêu để diễn tả cảm xúc. Chúng cũng có thể biểu hiện các nhu cầu: đòi được ra ngoài, đòi được ăn. Bọn chó các cậu

khi sửa thì nói lên được một tình huống đang xảy ra. Còn nói chuyện là nói những điều vắng mặt không hiện diện trước mắt ta. Nên tôi cũng có thể nói về những điều chưa có. Tôi có thể nói: “Ngày mai tôi sẽ ăn xúc xích...”

– Hãy mời em! Con chó nói và liếm mép.

Nhưng triết gia nói tiếp:

– Và tôi cũng có thể hình dung những điều không còn tồn tại nữa, những gì đã biến mất rồi. Tôi nhớ lại bữa sinh nhật của tôi tổ chức vài tháng trước đây, và tôi có thể kể lại cho người khác nghe. Tóm lại, năng lực nói đòi hỏi ta biết đặt mình trong mối liên hệ với cái thời điểm mình định nói. Cần phải có khả năng phát ngôn lên những điều đã xảy ra và sắp xảy đến.

– Thế thì cũng phức tạp thật, con chó nhận xét.

– Tại thời điểm chúng ta đang nói năng đây, triết gia tiếp tục, tôi có thể định vị được thời gian, tôi biết hôm nay là ngày nào, biết là đang gần đến trưa. Tôi ước lượng được thời gian đang trôi. Tôi biết tuổi của tôi và cảm nhận được rằng tôi đang già đi. Tôi có thể nói về tất cả những điều đó. Chó thì không thể làm được như vậy.

Léo lắng nghe chăm chú bạn nó bày tỏ mọi điều.

– Con người còn có thể nói tới cả những điều không tồn tại, triết gia tiếp tục với giọng sôi nổi. Đây này, tôi có thể bịa ra cả một câu chuyện và kể ra: Trước mắt tôi là một con chó có năm chân với đôi mắt to màu tím đang đan một bộ đồ mặc trong nhà...

– Nhưng mà, con chó ngắt lời triết gia để phản đối, nếu con người có thể nói những điều không tồn tại, thì họ cũng có thể nói dối. Chó chúng em chỉ thể hiện tình cảm của mình, chúng em không lừa gạt ai cả. Đó lại là một khiếm khuyết của con người các vị! Con người là một con vật dối trá!

– Đúng, được thôi... Đúng là con người có khả năng nói dối. Nhưng đó là vì chúng tôi có khả năng nghĩ tới những hoàn cảnh, những nhân vật không tồn tại thực, chúng tôi có thể sáng tác những câu chuyện, viết tiểu thuyết, tạo ra một thế giới tưởng tượng trong một tác phẩm nghệ thuật, triết gia trả lời.

Triết gia và con chó lại ngồi lên cái đống lấm lem vết chân con chó. Cả hai cùng ra vẻ suy tư.

– Nhưng như vậy thì thật kinh khủng! con vật kêu lên sau khi đã nghiền ngẫm những gì ông bạn vừa nói với nó. Nếu bác nghĩ đến tương lai, nếu bác tưởng tượng những điều có thể xảy ra, vậy bác biết rằng có một ngày bác sẽ

chết, và bác thể tượng tượng ra đủ điều đau đớn. Để được hạnh phúc, tốt hơn cả là sống cho sung sướng ngay bây giờ!

- Có thể. Nhưng trong chuyện này, cánh nhà chó các cậu bị hạn chế lắm. Khi con Rex sủa vì thấy một kẻ đột nhập, đó là nó gửi đi một tín hiệu. Nó ngăn kẻ lạ đi qua, gần giống như đèn đỏ buộc ô tô phải dừng lại. Còn tôi, khi tôi thấy có người lạ, tôi hỏi người đó cần gì, tôi hỏi anh và anh trả lời tôi, chúng tôi cùng nhau nói chuyện. Nói, không phải là phát ra các tín hiệu, mà là liên kết các ý tưởng bằng những câu nói. Đó là gắn kết các từ ngữ với nhau.

- Vớ vẩn! Léo cãi lại, con ong múa lượn trên trời để thông báo cho bầy đàn khoảng cách và hướng đi tới nơi có phấn hoa. Chúng tạo ra các câu nói theo cách của chúng. Những đường nét múa lượn kết hợp với nhau như những từ ngữ trong một mệnh đề.

- Nhưng con ong bao giờ thì cũng chỉ thông báo nhõn một điều thôi! Chúng không biết áp dụng những điệu múa lượn đó vào các tình huống khác. Ta không bao giờ thấy ong dùng điệu múa lượn để kêu gọi những con ong khác đình công hoặc là để tỏ tình. Con người không chỉ tạo ra được những câu nói phức tạp mà còn luôn luôn sáng tạo ra những câu mới. Con người chúng tôi đủ sức nói mọi điều đến vô cùng tận.

Triết gia ngừng lại suy nghĩ. Rồi ông tiếp tục:

- Ngôn ngữ của loài người là như sau: nói những điều không hiện diện tại chỗ, tạo ra các câu nói và đủ sức tạo ra những câu luôn luôn mới. Chúng tôi có thể nghĩ tới điều gì không tồn tại trước mắt, mà chúng tôi có khả năng sáng tạo, dự tính tương lai, hồi tưởng quá khứ, và tạo ra những từ ngữ mới để diễn tả mọi điều đó.

Con chó vẫn còn hoài nghi, nó nhận xét:

- Nếu chỉ con người là nói được những điều vô cùng tận, những điều luôn luôn mới, điều đó có nghĩa là loài chó chúng em không có tư duy như các vị... Nói vậy, chứ chúng em cũng biết liên kết các ý tưởng của mình: Có lần con Billy tựa vào cái thang và bị cái thang đổ vào người nó, kể từ đó nó rất sợ thang và bao giờ cũng cẩn thận đi vòng qua nó...

- Tất nhiên rồi, Léo à: Con Billy lưu giữ những hình ảnh trong cái đầu rất giỏi ghi nhớ của nó. Nó liên hệ cái thang với sự đau. Nhưng nó lại không hiểu được rằng chính trọng lượng của nó đã làm đổ cái thang. Vậy là, khi Billy dựa vào một đồng gỗ xếp không cẩn thận, nó cũng không đoán trước được nguy cơ

đồng gỗ rơi xuống nó. Nó không liên hệ hình ảnh đồng gỗ kia với trường hợp cái thang. Còn con người chúng tôi thì có thể tính toán và dự báo. Từ những **kinh nghiệm**¹ mình thu được, chúng tôi thiết lập các **lý thuyết**².

Léo lắng nghe chăm chú những điều triết gia nói, và ông này tiếp tục với vẻ uyên bác:

– Cậu thấy đó, Léo, con người là loài duy nhất biết nói, biết suy nghĩ và có **lý tính**³.

Chương VII

Kể chuyện con chó không mấy tin chắc rằng con người là động vật có tư duy

Léo lăn lộn trên mặt đất và cất tiếng sủa thích thú.

– Cậu sao vậy, điên à? Triết gia hỏi, có vẻ khó chịu.

Con chó nghech cái mõm lên:

– Đồng ý rằng các bác có suy nghĩ phức tạp hơn chúng em. Nhưng liệu bác có phải là một động vật lý trí?! Bác có đồng tình rằng một động vật **duy lý**⁴ là động vật biết được điều gì là tốt, là có lợi cho nó, đúng thế không?

– Hoàn toàn đúng, triết gia công nhận.

– Ta hãy cùng xem xét vấn đề này kỹ thêm đi, con chó tiến sát lại.

– Bác triết gia này, bác cho em biết, bác có thấy rằng bụng bác hơi bị to không?

– Có như vậy, triết gia trả lời và cúi đầu xuống.

– Bác có tin chắc là bụng to như vậy là có lợi cho sức khỏe không? Con chó hỏi.

– Tôi biết rõ là tình trạng thừa cân có thể kéo theo sau nhiều căn bệnh hiểm nghèo.

1 Kinh nghiệm: Là mọi điều hiểu biết có được nhờ quan sát thế giới xung quanh. Xin đọc chú thích về lý thuyết để biết về một kiểu hiểu biết khác nữa.

2 Lý thuyết: Là mọi ý tưởng tập hợp lại để lý giải các sự kiện đã quan sát được. Xin đọc lại chú thích về kinh nghiệm

3 Lý tính: Nhờ vào lý tính mà con người phân biệt được đúng với sai, thiện với ác, và rút ra những hệ quả từ những điều đã nhận thức được.

4 Duy lý: Con người duy lý có lý trí, hành động theo lý trí đó và phù hợp với lý trí đó.

- Và do chỗ bác biết như vậy nên bác ăn ít đi, chuyện đó thật hiển nhiên, con chó nói rất ngọt ngào.

- Không hẳn là thế, triết gia thú nhận và thót bụng lại.

- Vậy ngài phải chơi thể thao ở ngoài trời để giảm cân và để có một cơ thể khỏe mạnh?

- Không hoàn toàn vậy. Thỉnh thoảng tôi đạp xe tập trong phòng, triết gia khiêm tốn nói.

- Ta tạm sơ kết nhé. Bác biết là bác cần phải giảm cân nhưng bác lại không làm gì để thực hiện giảm cân. Có nghĩa là bác hành động ngược với lý trí. Con người nào mà có thiên bẩm thì cũng đều biết giữ gìn sức khỏe! Xem như em đây: Em chạy chơi thôi cho tới tận trang trại của nhà Rondot. Tối đó, bà chủ Odile cho em ăn một ca súp hay một đĩa bánh bột rán. Vậy mà, hãy so sánh đường nét cơ thể bác với em mà xem... Có lý trí là gì nhỉ, bác triết gia tội nghiệp của em, đó là biết kết hợp hài hòa mọi đòi hỏi của cuộc sống: Ăn uống lành mạnh, thân thể lành mạnh, tinh thần linh hoạt, có tất cả những cái đó để được hạnh phúc!

Léo vươn người, ngáp dài và lăn ra ngủ ngay bên lò sưởi.

Chương VIII

Kể chuyện triết gia và chó thi nhau bên thì khoe cuộc sống văn hóa và bên thì khoe cuộc sống tự nhiên

Léo hé mở một bên mắt ra. Sau đó là mở cả hai mắt. Nó quá ngạc nhiên ngẩng đầu, tai dựng lên, và nhìn quanh. Nó đang ở nhà của bác triết gia, người nó cuộn tròn trong chiếc chăn ấm. Mặt trời đã lên cao và ánh nắng tràn ngập rọi vào các giá đầy sách. Như thường lệ, nếu ngủ ngoài trời thì sương đọng có lẽ đã đánh thức nó dậy từ lâu rồi và lúc này nó đã đi kiếm thức ăn. Bây giờ thì nó lại thấy một đĩa đựng đầy những viên *bi ngon ngon bi zòn zòn* dành cho chó nhá. Sau khi đã ngoém hết sạch, nó ngồi dậy và nghĩ tới cuộc trao đổi ý tưởng bữa qua. Rồi nó vùng dậy và nói: “Được rồi, bây giờ ta cứ thử một keo xem sao!”

Nó lấy mõm khéo léo mở cửa tủ lạnh và lấy ra một khúc xương bê dành cho nó và một cây tỏi tây – thứ ông triết gia rất ghét! Nó ra khỏi nhà, tiến về phía Billy, con chó ở trang trại cạnh đó, và nói với con này:

- Billy bé nhỏ ơi, tôi nói được và lý luận được là bởi tôi bị ma ám, buộc tôi phải giống như cái loài đi bằng hai chân kia. Nhưng cậu thì vẫn còn nguyên vẹn là chó thật, cậu có thể học nói mà không phản bội đồng loại!

Nó đưa khúc xương và cây tỏi tây ra trước mặt bạn mình, đề một chân lên khúc xương và nói to: “Xương”. Billy vẩy tít cái đuôi, hết sức hài lòng. Léo đề chân vào cây tỏi tây và phát âm rất thành thạo: “Tỏi tây”. Billy nhìn cậu với đôi mắt mở to. Léo lặp lại việc huấn luyện: “Xương này, tỏi tây này, xương này, tỏi tây này...”, lần lượt đặt chân lên vật này rồi sang vật kia. Nhưng Billy vẫn không hiểu, nó liền nhảy tung tăng quanh Léo và khi con chó bỏ chân khỏi khúc xương, nó liền lao tới chiếm lấy khúc xương và chuồn thật nhanh vào trong cũi.

Triết gia khi đó đã ra khỏi nhà và chứng kiến cảnh đó.

- Cậu muốn dạy nó nói ư? Triết gia hỏi.

- Đúng thế, Léo trả lời, dạy, nhưng nó không hiểu.

- Đúng rồi, ông bạn Léo của tôi ạ, triết gia vừa nói vừa vỗ vỗ nhẹ vào đầu con chó, làm sao mà chó lại học nói được. Ngay cả khi là những con có thể học được đôi ba điều thuộc **ngôn ngữ tín hiệu**¹, thì cũng không dạy cho chúng nói được.

- Nhưng nếu những con khỉ này có thể tiếp thu được các tín hiệu đó và sử dụng chúng để **giao tiếp**² với con người, vậy tại sao bác lại bảo là chúng không nói được? Con chó hỏi.

- Khi con người để mặc cho những con khỉ sống riêng với nhau, và những con khỉ trưởng thành sống với khỉ con, chúng không làm cách gì truyền tải hết cho khỉ con những tín hiệu mà con người đã dạy cho chúng. Chúng quên mất một số tín hiệu và thế là ngôn ngữ mất đi. Con vật có thể đến học tại trường mở cho con người, nhưng đến lượt chúng, chúng không thể dạy lại những gì con người đã dạy cho chúng. Còn với con người thì chúng ta có thể truyền tải cho con cháu tất cả những gì chúng ta học được. Điều đó chính là đặc điểm riêng mang tính bản chất của con người, đó là cái ta gọi là văn hóa.

1 Ngôn ngữ tín hiệu: là ngôn ngữ mà các từ ngữ được thay bằng cử chỉ biểu đạt. Chẳng hạn những trẻ em bị điếc có thể học biểu đạt bằng bàn tay, bằng cử động của môi hoặc những cách biểu đạt bằng nét mặt khác nữa.

2 Giao tiếp: Truyền đạt cho người khác điều gì đó để người đó hiểu được ý mình.

Chó và người cùng bước về phía khu vườn ngập ánh mặt trời ấm áp. Triết gia xắn tay áo lên cho thoải mái. Ông lôi từ túi quần ra một chiếc khăn tay sạch sẽ gấp cẩn thận và buộc bốn góc khăn để trùm lên đầu che ánh nắng. Đi cạnh ông là con chó với bộ lông rực đỏ. Quen mặt nét rồi, triết gia lại tiếp tục lên lớp dạy dỗ con chó:

- Chính vì vậy mà trẻ con tất cả đều phải đến trường. Chúng làm bài tập, chúng nghe thầy giáo truyền đạt kiến thức, chúng tiếp nhận những tri thức mới, học cách đối xử, cách suy nghĩ. Và đó là chúng tự chuẩn bị để rồi lại có thể truyền đạt lại mọi kiến thức đẹp đẽ này...

- May mắn làm sao tôi lại được là một con chó! Léo thốt lên. Em chẳng cần phải tuân theo những gì bác bắt buộc. Em cũng không phải đến trường để học tập. Thấy tội nghiệp cho những đứa trẻ phải cực nhọc nhồi vào đầu mọi điều hiểu biết của người lớn! Còn em thì chỉ tự mình cảm nhận một cách tự nhiên mọi điều gì là tốt và em phải làm gì để có được những điều đó. Từ lúc sinh ra, em đã biết bơi, em biết tìm dấu vết trong rừng từ rất sớm, em biết bới đất để kiếm lương ăn cho em sinh tồn. Em cóc cần phải học mấy thứ đó!

- Đúng thế Léo ạ, triết gia phản ứng lại. Nhưng cậu chỉ biết những gì thuộc về khả năng tự nhiên của cậu thôi. Cậu có chân to khỏe, vậy cậu có thể chạy thật nhanh. Còn con người chúng tôi thì không thể hài lòng với những khả năng có từ lúc chúng tôi sinh ra. Vì vậy, con người đã nghĩ ra cái cày để làm đất. Họ đã biết cách dùng lửa để làm cho thức ăn có nhiều hương vị hơn và cả để sưởi ấm nữa. Họ cũng làm ra những tàu buồm để vượt biển và chinh phục không khí và nước. Con người chúng tôi có khả năng chuyển hóa mọi thứ xung quanh mình. Chúng tôi dùng thiên nhiên để đạt được những mục đích không mang tính chất tự nhiên.

- Sao lại làm tất cả những thứ đó? Léo hỏi.

- Chính nhờ những kỹ thuật này, con người chúng tôi không còn mang thân phận lệ thuộc nữa. Lửa bảo vệ chúng tôi khỏi giá rét, vắc-xin giúp chúng tôi khỏi mắc bệnh tật. Chúng tôi biết cách giải thoát mình khỏi những ràng buộc của tự nhiên. Dần dần, chúng tôi được tự do.

Chương IX

Kể chuyện con chó Léo phủ nhận chuyện con người là kẻ có tự do

Léo bỗng dừng lại, nó tỏ vẻ sửng sốt:

– Con người tự do ư? Nó nói. Cái **văn hóa** mà bác nói với em, đó chỉ là một hệ thống quy tắc, và những nghĩa vụ bó buộc! Nó buộc con người phải làm hoàn toàn trái với những điều con người mong muốn. Con người các bác chỉ giải phóng bản thân khỏi **tự nhiên**¹ để trở thành nô lệ cho những quy tắc xã hội! Hôm qua em nhìn thấy bác đi qua làng. Bác chào hỏi tất cả mọi người, ngay cả những người bác không “ngửi” nổi họ.

Bắt chước giọng ngọt ngào của người bạn, chú chó huơ huơ chân ra hiệu chào và tiếp tục nói:

– Xin chào bà bạn, bà khỏe chứ? Hy vọng là bệnh viêm phế quản của bà đã hết, và bà khỏe hơn nhiều.

Nhìn thẳng vào đôi mắt nhà triết gia, Léo nói thêm:

– Thật là đạo đức giả! Bà hàng xóm của bác thực sự là người không ai chịu nổi! Ít ra khi bà ta ốm, thì bà ta cũng không mở ti vi cho nó rống lên. Nào, hãy nói thật đi: liệu bác có thực bụng muốn bà ta mau lành bệnh không...?

– Đó chỉ là cách nói thôi, đó là phép lịch sự, triết gia trả lời.

– Còn em thì chẳng cần phải lịch sự với những con chó nào em không ưa! Em găm gù với kẻ nào quấy rầy, ai chọc là em cắn liền. Em thật sự tự do nhiều hơn con người các bác! Con chó khẳng định.

– Nhưng quy tắc cần thiết cho cuộc sống cộng đồng, Léo vĩ đại ạ! Và quy tắc cũng không cấm cậu lựa chọn người nào cậu muốn thiết lập quan hệ. Phép lịch sự chỉ là một phương tiện thiết lập sự gián cách thích hợp giữa người với người. Nếu như tôi không ưa bà hàng xóm của tôi tẹo nào thì tôi cũng không vì thế mà cắn vào chân bà ta. Tuy tôi chào bà ta đấy, nhưng tôi vẫn có lựa chọn mời hoặc không mời bà ta đến nhà tôi và dành thời gian thực sự chuyện trò với bà ta hay không. Con người là tự do bởi họ có những lựa chọn trong khuôn khổ

1 Tự nhiên và văn hóa: Tự nhiên là toàn bộ thế giới bao quanh con người. Nhưng trong việc phân biệt hai khái niệm tự nhiên và văn hóa, thì “tự nhiên” là những phẩm chất cố định từ khi con người sinh ra: ví dụ như màu của mắt. Ngược lại, văn hóa là cái gì con người có được và học được khi chung đụng với mọi người, nó giúp con người tự giáo dục và tự biến cải.

các quy tắc được áp đặt cho họ. Còn chó thì chẳng có tự do, chúng tuân theo tự nhiên, chúng không có lựa chọn gì cả.

Nhận ra cái vẻ mỉa mai của con chó, triết gia cảm thấy mình đã thực hiện nhiệm vụ giảng giải hơi nhanh. Đôi bên nhìn nhau và cùng dừng chân. Triết gia ngồi xuống đám cỏ không xén tỉa trong vườn cạnh người bạn chó của mình và chỉnh lại chiếc mũ. Léo khời mào trước, vẻ giễu cợt:

- Vậy là bác triết gia của tôi là người tự do vì bác được chọn lựa... Xin bác cho em biết: cái món *bi ngon ngon bi zòn zòn* bác mua cho em ở siêu thị mang nhãn hiệu gì vậy?

- Những viên bánh chả hiệu Bellebête, triết gia trả lời, và ông biết rõ ý đồ con chó định dẫn ông tới đâu trong cuộc tranh luận này.

- Vậy trên truyền hình ngày hôm kia người ta quảng cáo nhãn hiệu thức ăn cho chó nào ấy nhỉ? Những viên bánh chả hứa hẹn đem lại bộ lông đẹp để mượt mà cho người bạn trung thành của bác có nhãn hiệu gì ấy nhỉ? Con chó hỏi.

- Viên bánh chả Bellebête (con vật đẹp xinh), triết gia thở dài.

- Bác là người tự do... Bác đã chọn... đúng cái thứ quảng cáo xui bác chọn! Léo mắt long lanh tiếp tục nói với thái độ không chút thương hại.

- Giá như tôi để thời gian suy nghĩ, triết gia nói tiếp, hẳn là tôi cũng nhận ra rằng mình bị quảng cáo tác động!

- Ô hay, nghề của bác là nghề suy nghĩ mà, thế mà kết quả là như vậy đó. Cứ để bị hố rồi mới chịu suy nghĩ! Và lúc nào bác cũng tán dương với em về phẩm tính tự do của con người và khả năng lựa chọn của bác! Cái “văn hóa” mà bác nói với em, đó là một mớ hổ lốn mọi ham muốn vô tích sự được con người ôm đồm không hề lựa chọn vào trong tay. Hãy nhìn lại bác mà coi! Bác mua đồ bộ bằng vải Ấn Độ, ca vát lụa, nhưng kẻ nước Anh, giày hiệu Italia, đồng hồ Thụy Sĩ! Bác đâu có cần những thứ đó. Bác mua tất cả chỉ để cho người khác nhìn vào mà thôi! Còn em ư, chỉ bộ lông của em là quá đủ rồi: Em được cô chó Vàng tên Yellow thích y chang như em lúc này đây, thậm chí có khi đôi chỗ lông của em bị lột.

Triết gia lắng nghe Léo nói, đầu cúi xuống.

- Trưa rồi, cậu vui lòng cùng ăn trưa với một con người tội nghiệp mang một mớ hổ lốn mọi ham muốn vô tích sự chứ? Triết gia hỏi con chó.

- Rất sẵn lòng, nhưng hãy cùng ăn theo cách của em, Léo trả lời.

Cả hai cùng trở về nhà. Léo mở tủ lạnh và dồn tất cả thức ăn vào cái khăn đã trải ra. Sau đó cậu dùng mõm kéo ra ngoài, đặt dưới gốc cây lê. Tất cả đều lộn xộn trên mặt đất: Hoa quả, xúc xích, rau diếp, bơ, pho mát...

- Khởi cần khay bày thức ăn, chẳng cần đĩa chia phần cho mỗi người, cũng chẳng cần đến dao, chúng mình đều có răng cả! Nào, chúng mình ăn đi! Con chó tuyên bố.

Triết gia thấy trời khi nhìn thấy con chó thò chân vào lọ bơ, cần đồ nguội ngập răng, xé nát miếng sườn. Thức ăn biến mất dần và Léo liếm mép ngon lành, miệng “tộp tộp goàm goàm” ngon lành!

- Sao lại không nhỉ? Triết gia thở dài, không phản đối những trải nghiệm mới.

Ông gỡ kính ra, xếp chúng cẩn thận vào hộp. Rồi, ông lấy một miếng xúc xích, một miếng pho mát, rau diếp, dưa chuột bao tử, cá mòi, và nằm dài ra bãi cỏ, hài lòng với một bữa tiệc bất ưng đó.

Chương X

Kể về việc đôi bên cùng hài lòng với cuộc trò chuyện, thỏa thuận sẽ còn gặp lại

Đã tới lúc ngả lưng nghỉ trưa. Hai người bạn ngủ thanh thản dưới tán cây lê. Khi triết gia tỉnh giấc, ông đánh thức con chó. Ông đeo kính vào và nói với người bạn đồng hành.

- Này Léo, tôi không thể theo cậu đến cùng được đâu, bởi con người không thể sống hoàn toàn theo tự nhiên. Tôi có thể ăn cùng với cậu, ăn dưới đất, không dao đĩa, không kiểu cách, nhưng tôi không thể ngày nào cũng chỉ ăn một món, lại ăn lạnh nữa. Tôi có thể ngủ một tối ngoài trời, nhưng tôi thích ngủ trên giường hơn và có một gian phòng sưởi ấm đàng hoàng vào mùa đông. Tôi không muốn trở lại sống với tự nhiên.

- Gừừừ! Léo vừa ngáp vừa nói. Bác cần phải có nhiều thứ để là con người! Loài chó chúng em sinh ra đã là chó, nhưng các bác khi sinh ra đâu đã hoàn toàn là con người. Hãy nhìn đứa bé sơ sinh, nó không biết đi, không biết bơi, không biết nói, không biết lao động. Con người các bác quá yếu đuối và tay trắng, các bác có thành được người thì cũng là nhờ biết bao công sức vật lộn.

- Cậu không muốn trở thành con người sao, anh bạn Léo?

- Chẳng muốn tạo nào cả! Để đến trường nhận điểm xấu từ những người bắt thành này phải sửa bằng tiếng Anh! Em đã bị phạt đủ rồi vì đã biết nói và phải nghe một triết gia vĩ đại nói! Còn bác, bác không thích trở thành chó chứ?

– Ôi không đâu ạ! Ta thích làm con người hơn, làm một động vật yếu đuối nhất hạng, cái thú động vật sẽ phải hết sức khéo léo để tự trang bị cho mình tất cả những gì tự nhiên không ban cho.

– Vậy là cả hai chúng ta đều hài lòng về vai trò của mình, Léo nói tiếp. Bác là con người còn em là con chó.

Mặt trời lặn dần. Đã thực sự bắt đầu một mùa đẹp đẽ trong cả năm. Ruồi vo ve và trời đã tối nhưng không lạnh. Léo hít hà và nhìn xung quanh.

– Bác triết gia này, bác coi đó, mùa xuân đang đến. Nàng Yellow xinh đẹp đang đợi em, nàng sắp rời quán rượu và đi theo mấy đàn gia súc lên núi. Đến lúc em phải đi rồi!

– Cậu sẽ trở lại chứ? Triết gia hỏi, và cảm thấy trái tim ông thất lại.

– Hẳn rồi! Thiếu nhà em, bác làm cách gì mà hoàn thành nổi cuốn sách vĩ đại? Chúng ta sẽ gặp nhau vào mùa thu, và có thể em sẽ trở về với những cún đực Léo và những cún cái Yellow!

Triết gia rưng rưng trong lòng nhìn con chó to lông màu hung chạy băng qua cánh đồng.

Đọc và thảo luận

Các bạn nên tổ chức thảo luận theo cách sau. Chia lớp theo nhóm. Mỗi nhóm nhận giải thích một ý của một tác giả dưới đây. Cả lớp thảo luận. Sau đó, mỗi bạn nên viết thu hoạch của mình thành một tiểu luận.

1. Aristote

“Có những lý do rành rành giải thích chuyện con người trở thành một động vật có quyền mưu, hơn hẳn con ong hoặc bất kỳ con vật sống thành bầy đàn nào... Vả chăng, kẻ nào không thể là thành viên một cộng đồng hoặc không cần đến cộng đồng vì thấy bản thân mình là đủ, kẻ đó không nằm trong một cộng đồng chính trị, thì chỉ có thể là con vật hay Chúa trời mà thôi.”

Nhà triết học Hy Lạp Aristote (384–322 trCN)

2. Hobbes

“[Con người] hãy tự nhận xét chính mình, khi đi xa, họ mang theo vũ khí và tìm cách có bạn đường tử tế; khi đi ngủ, họ cài đóng cửa ngõ; ngay cả khi ở trong nhà, họ cũng khóa hòm xiềng. Và họ hành động như vậy ngay cả khi họ biết rằng đã có đủ luật pháp và có các công chức đầy đủ công cụ để trừng phạt những kẻ có thể gây hại cho họ. Họ nghĩ gì về đồng loại mà khi đi xa lại trang bị vũ khí như thế, nghĩ gì về đồng bào khi họ cửa đóng then cài, và nghĩ gì về con cái và kẻ hầu hạ trong nhà khi họ khóa chặt hòm xiềng lại?”

Nhà triết học Anh Thomas Hobbes (1588–1679)

3. Kant

“Con người có xu hướng đi vào sống trong xã hội, bởi vì trong trạng thái đó họ mới cảm thấy mình “người” hơn, bởi vì trong xã hội họ có thể phát triển những khả năng tự nhiên của mình. Nhưng cũng có một xu hướng trái ngược khác là sống tách biệt ra (tự cô lập mình), bởi vì con người cũng nhận thấy trong họ cái tính cách phi xã hội muốn điều khiển tất cả theo ý riêng...”

Nhà triết học Đức Emmanuel Kant (1724–1804)

4. Platon / Protagoras

Platon, triết gia người Hy Lạp, thuật lại cho chúng ta huyền thoại từ một triết gia khác là Protagoras kể: Hai vị thần Prométhée và Épiméthée được giao nhiệm vụ ban cho muôn loài những phẩm chất cần thiết để bảo tồn nòi giống. Épiméthée bắt tay vào công việc, nhưng trong “muôn loài”, thần đã quên mất một loài là con người...

“Nhưng Thần Épiméthée, người không khôn ngoan lắm, không nhận ra rằng mình đã ban hết các phẩm chất cho các loài hoang dã. Còn loài người thì vẫn chưa nhận được chút gì, và thần vô cùng bối rối không biết xử lý ra sao. Đang lúc lúng túng thì thần Prométhée đến để giám sát công việc phân phối các năng lực. Prométhée thấy tất cả các loài khác đều được ban cho

các khả năng một cách rất hài hòa, còn con người thì trần trụi, chân trần, không chăn chiếu, chẳng vũ khí. Và đã tới cái ngày định mệnh ấn định con người phải từ trong đất chui ra để sống ngoài ánh sáng. Trước tình cảnh bối rối đó, Prométhée gắng tìm một phương tiện bảo tồn con người, đã ăn trộm lửa và lấy trộm luôn cả khả năng khéo léo¹ của thần Héphestos và nữ thần Athéna – không có lửa thì không ai có nổi khả năng khéo léo hoặc làm cho sự khéo léo trở nên hữu ích. Thần đã trao tặng cho con người món quà như thế đó. Nhờ có lửa mà con người có được sự khéo léo cần thiết cho cuộc sống...”

Nhà triết học Hy Lạp Platon (khoảng 427–348 hoặc 347 trCN)

Nhà triết học Hy Lạp Protagoras (485–411 trCN)

5. Hegel

“Người vụng về luôn đạt được kết quả khác với những điều anh ta trông đợi, bởi người đó không làm chủ được hành động của mình. Trái lại một người thợ thủ công có kinh nghiệm được gọi là thợ khéo tay, nếu không gặp trở ngại nào khi thực hiện mục tiêu hoạt động, có thể làm ra được sản phẩm hết như trông đợi...”

Nhà triết học Đức Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770–1831)

6. Descartes

“Chẳng có cách gì tìm cho ra một con vật hoàn hảo đến độ nó có thể dùng vài tín hiệu để làm cho đồng loại nhận thức được điều gì đó không liên quan đến những đam mê (có tính bản năng) của nó; và cũng chẳng có cách gì tìm thấy một con người dù là không hoàn thiện mà lại không dùng được tín hiệu như thế; đến độ là ngay cả những người câm và điếc cũng tạo ra được những tín hiệu riêng dùng để biểu đạt suy nghĩ của họ.”

Nhà triết học Pháp René Descartes (1596–1650)

1 Khả năng khéo léo: khéo tay, biết dùng khả năng đôi bàn tay và trí tuệ để làm ra các vật phẩm.

7. Hannah Arendt

“Khả năng nói dối của chúng ta, chứ không nhất thiết là khả năng nói sự thật của chúng ta, là một trong những dấu hiệu hiển hiện rõ ràng và có thể chứng minh được để khẳng định là con người có tự do. Nguyên cái việc chúng ta có thể thay đổi hoàn cảnh sống chứng tỏ là chúng ta tương đối tự do đối với hoàn cảnh sống đó; khi ta nói dối đó là ta dùng không đúng cái tự do, ta nói dối để cái tự do bị biến chất đi mà thôi.”

Nhà triết học người Do Thái Hannah Arendt (1906–1975),
sinh ở Đức, lưu vong sang Pháp
rời qua Hoa Kỳ để tránh bọn Đức Quốc xã.

8. Lévi- Strauss

“Tự nhiên là tất cả những gì chúng ta được thừa hưởng bằng sinh học; ngược lại, văn hóa là tất cả những gì chúng có được từ truyền thống bên ngoài... là toàn bộ những tập tục, tín ngưỡng, những thiết chế như nghệ thuật, pháp luật, tôn giáo, các kỹ thuật trong cuộc đời vật chất, tóm lại, đó là tất cả những thói quen hoặc kỹ năng mà con người học được với tư cách là một thành viên trong xã hội.”

Nhà nhân chủng học¹ và
nhà triết học Pháp Claude Lévi-Strauss (1908–2009)

1 Nhà nhân chủng học: người nghiên cứu các nền văn hóa khác với nền văn hóa của chúng ta, người tìm cách mô tả và lý giải ý nghĩa các thói quen trong đời sống, các huyền thoại và các tín ngưỡng riêng của các nền văn hóa đó.

BÀI 3

CON NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH

Hướng dẫn học

Cùng các bạn Lớp 9, những cô gái và những chàng trai sắp hoàn thành bậc giáo dục *phổ thông cơ sở* thân mến,

Theo cách học của chúng ta trong chương trình Cánh Buồm, các bạn đi từ khái quát và dần dần đi vào từng mặt cụ thể. Chúng ta đã đi từ *phạm trù người* (sau đó lại được củng cố bằng Bài 2 khá vui, cũng về *phạm trù người*), nay đến lúc phải vận dụng vào cuộc sống của bản thân từng người chúng ta.

Đã đến lúc nhìn vào *con người trưởng thành* với tư cách là một khái niệm. Tức là cần định nghĩa và xem xét các mặt của con người trưởng thành như là bản thân từng người chúng ta đang sống thực và đang cảm nhận chính *khái niệm* ấy hiện thân trong chúng ta.

Các bạn hãy chú ý đến những “*tiêu chuẩn*” của con người trưởng thành bằng cách vừa đọc vừa vận dụng vào hoàn cảnh của mình, xem các tiêu chuẩn đó phù hợp đến đâu so với cảm nhận của từng người.

Theo cách tự học đó, các bạn vừa nắm chắc nội dung, vừa có những suy nghĩ hữu ích trong cuộc sống đã tới độ trưởng thành của mình.

Xin mời các bạn bắt đầu.

Mở đầu

Khi con người vừa lọt lòng mẹ ra đời đã là người, nhưng mới là một cơ thể sinh vật mong manh, có *khả năng* trở thành người. Tất cả NĂNG LỰC LÀM NGƯỜI của đứa bé mới ra đời đều diễn ra từ KHÔNG đến CÓ, từ có ít đến có nhiều, từ tích lũy về lượng đến biến đổi về chất. Quá trình hình thành, phát triển của con người diễn ra qua từng giai đoạn, từ tuổi sơ sinh, tuổi vườn trẻ, tuổi mẫu giáo, tuổi nhi đồng, tuổi thiếu niên, tuổi thanh niên, tuổi trung niên... Đó là quá trình phát triển cả ba mặt: *mặt sinh thể, mặt tâm lý và mặt xã hội*, gắn liền nhau trong mỗi cá nhân, diễn ra trong môi trường xã hội, tạo nên từng bước trưởng thành của mỗi con người.

1. Thế nào là trưởng thành?

Từ kinh nghiệm truyền thống xa xưa, ông cha ta quan niệm “*Nữ thập tam, nam thập lục*” là một mức độ trưởng thành của người con gái và con trai. Căn cứ của quan niệm này chủ yếu dựa trên dấu hiệu của sự phát triển sinh lý: Hầu hết con gái 13 tuổi có kinh nguyệt lần đầu; con trai 16 tuổi đã biểu hiện rõ những dấu hiệu của sự phát dục ở nam giới. Như vậy nếu kết hôn, họ đã có khả năng sinh con. Ngày nay, điều kiện sống tốt hơn, tuổi phát dục của con gái, con trai còn sớm hơn 1-2 năm. Nhưng đó mới là dấu hiệu của sự trưởng thành bước đầu về mặt sinh lý chứ chưa phải đã hoàn thiện về mặt thể chất; cũng chưa nói đến sự phát triển về mặt tâm lý và xã hội của người con gái, con trai.

Ngày nay phải đến 18 tuổi, người thanh niên nam, nữ mới được coi là trưởng thành về mặt công dân, được đi bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và đủ 21 tuổi mới thực sự trưởng thành về mặt chính trị – xã hội để được quyền ứng cử vào các cơ quan nói trên. Vậy tuổi kết hôn thì sao? Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 quy định về độ tuổi đăng ký kết hôn như sau: “*Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên*”... Nhiều văn bản còn dùng khái niệm “*vị thành niên*” (người sắp đến tuổi trưởng thành) để chỉ những em trai và gái, thuộc nhóm tuổi từ 10 đến 18. Nhóm tuổi vị thành niên này còn được chia ra ba mức độ:

- Từ 10 đến 13 tuổi là nhóm vị thành niên sớm.
- Từ 14 đến 16 tuổi là nhóm vị thành niên giữa.
- Từ 17 đến 18 tuổi là nhóm vị thành niên muộn.

Khác với các văn bản trên, Luật Lao động ghi nhận tại điểm 1 điều 3 thì: “*Người lao động là người từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động*”.

Luật là thế, nhưng thực tế cuộc sống lại luôn sinh động. Lịch sử đã ghi nhận Nguyễn Hiền (chữ Hán: 阮賢, 1234-1255) đỗ trạng nguyên khi mới 13 tuổi. Lúc vấn đáp với vua, vua khen thông minh hiếm có, nhưng vì còn nhỏ và trạng nguyên ăn nói chưa biết lễ, cần cho về nhà học lễ ba năm mới bổ dụng. Như vậy mới 13 tuổi, Nguyễn Hiền đã phát triển trí tuệ – tâm lý ở đỉnh cao thời bấy giờ, nhưng mặt thể chất (còn nhỏ) và xã hội (chưa biết lễ) vẫn chưa đủ trưởng thành. Sau rèn luyện ba năm, đúng 16 tuổi, ông đã được bổ nhiệm làm quan, tức là được thừa nhận là trưởng thành về mọi mặt để nhận trọng trách

trước nhân dân và triều đình. Sau này ông làm đến chức Thượng thư bộ Công khi mới 20 tuổi.

Một nhân vật lịch sử khác mà mỗi thiếu niên Việt Nam đều biết đến là Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản (chữ Hán: 懷文侯 陳國瓚, 1267–1285). Tháng 10 năm 1282, vua Trần Nhân Tông cùng các quan văn, võ mở hội nghị Bình Than để bàn kế chống quân Nguyên sang xâm lược nước ta lần thứ hai. Đại Việt sử ký toàn thư chép: *Vua thấy Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, Hoài Nhân Vương Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phần khích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau đó Quốc Toản lui về, huy động hơn nghìn gia nô và người nhà thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ sáu chữ: "Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Sau này, khi đối trận với giặc, tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh, không dám chống lại... Mới 16 tuổi Trần Quốc Toản đã có lòng yêu nước lớn lao, có khí phách chống quân Nguyên mãnh liệt, có lòng dũng cảm và tài chỉ huy hàng ngàn quân ra trận, góp phần đánh thắng quân xâm lược. Như vậy chàng thiếu niên Trần Quốc Toản chứng tỏ đã trưởng thành chững chạc.*

Ngày nay chúng ta cũng thấy rất nhiều học sinh vừa đi học vừa lao động phụ giúp gia đình, bươn chải trong cuộc sống từ tuổi thiếu niên mà vẫn học tốt, học giỏi, sớm trưởng thành về mọi mặt.

Như vậy quan niệm về sự trưởng thành không hề đơn giản. Đối với mỗi cá nhân, không phải cứ “to xác” là trưởng thành, cũng không hẳn cứ đúng tuổi theo luật định là trưởng thành. Các danh ngôn nói về sự trưởng thành cũng khác nhau đầy thú vị:

*“Phần thưởng cao quý nhất cho công sức của một người không phải là những gì anh ta nhận được mà chính là qua đó, anh ta đã trưởng thành như thế nào”.
(The highest reward for a person's toil is not what they get for it, but what they become by it).*

John Ruskin

“Sự trưởng thành bắt đầu vào ngày chúng ta chấp nhận trách nhiệm đối với hành động của bản thân mình”.

(Maturity begins on the day we accept responsibility for our own actions).

Richard L. Evans

*“Các mối quan hệ là dấu xác nhận cho người trưởng thành”.
(Relationships are the hallmark of the mature person).*

Brian Tracy

*“Phạm phải sai lầm là con người; vấp ngã là chuyện bình thường; có thể cười vào mặt chính mình là sự trưởng thành”.
(To make mistakes is human; to stumble is commonplace; to be able to laugh at yourself is maturity).*

William Arthur Ward

Tóm lại có thể hiểu, trưởng thành là khi con người hiểu về mình, biết tự chủ bản thân và có ý thức trách nhiệm về lời nói, việc làm, cách cư xử của mình với mọi người, với xã hội.

2. Quá trình trưởng thành của học sinh Trung học cơ sở (THCS)

Học sinh THCS ở vào giai đoạn tuổi thiếu niên được xác định trong khoảng từ 11 đến 15-16 tuổi. Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ, diễn ra những thay đổi sâu sắc cả về thể chất, tâm lý lẫn các quan hệ xã hội so với lứa tuổi nhi đồng. Nhiều người chưa hiểu đặc điểm của quá trình phát triển đột biến của tuổi thiếu niên để tiến tới sự trưởng thành, nên thường có thành kiến, gọi đây là "tuổi bất trị", "ương bướng", "hậu đậu", "đàn đúm"...

Giai đoạn này *cơ thể* đang diễn ra quá trình phát triển mạnh mẽ và mất cân đối: *hệ xương* phát triển nhanh, chiều cao tăng vọt, xương tay chân dài ngoẵng ra, nhưng xương ngón tay, ngón chân lại phát triển chậm. Trong khi đó hệ cơ phát triển chưa tương xứng, nên làm cho hoạt động chân tay trở nên lỏng lẻo, vụng về, “hậu đậu”... Nhưng ở cuối giai đoạn này, khối lượng cơ và lực cơ phát triển mạnh, đặc biệt là ở các em trai, nên các đội bóng U15, U16 đã mạnh mẽ, dẻo dai gần như người lớn.

Sự phát triển của *hệ tim mạch* cũng diễn ra không cân đối. Thể tích của tim tăng rất nhanh, hoạt động của tim mạnh mẽ hơn, nhưng kích thước của mạch máu lại phát triển chậm. Do đó có một số rối loạn tạm thời của hệ tuần hoàn, tăng huyết áp, tim đập nhanh, gây nhức đầu chóng mặt mệt mỏi khi làm việc, nhưng dần ổn định, hài hòa.

Sự trưởng thành về mặt *sinh dục*: Đây là yếu tố quan trọng của sự phát

triển thể chất, nó có nhiều ảnh hưởng đến đời sống tâm lý của các em. Đặc điểm giới tính bộc lộ rõ nét và tuyến sinh dục bắt đầu hoạt động (ở các em nữ xuất hiện hiện tượng kinh nguyệt, ở các em nam xuất hiện hiện tượng xuất tinh lần đầu). Sự dậy thì đã kích thích ở lứa tuổi này mỗi quan tâm đến những biến đổi mới lạ của bản thân; để ý đến bạn khác giới làm nảy sinh những rung động, xúc cảm giới tính...

Về mặt tâm lý, ở giai đoạn cuối THCS, các em đã phát triển trình độ tư duy logic không chỉ trong các môn học, mà còn có khả năng vận dụng vào làm các điều tra xã hội, thí nghiệm khoa học, báo cáo chuyên đề... Về mặt tình cảm, các em không chỉ xuất hiện những xúc cảm mới lạ mà còn mở rộng ra những hứng thú khoa học, nghệ thuật, tình cảm công dân, trách nhiệm xã hội... Đặc biệt, ở tuổi 15-16, sự phát triển về ý chí, ý thức đã có sự trưởng thành rõ rệt về chất so với nhi đồng, đó là tự ý thức về bản thân. Nhờ đó các em có thể tự phân tích, tự đánh giá, tự giác điều chỉnh hành vi của mình theo các chuẩn mực xã hội, tức là có khả năng tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân. Và đó là tiêu chí quan trọng nhất của sự trưởng thành.

Về mặt xã hội, học sinh lớp 9 đã có một vị trí “đáng nể”: Ở gia đình đã trở thành một thành viên chủ động, tích cực trong mọi việc; Ở nhà trường là “anh chị cả” của các lớp THCS; Ra xã hội, học sinh lớp 9 đã có thể tự tổ chức nhiều hoạt động công ích, rèn luyện, trải nghiệm, giúp đỡ các em nhỏ...

Tóm lại đến Lớp 9, vào tuổi 15-16, tuy về mặt pháp luật, các em vẫn là tuổi “vị thành niên”, nhưng không ai ngăn cản các em trở thành người trưởng thành, cũng không ai trưởng thành thay cho các em được.

3. Những thách thức và lựa chọn trước ngưỡng cửa trưởng thành

Học sinh lớp 9, giai đoạn hết THCS đặt ra cho các bạn rất nhiều thách thức, đòi hỏi mỗi người phải tự biết lựa chọn, đưa ra những quyết định sáng suốt.

- Sự phát triển về giới tính ở người con trai và con gái khiến các bạn bận tâm nhiều đến sự biến đổi sinh lý của bản thân, đến nhu cầu tình bạn khác giới, tình yêu nam nữ và tò mò tìm hiểu thế giới tình dục ở người trưởng thành... Đây là xu hướng tự nhiên, tất yếu ở tuổi trẻ. Nhưng đó là những vấn đề thầm kín, tế nhị nên thường chỉ chia sẻ, tâm sự với các bạn cùng nhóm thân thiết, rồi tự quyết định mà không muốn nói với người lớn. Cách đó thường dẫn đến sai lầm, ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của bạn. Bởi vì những

vấn đề nêu trên về mặt khoa học không hề đơn giản, về mặt xã hội đòi hỏi có nhiều trải nghiệm mới thấu hiểu, có thể giúp bạn “gỡ rối tơ lòng”. Do vậy khi băn khoăn, gặp rắc rối về những vấn đề trên, bạn cần tâm tình chân thật với cha mẹ, cần tham vấn các thầy cô giáo, các nhà chuyên môn có uy tín để hiểu rõ vấn đề, có quyết định đúng đắn. Ở nhà trường, các bạn cũng cần đề nghị được tham gia thảo luận công khai, thẳng thắn những vấn đề về “giới tính”, “sức khỏe sinh sản vị thành niên”, “tình bạn cùng giới và tình bạn khác giới”, “tình yêu nam nữ”... Đó là những vấn đề cấp thiết trước ngưỡng cửa người trưởng thành.

- Về những mối quan hệ và hành vi xã hội. Tuổi thiếu niên rất tò mò về những mối quan hệ, về cuộc sống của thế giới người lớn. Ở các nước phát triển, văn minh, thiếu niên 15- 16 tuổi đã có thể tự đi du lịch trong nước, ngoài nước theo nhóm bạn, không cần sự quản lý của giáo viên hay cha mẹ. Đó là mức độ trưởng thành của tự ý thức, tự chịu trách nhiệm về hành vi xã hội của mình. Tuy nhiên, mặt khác, người ta lại quy định rõ: người dưới 18 tuổi không được hút thuốc lá, không uống bia, rượu, không xem phim khiêu dâm, không đến những nơi đánh bạc, nơi ăn chơi của thế giới người lớn. Toàn xã hội và thanh, thiếu niên đều chấp hành khá nghiêm túc những quy định đó. Ở nước ta hiện nay, môi trường xã hội rất hỗn tạp, có khi ngay trong gia đình, chuyện uống rượu, bia, nhậu nhẹt, hút thuốc... không giới hạn độ tuổi nào; có khi học sinh THCS liên hoan cuối năm hay mừng sinh nhật, cũng phì phèo thuốc lá, cũng nâng cốc bia, “zô trăm phần trăm”! Nguy hiểm nhất là nhiều nhóm “xã hội đen” luôn tìm cách lôi kéo thiếu niên, thanh niên mới lớn vào những hoạt động “đen” như rủ rê dùng ma túy, đến vũ trường, đi “nhà nghỉ”... Khi đã mắc mưu chúng thì khó thoát ra được. Mỗi năm hàng trăm em gái bị lừa, bị hại, bị bán đi rất thương tâm; hàng ngàn thanh, thiếu niên rơi vào nghiện ma túy thân tàn ma dại, rất đau xót... Để tránh sa vào tệ nạn xã hội, bạn phải học từ sách vở, từ kinh nghiệm của những người đi trước, từ quan sát cuộc sống cả cái tốt lẫn cái xấu để suy ngẫm, tự phân tích, tự rút ra những kết luận cho mình.

- Về định hướng cho tương lai. Tuổi 15 - 16, sự phát triển thể chất đang tiến tới hoàn thiện, nhất là bộ não; sự phát triển tâm lý, xã hội đã tạo cơ sở giúp bạn có những mơ ước, suy nghĩ tự định hướng về tương lai. Trước mắt bạn có ba sự lựa chọn: Một là, tiếp tục học lên để vào đại học, sẽ học theo hướng nào? Hai là, đi học nghề, sẽ học nghề gì? Ba là, lao động, tự lập thân, lập nghiệp. Để đưa ra quyết định, bạn cần trả lời các câu hỏi sau:

- Xã hội hiện nay và sắp tới đang cần những nghề nghiệp, chuyên môn gì?
- Bạn yêu thích lĩnh vực nghề nghiệp nào?
- Nghề nghiệp đó đòi hỏi những yêu cầu gì ở người hành nghề?
- Bạn có phù hợp với nghề nghiệp đó không? (Sức khỏe, đặc điểm tâm - sinh lý, các năng lực cụ thể...)
- Hoàn cảnh gia đình bạn có đủ điều kiện cho bạn theo đuổi học nghề đó không?
- Bạn có những con đường nào khác để thực hiện mơ ước của mình?

Trả lời những câu hỏi trên, người ta gọi là hoạt động “tư vấn, hướng nghiệp”.

Tóm lại, trước mắt các bạn đang đặt ra nhiều vấn đề và nhiều sự lựa chọn. Khi bạn biết phân tích từng vấn đề và đưa ra những quyết định lựa chọn đúng đắn, tức là về cơ bản, bạn đã trưởng thành.

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn hiểu thế nào là *năng lực người*? Năng lực người được hình thành như thế nào trong trường hợp của chính bạn?
2. Thảo luận: Từng bạn hãy trả lời *bạn đã trưởng thành dần dần* qua việc học môn Tiếng Việt và môn Văn như thế nào? Bạn đã có năng lực hành dụng tiếng mẹ đẻ với ý thức ngôn ngữ học như thế nào?
3. Thảo luận: Chương trình Cánh Buồm chỉ mới cung cấp cho các bạn cách học hai môn học vẫn bị coi là khó và kém hấp dẫn – mà thực ra đó lại là hai môn học rất quan trọng – và bạn đã vận dụng được cách học có ý thức ở hai môn học đó vào những môn học khác ở trường như thế nào?
4. Thảo luận: Có trường hợp nào các bạn thấy việc học (của bạn hoặc của những người chung quanh) vẫn chưa dẫn người học đến độ trưởng thành như mình mong muốn?

5. Thảo luận: Các bạn quan sát thể hiện của tầng lớp thanh thiếu niên qua đó bạn thấy những hành động gì là thiếu trưởng thành? Những hiện tượng đó có hại gì cho bản thân các chủ thể đó cũng như cho xã hội?
6. Viết tiểu luận về một điều bạn nhận thấy là một bài học có ích, hoặc một điều thú vị, hoặc một sự tiếc nuối nào đó liên quan đến chủ đề *con người trưởng thành*?
7. Viết tiểu luận nêu nhận thức của bạn đối với một ý kiến của một học giả được dẫn trong bài.
8. Viết tiểu luận nêu ý kiến của bạn về tình yêu gia đình hoặc tình yêu tổ quốc Việt Nam. Con người trưởng thành có thể thiếu gia đình hoặc thiếu tổ quốc không?

PHẦN 2

Các lĩnh vực tư duy và ngôn ngữ

BÀI NHẬP

ĐIỀU GÌ LÀ QUAN YẾU TRONG CUỘC SỐNG?

“Quan yếu” là một từ Hán-Việt, nghĩa của từ này được ghép từ hai phần cũng có nghĩa gần như nhau, bổ sung cho nhau: “quan” là quan trọng; “yếu” là vô cùng quan trọng – tổng hợp nghĩa, có thể nói “quan yếu” là *quan trọng, vô cùng quan trọng, hết sức quan trọng, quan trọng có tính sống còn*.

Vậy, điều gì hoặc những điều gì là quan yếu trong cuộc sống?

Lúc này, câu hỏi sẽ còn phải đặt ra kèm theo điều kiện: quan yếu đối với ai (một cá nhân, nhiều cá nhân) hoặc quan yếu đối với những ai (một tộc người, nhiều tộc người)? Quan yếu vào lúc này – giải quyết vấn đề cấp bách trước mắt – hoặc quan yếu cho mai sau – giải quyết vấn đề bền vững cho tương lai?

Chúng ta hãy cùng tìm câu trả lời về những điều quan yếu trong cuộc sống. Dĩ nhiên, đó phải là những điều quan yếu cho cuộc sống của số đông, của cộng đồng, không phải cho những cá nhân lẻ tẻ. Thế nhưng, lại chính là từ những nhu cầu của số rất đông những cá nhân lẻ tẻ mà ta tìm thấy những điều gì là quan yếu trong cuộc sống của họ trong cả một cộng đồng (cộng đồng trẻ em, công nhân, nông dân, ngư dân, sinh viên, dân tộc thiểu số...).

Điều quan yếu trong cuộc sống của toàn khối người Việt Nam bao gồm mọi cá nhân người Việt trước hết liên quan đến sự sống của cộng đồng cả dân tộc Việt Nam. Dân tộc đó phải được sống, được quyền tự do mưu cầu hạnh phúc. Vậy, phải chăng điều quan yếu trong cuộc sống của cả dân tộc Việt nam là bảo đảm cuộc sống ấm no, hạnh phúc, con em được học hành, ốm đau được chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa văn minh lành mạnh, xã hội yên lành không áp bức, không bất công, và không trộm cướp, không bạo lực...

Vậy nên, chúng ta sẽ *cùng tư duy và dùng biểu đạt ngôn ngữ* để lần lượt đến với từng vấn đề quan yếu như sau:

1. *Tư duy về môi trường sống.* Đây là vấn đề vô cùng quan yếu của đời sống toàn thể loài người đương đại. Hành tinh trái đất – ngôi nhà chung của loài người – đang bị phá hủy nghiêm trọng, đang đứng trước nguy cơ tuyệt diệt. Bị hủy hoại vì bom đạn và giết chóc, vì lòng tham của các nhà cầm quyền bị giật dây vì những lợi ích phe nhóm. Và vì cả sự thờ ơ của từng con người nữa – coi ngôi nhà chung này chỉ như là nơi ở tạm bợ, có thể chặt cả một cái cây lâu năm chỉ để hái một trái cây nhỏ.

2. *Tư duy về cái Đẹp.* Đây là vấn đề quan yếu tiếp theo mang tinh thần xây dựng lòng tôn trọng môi trường sống. Biết yêu cái Đẹp, biết làm ra cái Đẹp, biết sống và khao khát sống trong cái Đẹp sẽ dắt dẫn con người bước ra khỏi bóng tối của tham lam, vô cảm, ích kỷ, những thói xấu dẫn con người tới cách sống tàn bạo – sự tàn bạo có khi mang tính manh động cá nhân nhưng rất nhiều khi mang bộ áo có tổ chức chính thức hoặc nửa chính thức. Con người cần tư duy lại về cái Đẹp theo phương thức *cái Đẹp sẽ cứu vớt thế giới*.

3. *Tư duy về cái chết.* Các sinh vật, trong đó có con người, đều phải đối mặt với cái chết. Cái chết không chờ ai hết. Cái cây thiếu nước chờ chết trong khô héo. Con hổ và con sư tử đầy quyền uy trong rừng cũng chờ cái chết vì sập bẫy, hoặc cái chết vì tranh giành lãnh thổ. Nhưng cái cây không có ý thức về cái chết của nó. Con hổ và con sư tử cũng không có ý thức về cái chết của chúng. Chỉ có con người là có ý thức về cái chết của mình – con người biết mình phải chết. Và có một tư duy đúng đắn về cái chết của mình, con người sẽ *sống tích cực hơn* cho riêng mình và cho cộng đồng, để khi chết đi thì không còn gì để tiếc nuối.

4. *Tư duy về Tình yêu.* Cái tình yêu của con người, mà theo quan điểm của Albert Einstein, đó là một nguồn năng lượng vô hình, một nguồn sức mạnh chưa được khám phá đầy đủ, khiến cho con người trong từng cộng đồng quốc gia – dân tộc vẫn chưa biết yêu thương, và giữa các quốc gia – dân tộc thì luôn luôn chỉ thấy giải pháp cho những vấn đề quan yếu bằng chiến tranh và gây chết chóc.

5. *Tư duy về Thượng đế* là điều quan yếu tột cùng mà loài người bắt gặp. Đây là điều liên quan đến niềm tin của con người. Từ thuở hồng hoang, những nỗi sợ trước những điều không lý giải nổi (sấm sét, lũ lụt... và cái chết) đã dẫn con

người tới chỗ phải đi tìm một phương thuốc tinh thần. Các loại tôn giáo ra đời thỏa mãn nhu cầu niềm tin của con người. Tôn giáo có thể mang tính xây dựng, khiến tâm hồn con người yên tĩnh. Nhưng về sau lại có chiến tranh tôn giáo. Về sau lại còn có cả nhà nước tôn giáo nữa! Vậy nên, vấn đề Thượng đế phải được coi là chuyện quan yếu của con người – trong đó có chúng ta, nhất là chúng ta, thưa các bạn học sinh Lớp 9, những người chuẩn bị mang sứ mệnh xây dựng tổ quốc này, hành tinh này.

Xin mời các bạn tự học tiếp.

BÀI 4

TƯ DUY VỀ MÔI TRƯỜNG SỐNG: *KHI CON VẬT NHÌN TA*

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Trong bộ sách Thú vui tư duy (NXB Tri thức, Hà Nội), vấn đề con người và môi trường sống đã được gợi ra một cách đầy ấn tượng trong cuốn sách mỏng *Khi con vật nhìn ta* của tác giả là bà giáo triết học Elisabeth de Fontenay các bạn sắp học đây.

Môi trường sống vốn sinh ra trong tự nhiên và được chung sống với con người đã nhiều đời. Môi trường đó lâu nay phát triển tự nhiên “mọc nhanh như rừng”, và vẫn được “bảo vệ” một cách vô thức bởi nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất là môi trường ấy đã nuôi sống con người và nhờ đó mà con người chung sống thân thiện với nó. Nguyên nhân thứ hai là mối kiêng nể, nhiều khi e sợ, khi con người còn yếu đuối và quen nhìn thấy chung quanh mình đâu đâu cũng đầy thần linh hoặc ma quỷ.

Dần dần, con người đã thay đổi thái độ và lối sống đối với môi trường. Nhu cầu gia tăng do dân số gia tăng, kỹ thuật khai thác môi trường khiến sức mạnh của con người cũng gia tăng để thu lợi nhờ bóc lột môi trường để cung cấp sản phẩm nhanh hơn, nhiều hơn cho nhu cầu của con người. Cùng với sự tham lam của con người, chiến tranh cũng tham gia hủy diệt môi trường sống. Con người thu lợi nhanh chóng và dễ dãi từ môi trường lại dẫn đến những thú ăn chơi phung phí và độc ác những sản phẩm từ môi trường.



Thảm họa môi trường đến với con người ngay trước mắt: Những cánh đồng khô hạn nứt nẻ vì nước sông bị chặn lại làm thủy điện hoặc bị chuyển dòng. Đó là những trận lũ cuốn trôi hàng nghìn ngôi nhà trong một đêm mà nguyên nhân là những vụ chặt phá rừng bừa bãi. Đó là những đàn thú rừng bị đói nguồn thức ăn và bị săn bắn bừa bãi, đã kéo về làng bản yên bình để tấn công người và gia súc.

Cuốn sách *Khi con vật nhìn ta* gợi cho các bạn không phải là nỗi sợ thần linh, mà gợi cho các bạn nỗi lo âu về triết lý sống của con người đã suy đồi đến mức quên mất *Mẹ thiên nhiên* chung của loài người, đã đối xử vô ơn bạc phúc ngay với Mẹ mình! Cuốn sách *Khi con vật nhìn ta* gợi cho các bạn không phải là lòng thương hại của kẻ bề trên, coi con người khi đã tự xưng là chúa tể muôn loài thì muốn làm gì cũng được phép, kể cả việc hủy diệt muôn loài mà gợi cho các bạn một lối sống lương thiện của con người có ý thức người (con người mang tư duy đặc trưng nên con người đã thoát giai đoạn động vật) để suy nghĩ về trách nhiệm sống thân thiện với môi trường, bảo vệ môi trường và chủ động làm cho môi trường sống ngày càng phát triển bền vững.

Xin các bạn hãy chú ý đọc kỹ đoạn mở đầu viết dưới hình thức một lá thư gửi cho cháu Théodora – một lá thư thấm đượm triết lý sống với môi trường – nhưng cũng là lá thư gửi đến chính các bạn!

Mời các bạn bắt đầu.

KHI CON VẬT NHÌN TA

Bé Théodora yêu quý của bà,

Như bố mẹ cháu từng nói, bà lui về nông thôn, nơi bà sống với những con vật – cuối cùng thì không chỉ với những con vật! – sau khi đã sống một cuộc đời trọn vẹn với việc dạy triết học.

Bà bận bịu một chút với những con vật trong cái cơ ngơi bé bé để làm nông nghiệp, bên cạnh ngôi nhà của chúng ta, bởi những người chủ trang trại này đôi khi cần sự giúp đỡ. Bà đến để lau rửa vú của những con bò cái, trước khi người ta vắt sữa chúng, bởi vì bà đã học làm việc đó từ hồi còn nhỏ, và kỳ cọ cho ngựa. Bà rất thích thấy chúng đang chờ đợi và hài lòng khi bà thay rác độn chuồng hay cho chúng ăn.

Bỗng một hôm, đúng lúc bà đang chải lông cho Papillon, con ngựa giống Perse của bác hàng xóm, bà phát hiện hai động từ “*penser*” (suy nghĩ) và “*panser*” (kỳ cọ

cho ngựa) phát âm giống y như nhau, điều đó làm bà xao động trong lòng. Và khi đó, giữa các con vật ấy, triết học lại làm vương bận tâm trí bà.

Những ý tưởng chợt đến với bà, bà muốn được chia sẻ với cháu và truyền chúng cho cả những đứa trẻ khác nữa.

Hy vọng rằng trong kỳ nghỉ tới, cháu sẽ tiếp tục suy nghĩ cùng với bà.

Âu yếm hôn cháu của bà,

Elisabeth

Ngỡ ngàng

Bạn đang tự hỏi tại sao bộ sách mà trong đó có cuốn sách này lại mang tên Thú vui tư duy, với hình con cú mèo phải không? Chắc hẳn bởi vì chúng tôi, những nhà triết học, hy vọng rằng các bạn trẻ thích đọc điều mà chúng tôi viết cho chúng, và chúng sẽ thấy những cuốn sách này mới thú vị, mới “tuyệt cú mèo” làm sao, như người ta vẫn thường nói. Nhưng có thể còn một lý do khác nữa, đó là: Biểu trưng cho nữ thần thông tuệ của người La Mã, thần Minerve, là một con cú. Một triết gia vĩ đại thế kỷ 19, Hegel, đã viết rằng con chim của thần Minerve chỉ hát về đêm. Ông muốn nói rằng suy tư triết học dĩ nhiên là một lối tư duy đến muộn, vào lúc chiều hôm, trong trường thiên lịch sử nhân loại cũng như trong cuộc đời mỗi chúng ta.

Vậy nhưng, nên biết rằng những người xuất bản bộ sách này không tán đồng với Hegel, bởi chúng tôi không chỉ tin rằng các bạn trẻ có thể đọc và hiểu triết học, mà các em có thể làm điều đó ngay từ lớp Sáu, vì ở tuổi này, các em chú ý đến các vấn đề siêu hình thường nhiều hơn những học sinh cuối cấp, vốn chỉ chăm chăm nghĩ đến việc nhận được bằng tốt nghiệp và ít suy tư theo cách không vụ lợi, cho thú vui thuần túy khám phá thế giới của tư duy và tham gia vào thế giới đó.

Hơn nữa, hai nhà triết học, Platon và Aristote, cũng quan trọng vào thời Cổ đại như Hegel đối với thời Hiện đại, đã khẳng định rằng họ bắt đầu trở thành nhà triết học vào thời điểm họ ngạc nhiên trước cái hiện tồn. Còn ai hơn là trẻ em có thể ngạc nhiên, thắc mắc trước sự tồn tại của các sự vật trên thế giới? Khi người ta biết được mối quan hệ thân thuộc của trẻ em dành cho những con vật cũng như những con vật dành cho trẻ con, nghĩ kỹ lại, người ta sẽ hiểu được sự ngỡ ngàng trước bí ẩn của cuộc sống mà một con vật có thể mở ra cho các bạn trẻ. Bí ẩn ấy nảy sinh ngay khi bạn bắt gặp cái nhìn của một con

vật thân thuộc, và bạn nhận ra rằng mình chẳng biết gì cả, hoặc gần như không biết gì, về thế giới của chính nó và cảm giác của nó về sự tồn tại của chính nó, bởi vì nó không nói được. Những động vật bậc cao, đặc biệt là động vật có vú như chó, ngựa, mèo, bò, chuột, và cả dơi, nhím (có chú, nhím cũng là động vật có vú), và tất nhiên, cả khỉ nữa, có vẻ rất gần với chúng ta. Tuy nhiên, ngay cả khi ngủ với mèo và chơi với con chó của mình thì bạn cũng chỉ biết rất ít về những gì diễn ra trong thế giới của nó, về những gì thực sự đang xảy ra trong con tim và khối óc người bạn nhỏ của mình, nói gì tới những con dơi.

Nỗi băn khoăn mà sự pha trộn của cái quen thuộc và cái lạ lẫm này gợi lên và thúc đẩy nhân loại phóng chiếu tư tưởng, tình cảm của mình vào các con vật, cứ tưởng chúng cũng giống như mình, diễn giải thái độ của chúng, dạy chúng nói năng, đối xử với chúng như là những con người... rốt cuộc là xem chúng như trẻ con vậy. Nhưng làm như vậy, người ta đã xóa đi những bí ẩn của loài vật. Những con vật ở trong tình trạng được nhân hóa, điều đó chỉ đơn giản có nghĩa là chúng ta đã dứt bỏ quá nhanh để khỏi phải ngạc nhiên trước chúng. Chính vì vậy, khi đề cập ở góc độ triết học tới vấn đề loài vật, chúng ta không nên nhân hóa những con vật, làm chúng gần với chúng ta đến nỗi quên đi rằng sự im lặng và sự có mặt của chúng đang tra vấn chúng ta. Và chúng ta lại càng không nên vật hóa chúng.

Tuy nhiên, cần phải nhanh chóng bổ sung một chi tiết quan trọng liên quan đến bí ẩn này, đến câu đố này: Những bước tiến trong khoa học không những không làm giảm đi sự ngạc nhiên trước sự xa lạ của những con vật, mà còn khiến cho sự xa lạ ấy trở nên khó lý giải hơn. Chẳng hạn, khi ta biết được rằng tinh tinh có 98,5% gen giống với gen của con người thì điều này làm tăng thêm ấn tượng về quan hệ họ hàng đáng lo ngại mà chúng ta cảm thấy khi ngắm chúng trong vườn bách thú. Có thể nào những sinh thể trên đời này lại biểu hiện vừa giống nhau vừa khác nhau đến thế? Tập tính học, môn khoa học nghiên cứu những con vật trong môi trường tự nhiên thay vì bắt chúng về làm thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, và khoa linh trưởng học, nghiên cứu loài linh trưởng, nghĩa là những con khỉ vốn gần gũi với con người nhất, tất nhiên cho phép chúng ta hiểu hơn về các loài vật bằng cách giải thích thái độ của chúng. Tuy nhiên, những môn khoa học ấy không thể giải đáp được câu hỏi đặt ra cho chúng ta khi một con vật nhìn vào chúng ta.

Chắc chắn bạn muốn hỏi làm thế nào người ta có thể gọi những sinh thể

khác với con người này vừa là con vật (bête), vừa là động vật (animal). “Animal” là một từ đa nghĩa, bởi vì từ nguyên học chỉ ra rằng những sinh thể mà từ này định nghĩa có một linh hồn: anima trong tiếng Latin. Đến thế kỷ 18, ngoại trừ Descartes và các môn đệ của ông, mà chúng ta sẽ nhắc lại sau, người ta nghĩ rằng động vật có một linh hồn ít nhiều phức tạp, và bởi thế có một cấp bậc linh hồn các động vật thuộc những loài khác nhau, và thang bậc này, hoặc tôn ti trật tự này, đến bậc cao nhất là linh hồn con người – linh hồn hoàn hảo nhất. Từ “animal” hẳn buộc chúng ta bỏ qua niềm tin vừa mang tính triết học vừa mang tính tôn giáo vào linh hồn của động vật, và cấm đối xử với những sinh thể mà tổ tiên chúng ta xem như những người anh em của mình, như những đồ vật vô tri vô giác, như những đồ vật không có sự sống.

Từ “con vật” (bête) phức tạp hơn nhiều, bởi vì trong tiếng Latin, “bestie” chỉ động vật, đối lập với con người: ngày xưa, người ta cũng nói tới những “con vật còn giữ nguyên tính chất vật”. Từ “bête” nhấn mạnh sự to lớn, tính hung dữ hoặc sự tối dạ. Tuy nhiên, người ta cũng sử dụng từ này theo cách thân mật hơn, để nói về những vật nuôi trong nhà. Vào thời xa xưa, ở nông thôn, khi người ta nói: đã đến lúc những con vật về chuồng rồi, nghĩa là trời đã tối. Về phần tôi, tôi sử dụng từ “động vật” và “con vật”, mà không phải băn khoăn về một sự phân biệt nghĩa, đồng thời không bao giờ quên rằng đó có nghĩa là những sinh thể sống, những sinh thể có hoạt động.

Linh hồn con người trong thể xác con vật?

Không cần phải là một triết gia mới kể được những câu chuyện. Ấy thế mà từ thuở ban đầu triết học không đến nỗi khô khan như ngày nay. Platon cũng như Pythagore và Empédocle, hai triết gia còn xa xưa hơn nữa, sống ở thế kỷ 6 trước cái mà ta gọi là Công nguyên, không ngần ngại nuôi dưỡng tư duy bằng huyền thoại, những truyện kể giải thích thế giới được sinh ra như thế nào, cây cối, động vật, con người xuất hiện ra sao. Và điều mà những huyền thoại kể lại, bao giờ cũng là chuyện về những vị thần, con người và động vật, mà ở đó, người ta thực sự không biết ai là động vật, ai là thần, ai là người.

Chẳng hạn, nhiều dân tộc tưởng tượng rằng trước khi bắt đầu lịch sử của họ, đã tồn tại một thiên đường hoặc một thời đại hoàng kim kéo dài, khi đó, con người và động vật sống yên bình bên nhau, thậm chí còn trò chuyện với nhau. Bởi vì huyền thoại kể lại rằng có điều gì đó bỗng xảy ra, một sự bất tuân

Thượng đế, đã làm hỏng sự cân bằng hòa hợp. Thế là thời huyền thoại kết thúc, thay vào đó là lịch sử, vốn bao giờ cũng là một câu chuyện về chết chóc, bất công và bất hạnh, ít ra là những câu chuyện này đã kể như thế. Chính vì vậy, con người thường cảm thấy điều mà người ta gọi là nỗi hoài nhớ về một thiên đường đã mất, về hạnh phúc hoàn hảo ấy, sự thân mật tuyệt vời ấy, đã đi vào truyền thuyết giữa các con vật với chính họ.

Một niềm tin lớn lao mang tính huyền thoại, sự đầu thai của những linh hồn, ám ảnh những phát ngôn đầu tiên về triết học. Câu chuyện mà huyền thoại kể lại giúp giải thích tại sao các sự vật của tự nhiên lại như bây giờ, làm thế nào trật tự của thế giới lại được sắp đặt. Thế nên thuyết về sự đầu thai dạy rằng, thực ra sự khác biệt giữa động vật và con người chỉ là tạm thời mà thôi, bởi vì tâm hồn một con người, sau khi chết, có thể nhập vào thể xác của một con vật và đôi khi thậm chí nó có thể đi theo con đường ngược lại (linh hồn con vật nhập vào thể xác của con người). Quá trình đi từ cơ thể người sang cơ thể con vật ấy thường được xem như một thử thách, một sự trừng phạt vì những tội lỗi mà người ta đã phạm phải trong suốt đời người: Nếu một con người ăn ở một cách ô nhục hoặc độc ác, tâm hồn anh ta sẽ sống trong thể xác một con lợn hoặc một con sói. Bài học khủng khiếp, phải chịu sự thú vật hóa sẽ khiến cho một số linh hồn tự thanh lọc, một ngày nào đó sẽ tìm lại được sự lớn lao của linh hồn con người. Cuộc giải phóng ấy sẽ diễn ra sau cái chết của con vật mà linh hồn đã cư trú trong thể xác của nó, và khi đó có sự hóa kiếp mới, nghĩa là một sự phục sinh.

Truyền thống của nhiều dân tộc phương Đông tin vào sự đầu thai. Nhưng những tôn giáo có kinh sách, những tôn giáo bắt nguồn từ Kinh thánh, khẳng định rằng có một Thượng đế duy nhất, lại không mấy may thích ý tưởng này. Họ cho rằng, ý tưởng đó làm tổn hại đến tính duy nhất và phẩm cách mà mỗi cá nhân con người sở hữu, dù họ đức hạnh hay xấu xa thế nào chăng nữa.

Có một hậu quả nghiêm trọng cho những ai tin vào sự qua lại này của những linh hồn. Họ có thể luôn tưởng tượng, khi đối diện với một con vật, rằng con vật này là sự hóa kiếp của một cụ cố hoặc của một người nào đó được yêu mến đã qua đời. Khi đó người ta nhìn những động vật này hoàn toàn khác, không phải như những sinh thể xa lạ, hạ đẳng, mà như những người thân và những người bất hạnh, gọi lên tình đoàn kết và lòng xót thương. Chính một số người Hy Lạp cổ đại, những người chay tịnh, đã đưa ra lý lẽ như vậy để từ chối ăn thịt, thậm chí cả cá. Bởi sợ mình ngốn mất ông bà tổ tiên hoặc bạn bè, nên

người ta cần phải kiêng hoàn toàn thức ăn từ thịt, cấm tiệt việc giết thịt để ăn. Tuy nhiên hãy chú ý, ta có thể thừa nhận linh hồn ở động vật như là những triết gia Kitô giáo, những môn đệ của Aristote từng thừa nhận, mà không cần tin vào sự hóa kiếp!

Trong toàn bộ lịch sử tư tưởng phương Tây, người ta đã phê phán quan niệm đầu thai của những linh hồn, bởi vì dù sao nó cũng đặt những sinh vật là người và những sinh vật không phải là người trên cùng một mặt bằng, từ đó mà ngăn cản chúng ta coi động vật như những phương tiện do tự nhiên hoặc Thượng đế ban cho để ta tùy ý sử dụng.

Nếu tin vào sự đầu thai, làm sao ta có thể tiếp tục khiến những con vật làm việc, giết thịt chúng để ăn; làm sao đi săn, câu cá, tổ chức những trò chơi mạo hiểm [với chúng] hay nhốt chúng lại cho được?

Để kết thúc những niềm tin mà ông thấy là phi lý và nguy hiểm đối với việc tạo ra sự sung túc cho con người, Descartes, một triết gia người Pháp thế kỉ 17, đã quyết định xây dựng một phương pháp tư duy giải phóng con người, cải thiện cuộc sống của họ và làm cho họ hạnh phúc bằng cách cho phép họ, mà không e sợ, trở thành những người chủ và người sở hữu tự nhiên. Vì thế triết gia vĩ đại này cho rằng, cách duy nhất để dẹp bỏ việc gán linh hồn cho con vật và niềm tin vào sự đầu thai là cứ cho rằng những con vật chẳng là gì hơn, hoặc chẳng là gì khác những cỗ máy cơ giới rất phức tạp, và chúng chẳng nhận được từ Tạo hóa bất cứ loại linh hồn nào, nên chúng chẳng có tình cảm và tư tưởng cũng không nổi. Giả thuyết này đã sinh ra một cuộc cách mạng lớn trong cách lý giải về những sinh vật, nó cho phép khoa học và kỹ thuật thực hiện những bước tiến rất lớn. Nhưng một số người, trong đó có những người yêu mến các con vật thì lại phản nộ trước một giả định như vậy, và họ cho rằng giả thuyết đó ảnh hưởng tai hại đến mối quan hệ của chúng ta với động vật.

Chúng có nói năng không?

Điều duy nhất chắc chắn, đó là chúng không nói được như chúng ta, với những lời lẽ phức tạp tạo thành bởi từ và câu. Vậy còn con vẹt thì sao? Đó đúng là một câu hỏi thú vị. Nhưng không, con vẹt và con yểng cũng không nói được, bởi chúng không tư duy về điều chúng nói trước khi nói hoặc vào thời điểm nói như chúng ta vẫn làm. Chúng chỉ nhắc đi nhắc lại cùng một điều, chúng bắt chước lời nói của con người, như Descartes từng nói. Trong khi chúng ta, những

con người, chúng ta có khả năng phản ứng tức thời. Khi một tình huống mới xuất hiện, chúng ta có thể tìm thấy những từ ngữ để hiểu tình huống đó hoặc báo cho những người khác biết. Không cần thiết phải bàn luận lâu hơn nữa, bởi vì điều đó hiển nhiên đến nỗi phản đối chuyện này sẽ là ngu ngốc thực sự.

Nhưng điều đáng để tranh luận nghiêm túc chính là vì những động vật không có lời nói được cấu âm, liệu có phải vì thế mà có thể cho rằng chúng không có tư duy? Liệu chúng ta có chấp nhận ý kiến của Descartes rằng, làm gì có tư duy của loài vật khi không có ngôn ngữ của loài vật? Chúng ta thấy rằng, triết gia này đã không thừa nhận chút xíu nào linh hồn ở những con vật, và ông xem chúng như những cỗ máy. Dầu sao, vẫn cần phải công nhận rằng học thuyết của ông có ích. Vào thế kỷ 17, nó đã thúc đẩy các công trình của các nhà khoa học, bằng cách loại bỏ thứ khoa học dựa trên niềm tin vốn ngăn cản việc tiến hành những thí nghiệm y học trên sinh vật. Nhưng đương thời, học thuyết ấy tỏ ra thiếu lương tri, và nó đã bị La Fontaine phê phán. La Fontaine phủ nhận việc so sánh một con chó với một cái đồng hồ vận hành được nhờ hoạt động của những cái lò xo đơn giản.

Những mưu mẹo tài tình của con hươu để thoát khỏi người thợ săn đang cưỡi ngựa đuổi theo; Kỹ thuật mà gà gô thực hiện sự giả vờ nhằm đánh lạc hướng kẻ nào đến gần ổ gà con: Nó bay lên rồi đậu xuống đất và chạy cứ như nó bị thương, trước khi lại bay lên vào lúc người ta tưởng rằng sắp bắt được nó; Sự khéo léo của những con hải ly khi chúng giúp nhau xây dựng các con đập thực sự trên dòng nước; Tất cả những câu chuyện thật về các kỳ tích được động vật hoàn thành chứng tỏ rõ ràng, như La Fontaine nói, con vật có thể thông minh và bởi vậy chúng có một dạng tư duy nào đó.

“Chuyện loài vật rành rành ra đó

Vẫn có người quả quyết với tôi:

Mấy con vật ấy đáng gì

Chỉ là cầm thú, chẳng đầu óc chi

Giá như tôi được làm thầy

Dạy cho chúng biết lẽ thường điều hay

Thì bọn chúng khác nào bọn trẻ

Biết nghĩ suy khi mới nhóc tì.”

*(Trích từ bài ngụ ngôn Hai con chuột,
con cáo và quả trứng của La Fontaine)*

Nhà thơ (La Fontaine) có thể trích dẫn từ một triết gia Hy Lạp, Porphyre, người đã khẳng định rằng mỗi loài động vật có một ngôn ngữ riêng. Có nhiều ngôn ngữ động vật, ông nói, ngôn ngữ của bò, chó, ngựa, chim, cũng như có nhiều ngôn ngữ loài người: Tiếng Hy Lạp, tiếng Ấn Độ, tiếng Scythe, tiếng Syrie. Và giống chúng ta “lơ lơ như vịt nghe sấm” khi nghe người khác nói một thứ tiếng nước ngoài mà mình không biết, chúng ta cứ tưởng rằng những con vật không có ngôn ngữ, bởi vì ta không hiểu những tiếng kêu của chúng.

“Giống như những con quạ khẳng định rằng chẳng có ngôn ngữ nào khác ngoài ngôn ngữ của chúng, và tuyên bố với chúng ta rằng chúng ta thiếu lý trí bởi vì những gì chúng ta nói là vô nghĩa đối với chúng.”

Thực ra, mọi cuộc tranh cãi như vậy giữa các triết gia đều xoay quanh chuyện lý trí: Người này nói rằng con vật có một chút lý trí hoặc thậm chí rất nhiều, người khác thì nói rằng chúng chẳng có chút lý trí nào. Nhưng lý trí mà chúng ta rất ư tự hào đó là gì? Nó cho phép chúng ta thống trị tự nhiên và cải thiện hoàn cảnh sinh hoạt của con người, bằng cách chăm lo cho họ khi họ đau ốm, giảm bớt sự lao lực của họ, dự đoán tương lai. Tuy nhiên, sự làm chủ tự nhiên ấy làm tổn hại nhiều đến các loài động vật, và đôi khi nó quay sang chống lại chính con người. Chính vì vậy chúng ta sẽ thống nhất, ít ra tôi hy vọng như vậy, rằng cuộc tranh luận liên miên giữa các triết gia thuộc các thời đại khác nhau, về chủ đề tư duy và ngôn ngữ, là một cơ hội tuyệt vời để chúng ta hết tự cao tự đại về sự siêu việt của mình; cho dù điều đó [sự khác biệt của con người] là rõ ràng, nhưng đây cũng là cơ hội để suy nghĩ về cách thức sao cho chúng ta có thể sử dụng tốt hơn quyền lực của con người. Chẳng hạn, chúng ta hãy tự hỏi xem điều gì đang diễn ra trong đầu con vật này hoặc con vật nọ đang sống cùng chúng ta, hoặc đang bị chúng ta sử dụng khả năng. Tuy vậy, tôi khuyên các kỹ sĩ và những người đang muốn làm kỹ sĩ, để đặt ra câu hỏi siêu hình như vậy thì cần phải xuống ngựa và nhất là không thối mác như vậy vào lúc thắng yên, đóng cương hoặc đưa chân vào bàn đạp!

Điều cho phép vứt bỏ hẳn học thuyết về những con vật-máy, đó là những tiến bộ kỳ diệu trong nhận thức về loài linh trưởng. Bởi người ta có thể dạy cho những con khỉ, tinh tinh, đười ươi và những con khỉ bonobos nhỏ giao tiếp bằng ngôn ngữ của chúng ta, mặc dù chúng không bao giờ có thể nói được như chúng ta do cấu tạo thanh quản không cho phép. Người ta dựa trên khả năng của khỉ để tạo ra các cử chỉ, và người ta dạy chúng ngôn ngữ Ameslan (viết

tất là ASL) – ngôn ngữ dành cho người câm điếc Bắc Mỹ. Một con tinh tinh cái chín tháng tuổi tên là Washoe, được các nhà nghiên cứu nuôi dạy, đã có thể học cách giao tiếp bằng ngôn ngữ cử chỉ. Sau ba năm, nó đã có một vốn từ vựng 68 dấu hiệu, và đạt được tới 150 từ, tiến tới tạo câu.

Nhưng có ba sự khác biệt quan trọng giữa việc học của những con khỉ ấy với việc học của những đứa trẻ. Trước hết, việc học của những con khỉ chậm hơn nhiều. Sau nữa, bắt đầu từ ba tuổi, tập hợp các cử chỉ tương ứng với các từ ở trẻ sẽ nhiều hơn gấp bội so với ở khỉ. Cuối cùng, khỉ chỉ sử dụng những cử chỉ mà người ta dạy cho chúng để yêu cầu điều gì đó cụ thể, trong khi trẻ nhỏ dùng cử chỉ để tìm hiểu về thế giới.

Chúng ta sẽ thu tóm vấn đề bằng cách nói rằng có ngôn ngữ loài vật, cho phép những con vật biểu lộ cảm xúc của chúng và trao đổi thông tin, nhưng những ngôn ngữ ấy rất hạn chế, giống như việc những con tinh tinh, khỉ gorilla và bonobos học tiếng người vậy.

Chúng có đau khổ không?

Thỉnh thoảng khi chăm sóc con Papillon, con ngựa kéo xe, hoặc khi quan sát người ta vắt sữa, vắt bằng tay, tất nhiên rồi, chứ không phải bằng máy, ba con bò cái lảng giềng của tôi, tôi thấy dường như chúng hài lòng, tôi bỗng thấy công phần trước các nhà siêu hình học, ít ra là phần nộ trước các nhà siêu hình rất có hệ thống đến độ ngu dốt, phủ nhận việc động vật có thể biểu lộ sự thích thú và nỗi đau. Descartes vĩ đại của chúng ta là một trong những kẻ “có hệ thống” như vậy. Bởi vì ông khẳng định rằng, một cỗ máy không thể cảm thấy gì (và, về điểm này, tất cả những người biết lẽ phải trái sẽ đồng ý với ông), nhưng ông bổ sung rằng những con vật là những cỗ máy và kết cục là chúng không cảm thấy gì hết (và, về điểm này, cũng những người biết lẽ phải trái đó sẽ không chấp nhận lý lẽ của ông).

Nhưng một học trò của ông là Malebranche còn “hậu sinh khả úy” hơn. Ở một trong những đối thoại triết học, nhà triết học này đã dựng cảnh hai người đối thoại. Người thứ nhất nói: “Nếu tôi đâm vào cẳng con chó này, nó sẽ rụt cẳng lại ngay lập tức. Tôi kết luận rằng nó có một linh hồn và nó cảm thấy đau”. Người thứ hai (chính là người phát ngôn cho Malebranche) bác bỏ rằng con chó rụt chân lại một cách máy móc, nhờ vào cái lò xo ở bên trong nó. Người thứ nhất nhấn mạnh: “Nhưng con chó này kêu, nó than, chứng tỏ chắc chắn

rằng nó đau”. Người thứ hai trả lời: “Đó là một bằng chứng chắc chắn rằng nó có phổi và không khí thổi qua đó hẳn là mạnh lắm, thế thôi.”

Nhiều nhà bác học tiếp tục tư duy theo lối tàn nhẫn như vậy, bởi vì họ được lợi. Sẽ lợi hơn khi không đặt ra những câu hỏi về điều gì diễn ra bên trong một con vật khi ta thực hiện những thí nghiệm tàn nhẫn, như giải phẫu sống chẳng hạn. Ngày nay vẫn còn những nhà nghiên cứu làm thí nghiệm trên động vật, hoặc các nhân viên lò mổ, thay vì thú nhận rằng mình chẳng biết gì, nhất là chẳng tưởng tượng gì, họ lại khẳng định rằng động vật không cảm thấy gì bởi vì nó không cảm nhận được như chúng ta. Cách đây vài năm, người ta đã bao biện với cùng lập luận ấy việc phẫu thuật cho trẻ sơ sinh mà không gây tê. Họ khẳng định rằng chúng không cảm nhận được gì bởi vì chúng không ý thức được điều mà chúng cảm thấy và không thể nói ra điều đó.

Cứ như thể bằng tiếng kêu, tiếng rên rỉ của mình, những con vật chẳng phàn nàn gì về nỗi đau thể xác, ngay cả khi chúng bị bỏ rơi, bị nhốt, bị sập bẫy, bị cách ly với con cái, chịu những nỗi đau tinh thần. Cứ như thể tiếng nói của chúng chẳng biểu đạt điều gì. Cứ như thể chúng không cảm thấy lo âu: hãy thử nhìn một con chó trong phòng đợi của bác sĩ thú y xem và ta sẽ hiểu! Không, đâu phải chỉ riêng con người mới ốm đau bệnh tật, hơn nữa, khả năng trao đổi lời nói cho phép chúng ta chia sẻ và đôi khi vượt lên cảnh khốn quẫn của mình. Một con vật, chẳng gì có thể an ủi nó, trừ phi, trong một số trường hợp, có được sự vuốt ve của một bàn tay yêu thương. Đau đớn, im lặng, cô đơn, đó là số phận của nó khi nó hoàn toàn ở trong tình cảnh bị khuất phục, bởi cuộc tấn công không thể chịu đựng nổi đến từ những bộ phận cơ thể bị bệnh hoặc từ bạo lực bên ngoài. Và nó không thể chạy trốn bởi đó là cơ thể của riêng nó, cơ thể ấy phải chịu đựng sự đau đớn không thể hiểu nổi này, cái cơ thể mà, thực sự, nó không thể từ bỏ. Ngược lại, dĩ nhiên, những con vật cảm nhận được sự thoải mái và tất cả các loại thú vui, thậm chí cả niềm vui, chỉ ít là ở những con vật không bị nuôi hoặc nhốt trong những điều kiện khiến cho chúng thà chết còn hơn là sống.

Thực ra, điều mà nhiều nhà tư tưởng và nhà nghiên cứu phủ nhận ở những con vật đó là tính nội tâm, việc chúng có một mối quan hệ với bản thân, đồng thời quan hệ với hoàn cảnh xung quanh hoặc với thế giới của chúng.

Họ khẳng định rằng, những ai thừa nhận năng lực cảm giác ở những con vật đều bị rơi vào nhân hóa luận – họ tìm kiếm sự tương tự giữa các con vật với

con người – và cách tư duy ấy chẳng dẫn đến cái gì là khách quan cả. Chính họ mới là những con vật thô lậu! Và ngay khi bắt đầu chia sẻ với bạn suy tư của mình, tôi đã bảo chúng ta cần đề phòng việc nhân cách hóa một cách thái quá những con vật bao nhiêu thì giờ đây, khi gặp phải sự phủ nhận nỗi đau của chúng, tôi nghĩ rằng một chút đồng nhất kẻ kia với con vật cũng chẳng hại gì đến tư duy hay công lý. Thực ra, cái thiếu ở họ, những con người lạnh lùng với những gì không liên quan tới mình, họ và những cái thuộc về họ, chính là sức tưởng tượng cho phép họ đặt mình vào địa vị kẻ khác, vào một thực thể sống khác và cảm nhận được điều mà chúng cảm nhận.

Một nhà văn thế kỷ 18, Karl Philipp Moritz, nhân đề tài về một cậu thiếu niên, kể lại rằng “Cậu thường ngồi suốt cả giờ đồng hồ để nhìn kỹ, chẳng hạn, một con bê, ngắm nghía cái đầu, cái tai, cái mõm và lỗ mũi của nó; cậu đến gần nó nhất có thể, sờ vào nó, cứ như cậu chưa hề biết, và đôi khi cậu miên man đến mức tự nhủ rằng chẳng biết mình có thể bằng tư duy, dần dần thâm nhập vào thực thể sâu kín của con vật ấy không nhỉ. Mọi nỗ lực của cậu là để cố hiểu sự khác biệt vốn chia cắt cậu với con vật và, ở một số thời điểm, cậu cũng đã đắm chìm vào việc quan sát con vật ấy đến mức cậu thực sự tin là mình đã sống trong một khoảnh khắc ngắn ngủi cuộc đời bí mật của tạo vật này”.

Ta có quyền đòi công bằng cho chúng không?

Gần như mọi nhà triết học đều nhất trí không cho những con vật các quyền như những quyền mà ta đã biết ở con người. Lý lẽ của họ cũng dễ hiểu: Những con vật không nhận thức được sự khác biệt giữa thiện và ác, và hơn nữa, không có ngôn ngữ, thứ ngôn ngữ cho phép chúng ta thảo ra các hợp đồng, cam kết với nhau về những điều ràng buộc, chúng không can dự vào cái mà ta gọi là luật pháp.

Tuy nhiên, một số triết gia và nhiều nhà văn đã chống lại kiểu chỉ giành quyền cho con người đầy bất công như thế. Và lý lẽ của họ không kém phần nặng ký so với lý lẽ của các đối thủ. Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là phải lật lại các vụ án thời Trung cổ, vào giai đoạn mà người ta coi những con vật cũng phải chịu trách nhiệm về các hành động của chúng, và người ta đưa chúng ra trước tòa nếu chúng làm bị thương, làm chết người hoặc làm hư hỏng tài sản của họ. Ngược lại, vấn đề là nhận thức được mối liên hệ đó có tính chất một chiều, không hề có đi có lại. Từ đó ta sẽ tự hỏi phải chăng, dù có thể nào thì luật

pháp cũng không được coi là có chức năng bảo vệ những con vật và cấm chúng ta đối xử với chúng một cách tùy thích khi mà những kẻ độc ác không thấy nguy cơ bị trừng phạt.

Trước hết, những triết gia tốt bụng và độ lượng ấy cho rằng không phải vì sự thiếu ý thức, thiếu ngôn ngữ, hoặc thiếu sự phân biệt thiện với ác của động vật mà chúng ta được quyền tước đi của chúng một sự bảo vệ bằng luật pháp. Bởi vì động vật cảm nhận được ý muốn và nỗi đau, chúng thích sự thoải mái và cũng biết đau khổ khi bị đối xử tồi tệ, và thực sự, đó là điều duy nhất quan trọng đối với chúng. Tiếp nữa, thậm chí ngay cả khi chúng không thể bắt chúng ta phải hứa hẹn cho chúng các quyền, thì chẳng phải người ta vẫn nói rằng, hoàn cảnh của chúng giống như hoàn cảnh của trẻ nhỏ và tất cả những người ốm đau bệnh tật, không thể quyết định bằng tâm hồn và ý thức của mình đó sao? Những con người mong manh ấy thực ra bị cấm đoán, khi cần, bởi những người giám hộ. Thế nên trong nền luật pháp của các nước phương Tây, pháp luật đã đưa ra một sự bảo lãnh tương tự đối với các con vật. Các hội bảo vệ động vật thực thi sự giám hộ bằng cách yêu cầu quan tòa trừng phạt các tội danh, thậm chí rất nặng, dành cho những người gây đau đớn cho những con vật. Chính những nhà văn đồng thời là nhà dân chủ vĩ đại, vào thế kỉ 19, đã giành được các quyền cho động vật, bởi vì họ coi đó là phần bổ sung cần thiết cho quyền con người. Những người tử tế đó mang tên Michelet, Victor Hugo, Victor Schoelcher.

Nhưng nếu ta muốn đi xa hơn, làm tốt hơn nữa, ta sẽ vấp phải những vấn đề rất khó rạch ròi. Chẳng hạn, chỉ cần dừng lại ở những con vật trong trang trại thôi, thì cần một quyền đặc thù đối với mỗi loài: Ta không thể bảo vệ những con bò cái theo cách bảo vệ những con gà mái. Mặt khác, nhờ có khoa tập tính học và khoa di truyền học, càng có những hiểu biết về thói quen của một loài, ta càng khám phá ra những cách hiệu quả hơn để chăm lo cho sự thoải mái của những con vật thuộc loài đó: trong suốt cuộc đời của chúng và ở thời điểm mà ta cần giết mổ. Vì thế trước hết luật pháp phải tính đến những đặc thù, mà điều đó lại chống lại tinh thần luật pháp, vốn áp đặt chỉ một quy tắc duy nhất và cùng nhau cho tất cả. Tiếp đó, với sự tiến bộ của tri thức, cần phải sửa đổi luật. Bởi vậy, sự tương đối ấy của một điều luật thuận theo sự đa dạng của các loài động vật thật khó mà hợp với những quyết định pháp lý, nói chung vốn thường không tính đến những khác biệt. Tuy nhiên, khó khăn ấy không

có nghĩa là chúng ta phải từ bỏ ý tưởng về quyền cho loài vật, và trước hết, một quyền cho những con khỉ gần gũi với con người nhất, những con tinh tinh, khỉ gorilla, đười ươi, tinh tinh lùn, những sinh vật có con mắt nhìn chúng ta với một sự tò mò, lo âu, và đôi khi có một sự thân ái gần như con người vậy.

Còn những con vật hoang dã thì sao? Người ta nói với chúng ta rằng những con khỉ lớn, voi, hà mã, tê giác, nếu không trông chừng, chúng sẽ sớm biến khỏi bề mặt Trái đất. Nhưng một sự bảo vệ mang tính pháp lý chăm lo cho gia súc gia cầm (những con vật nuôi do con người thuần hóa, sống với con người hoặc sống gần chúng ta), là cần thiết bao nhiêu, thì hệ thống ấy cũng mất đi ý nghĩa bấy nhiêu, khi đó là những con vật hoang dã. Tuy vậy, cần phải đặt ra một rào cản giữa những con vật bất hạnh ấy với các cư dân khốn khổ, những người giết động vật để nuôi sống bản thân hoặc buôn bán. Và chính vì thế, người ta đã có ý tưởng đưa động vật hoang dã vào di sản của nhân loại và bảo vệ chúng như bảo vệ những công trình hoặc những thành phố cổ: lúc đó sẽ không ai có quyền tiêu diệt, mua bán chúng. Chẳng phải vì chúng là một trong những di sản mà chúng ta không được phép phung phí và có nghĩa vụ phải truyền lại nó cho con cháu mình từ đời này sang đời khác đó sao?

(Hoàng Thanh Thủy dịch)

Các bạn hãy đọc và suy ngẫm những ý kiến sau:

“Vậy mà học trò của Pythagore và của Empédocle lại tuyên bố rằng tồn tại không chỉ có một sự đồng nhất của những con người với nhau, của con người với các vị thần, mà còn có một sự đồng nhất của con người với các con vật còn giữ nguyên tính chất vật. Bởi vì có một tinh thần duy nhất, nó thẩm thấu, theo cách của một linh hồn, vào toàn bộ cuộc sống này và liên kết chúng ta với thần linh và con vật.”

Sextus Empiricus

(nhà triết học Hy Lạp theo chủ nghĩa hoài nghi
sống khoảng thế kỷ thứ 3 sau CN)

“Người ta kể rằng một hôm, lúc đi ngang qua một người đang ngược đãi con chó của mình, đầy lòng trắc ẩn, ông thốt lên thế này:

“Đừng đánh nó nữa! Ta đang nghe thấy linh hồn nó, linh hồn của một bằng hữu mà ta có thể đã quen qua âm thanh giọng nó.””

Xénophane, về Pythagore

(Xénophone, nhà triết học Hy Lạp, 570–475 trCN
và Pythagore, nhà triết học và toán học Hy Lạp, sinh khoảng 570 trCN)

“Khi con người không cưỡng lại xung động trắc ẩn trong lòng mình, thì anh ta sẽ chẳng bao giờ làm hại người khác, thậm chí cũng chẳng bao giờ làm hại một sinh thể có cảm giác nào khác. [...] Thực vậy, dường như nếu tôi bị buộc không được làm hại đồng loại của mình, thì chẳng phải vì đó là một sinh thể có lý trí, mà lý do nhiều hơn là vì sinh thể ấy có cảm giác – phẩm chất mà cả con vật và con người đều có, nó khiến cho kẻ này có quyền không bị kẻ kia ngược đãi một cách vô lý.”

Rousseau

(nhà triết học Pháp, 1712–1778)

“Một sự tôn trọng nhất định và một nghĩa vụ chung của nhân loại gắn kết chúng ta không chỉ với những con vật vốn có cuộc sống và tình cảm, mà còn với cả cỏ cây. Chúng ta cần công lý cho con người, và cần thiện ý cũng như sự nương nhẹ đối với các tạo vật khác, vốn cũng có khả năng như vậy. Có một mối liên hệ nào đó giữa chúng và chúng ta, một sự ràng buộc lẫn nhau nào đó. Tôi chẳng ngần ngại nói về sự tử tế trong bản chất của tôi, nó trẻ thơ đến mức tôi không thể khước từ con chó của mình khi nó dành cho tôi hoặc yêu cầu tôi một sự vui vẻ không đúng lúc.”

Montaigne

(Michel de Montaigne, nhà triết học Pháp, 1533–1592)

“Nếu mang ra so sánh thì một con ngựa, hoặc một con chó trưởng thành, là một sinh thể có lý tính và hóng chuyện nhiều hơn một đứa trẻ mới chào đời một ngày, một tuần hoặc thậm chí một tháng. Tuy nhiên, giả định rằng nó là một con vật khác, thì điều đó thay đổi được gì? Vấn đề không phải là chúng có thể lập luận hay nói năng hay không, mà là: **CHÚNG CÓ ĐAU KHỔ KHÔNG?**”

Jeremy Bentham

(Luật gia và nhà triết học Anh 1748–1832)

Các bạn hãy thảo luận:

1. Cuốn sách *Khi con vật nhìn ta* nói về đề tài con vật, hay nói về các sinh thể nói chung? Mỗi bạn chọn trích một câu văn hoặc một chi tiết để chứng minh ý của mình.
2. Tình yêu với động vật hoặc với các sinh thể có thể dựa trên cơ sở mê tín không? Nó phải dựa trên cơ sở gì thì mới chắc chắn?
3. Cuốn sách nói đến con vật nhìn ta hay ta nhìn con vật hay là cả hai bên nhìn nhau? Từ “nhìn” ở đây có thể thay thế bằng những từ nào có chứa đựng cùng ý nghĩa?
4. Các bạn quan sát lối sống hiện thời liên quan đến cách đối xử của con người với môi trường và tự rút ra bài học gì?
5. Hãy chọn một ý kiến của một nhà tư tưởng được dẫn bên trên và cùng phân tích xem ý đó sai đúng tới đâu? Ý kiến đó dẫn sao vẫn đem lại bài học gì trong cuộc sống hiện thời?

Viết tiểu luận:

1. Mời các bạn tự chọn một đề tài vừa thảo luận và viết ý kiến của bạn xoay quanh điều bạn thấy thú vị hơn cả.
2. Hãy chọn một ý kiến của một nhà tư tưởng dẫn bên trên làm gợi ý và viết cảm nghĩ hoặc nhận thức của bạn.
3. Cuốn sách *Khi con vật nhìn ta* gợi cho bạn ý nghĩ gì liên quan đến việc bảo vệ môi trường sống của chúng ta hiện nay?

BÀI ĐỌC THÊM

PHẨM CHẤT CON NGƯỜI TRONG TƯ DUY VỀ MÔI TRƯỜNG: TRÍCH ĐOẠN “MÙA XUÂN” CỦA HENRI DAVID THOREAU

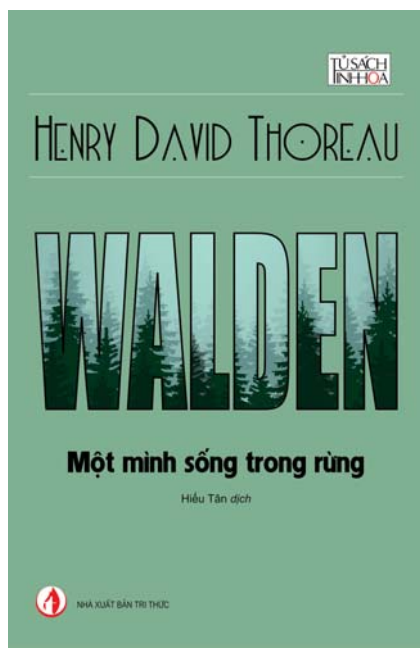
Giới thiệu

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Tiếp tục và bổ sung phần *Tư duy về môi trường sống*, mời các bạn đọc đoạn văn dưới đây trích từ Chương 17 – “Mùa Xuân” của cuốn sách *Walden – Một mình sống trong rừng*, do Hiếu Tân dịch, Nhà xuất bản Tri thức, 2016.

Nhà văn Mỹ Henry David Thoreau (1817–1862) là một triết gia của thiên nhiên và mối quan hệ của nó với đời sống con người. Ông là một trong những người đầu tiên từ rất sớm (giữa thế kỷ 19) lên tiếng bảo vệ thiên nhiên, nhiều đóng góp của ông còn có tác dụng đến tận ngày nay: ông viết lịch sử tự nhiên và triết học tự nhiên, ông đi trước trong nhiều phương pháp và phát hiện của sinh thái học và lịch sử môi trường, hai nguồn gốc của chủ nghĩa môi trường hiện đại.

Trong cuốn sách *Walden*, Thoreau kể ông sống một mình trong một mảnh đất rừng bên cạnh đầm Walden, “Giọt nước của Trời”, “đáng yêu hơn kim cương”, trong một ngôi nhà tự xây lấy, và bằng lao động của chính đôi tay mình. Ở Walden, ông đã sống nhiệt thành say mê đầy tỉnh thức “Tôi đi vào rừng bởi vì tôi muốn sống thông dong, chỉ đối diện với những sự kiện tinh túy nhất của cuộc sống, và xem thử tôi có thể học được những gì nó phải dạy tôi hay không, và không để đến khi tôi gần chết mới khám phá ra rằng tôi chưa hề sống”. Ông mang vào rừng giấc mơ về một cuộc sống vô ưu đầy vui thú.



Với tài năng của một nhà tự nhiên học, ông kể về thú vui quan sát thế giới hoang dã, về những con cá sống trong đầm, về màu sắc của băng cũng như về sinh hoạt của các loài muông thú sống trong rừng: chim đớp ruồi, chim cổ đỏ, gà gô, chim dẻ gà, bồ câu Bắc Mỹ, chuột, rái cá, gấu trúc, rùa bùn, cáo, sóc, mèo rừng... Ông tả tỷ mỉ hành tung kỳ lạ của con chim lặn *gavia*, cuộc “chiến đấu” một mất một còn của mấy con kiến: “Tôi không bao giờ biết bên nào chiến thắng, cũng không biết nguyên nhân chiến tranh là gì, nhưng suốt ngày hôm ấy tôi cứ có cảm giác mình bị kích động và tổn thương vì chứng kiến cuộc đấu đá ấy, dữ dội và đẫm máu, của cuộc chiến giữa con người trước cửa nhà tôi.” ...

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Đoạn văn trích này không chỉ cho thấy vẻ đẹp cuộc sống người di dân (như người khai hoang) từ châu Âu (lục địa cũ) sang Mỹ (lục địa mới). Trong cuốn sách *Nền dân trị Mỹ* của nhà quý tộc Pháp Alexis de Tocqueville (NXB Tri thức, tái bản nhiều lần), trong nhiều chương của cuốn sách hơn 700 trang dịch sang tiếng Việt này, nhiều lần tác giả đưa chúng ta đến với những người di dân đó.

Họ đến từ lục địa cũ đầy xáo động vì chiến trận, áp bức và tranh chấp. Qua lục địa mới, họ thở sức khấn hoang. Họ lao động cật lực mỗi ngày cả chục giờ đồng hồ. Thế mà, tác giả de Tocqueville vẫn thống kê thấy trong căn nhà gỗ sơ sài của họ nhà nào cũng có “tủ sách” nho nhỏ. Họ khai khẩn miền Đông tươi tốt xong, vài chục năm sau, các bạn khai hoang mới lại ùn ùn kéo từ châu Âu qua. Họ sẵn lòng để lại dinh cơ và nhà cửa và ruộng vườn để đi khai khẩn tiếp sang hướng Tây, và cứ thế họ dần dần che phủ lục địa Bắc Mỹ mệnh mông. Và vài trăm năm qua đi, họ xây dựng nên một tổ quốc mới trong yên bình, văn minh, luật pháp. Luật pháp giúp họ không tranh chấp đất đai và tài sản đến đổ máu. Văn hóa tinh thần giúp họ sống nhân ái thân thiện, những bộ phim về tội ác không “phản ánh” hoàn cảnh sống, mà chỉ như là những giải trí giúp họ đề phòng những thói xấu sẽ tạo thành tội ác làm xấu xã hội họ đang xây dựng.

Mong các bạn hãy tư duy tiếp về môi trường với điều kiện cần có và phải có là niềm tin vào cái Đẹp của lòng nhân ái cố hữu ở con người, ý chí xây dựng môi trường chung sống của con người với nhau trong một môi trường tự nhiên được gìn giữ *xanh sạch đẹp* – một hiện thực sống thay vì một hiện thực trong mơ mộng hão.

Mời các bạn thưởng thức.

WALDEN - MỘT MÌNH SỐNG TRONG RỪNG

(Trích)

Một điều hấp dẫn tôi đến sống trong rừng là tôi sẽ có thời giờ nhàn rỗi và có dịp ngắm mùa xuân đến. Băng trong đầm cuối cùng bắt đầu hình thành dạng tổ ong, và tôi có thể đặt gót chân tôi lên đó khi bước đi. Những đợt sương mù, những trận mưa rào và ánh mặt trời ấm áp dần dần làm tan tuyết, ngày đã hơi dài hơn, và tôi thấy tôi sẽ qua mùa đông mà không cần bổ sung thêm đồng củi của tôi, vì không cần đốt những đồng lửa to nữa. Tôi lắng nghe những dấu hiệu đầu tiên của mùa xuân, nghe tiếng hót tình cờ của một con chim bay đến, hay tiếng chít chít của con sóc vằn, vì kho của nó chắc đã gần cạn, hay nhìn con chuột nước liêu ra khỏi chỗ trú đông của nó. Ngày 13 tháng Ba, sau khi tôi đã nghe con sơn ca, con ly tước, và con chim hét cánh đỏ, băng vẫn còn dày gần một *foot*. Khi thời tiết trở nên ấm hơn, nó vẫn chưa bị nước bào mòn đáng kể, cũng không vỡ ra và trôi như trên sông, nhưng mặc dù nó đã tan hoàn toàn một dải rộng khoảng nửa *rod* cạnh bờ, giữa đầm mới chỉ thành dạng tổ ong và bão hòa nước, do đó ta vẫn có thể đặt chân lên nó khi nó còn dày sáu *inch*, nhưng tối hôm sau, có lẽ sau một trận mưa ấm rồi đến sương mù, nó mới biến mất hoàn toàn, tất cả đi theo cùng sương mù, bay đi mất. Một năm tôi chỉ đi qua giữa đầm năm ngày trước khi băng biến mất hoàn toàn.

Năm 1845 ngày đầu tiên Walden tan băng hoàn toàn là 1 tháng Tư; năm 1846 là 25 tháng Ba; năm 1847 là 8 tháng Tư; năm 1851: 28 tháng Ba; 1852: 18 tháng Tư; 1853: 23 tháng Ba; năm 1854 khoảng 7 tháng Tư.

Mỗi sự kiện gắn với tan băng của các sông ngòi hay ao đầm và sự êm lặng của thời tiết đặc biệt thú vị đối với chúng tôi, những người sống trong một khí hậu cực kỳ khắc nghiệt. Khi những ngày ấm hơn đến, những người sống gần sông ban đêm nghe băng kêu răng rắc và tiếng kêu giật mình to nhưng tiếng một khẩu pháo, như thể những gông cùm bằng băng bị xé suốt từ đầu này đến đầu kia, và sau vài ngày nó nhanh chóng biến mất. Cá sấu chui ra khỏi bùn cũng làm mặt đất rung lên như vậy. Có một ông già, vốn là người quan sát tường tận Thiên nhiên, và hiểu biết thấu đáo mọi động thái của nàng, dường như khi còn là một cậu bé đã nhìn thấy nàng như một con tàu đang được đóng, và đã giúp hạ thủy nàng – khi đến tuổi trưởng thành ông đã hiểu biết nhiều đến

nổi dù có sống lâu như Methuselah¹ cũng không thể có được nhiều tri thức tự nhiên hơn. Ông kể với tôi (và tôi ngạc nhiên nghe ông bày tỏ cảm giác lạ lùng trước bất kỳ động thái nào của Thiên nhiên, vì tôi nghĩ giữa ông và nàng đã không còn bí mật gì nữa), rằng một ngày xuân ông xách súng và lên thuyền, nghĩ rằng ông sẽ được tiêu khiển một chút với lũ vịt trời. Trên đồng cỏ vẫn còn băng, nhưng trên sông băng đã tan hết, và ông xuôi thuyền từ Sudbury nơi ông sống xuống đến đầm Fair-Haven không gặp trở ngại gì, nhưng thật bất ngờ, ông thấy đầm này bị bao phủ phần lớn bởi một mảng băng cứng. Hôm ấy trời ấm, và ông ngạc nhiên thấy một khối lượng băng lớn vẫn còn đó. Không thấy con vịt nào, ông hướng mũi thuyền về hướng bắc, phía sau một hòn đảo trong đầm, và ở đó, ẩn mình trong những bụi cây phía nam để đợi chúng. Băng đã tan ba bốn *rod* từ bờ, và bên trong có một mảng nước êm và ấm, với một đáy bùn, là chỗ lũ vịt thích, nên ông nghĩ chắc chẳng bao lâu sẽ có một vài con xuất hiện. Sau khoảng một giờ nằm im ở đó ông nghe thấy một âm thanh trầm dường như từ rất xa nhưng rất uy nghi và ấn tượng, không giống bất kỳ âm thanh nào mà ông đã từng nghe, cứ tăng lên dần như thể nó sẽ có một kết thúc bao quát và đáng nhớ, một tiếng rống rền và rầu rĩ, đột nhiên ông có cảm tưởng như tiếng kêu của một con chim khổng lồ bay đến đậu ở đây, và, nâng súng lên, ông sẵn sàng bắn trong trạng thái hấp tấp và kích động; nhưng, thật kinh ngạc, ông thấy cả một khối băng lớn đã bắt đầu di chuyển trong khi ông nằm ở đấy, và đang lừ lừ trôi vào bờ, và âm thanh mà ông nghe thấy chính là tiếng băng cọ vào bờ ken két, – lúc đầu bị gặm từng tí một cách nhẹ nhàng, rồi vỡ nát ra, cuối cùng trào lên đến một độ cao đáng kể và tung những mảnh vụn của nó tản mát dọc theo đảo, trước khi chịu lặn đi hoàn toàn.

Cuối cùng những tia mặt trời đã đạt được góc chiếu thích hợp, và những luồng gió ấm mang theo sương mù và mưa và làm tan những dải băng tuyết, rồi mặt trời xua tan màn sương, tươi vui chiếu rọi trên phong cảnh đang nghỉ ngút những làn khói nâu nhạt và trắng với mùi hương dễ chịu, trong đó người du khách cất bước đi từ gò đất này sang gò khác, tai vui nghe hàng ngàn dòng suối nhỏ và ngòi lạch róc rách, những mạch chứa đầy dòng máu mùa đông mà chúng đang cuốn trôi đi.

1 Nhân vật trong kinh thánh Do Thái giáo, được cho là đã sống lâu nhất (như kiểu ông Bành Tổ (Sáng Thế ký, 5:27: “*Mê-tu-sê-la hưởng thọ được chín trăm sáu mươi chín tuổi*”).

Ít có hiện tượng nào khiến tôi vui thích hơn khi ngắm nhìn những hình dạng của cát và đất sét đang tan băng chảy xuống những triền dốc của “Vết Cắt Sâu” (Deep Cut¹) trên tuyến đường sắt mà tôi phải đi qua để vào làng, một hiện tượng không thường thấy ở một qui mô lớn như thế này, mặc dù số lượng dải vật liệu chính mới lộ ra chắc đã phải tăng lên nhiều từ khi xuất hiện đường sắt. Vật liệu này là cát ở mọi độ tinh và mọi màu sắc, thường trộn lẫn một ít đất sét. Khi băng giá đã tan trong mùa xuân, và thậm chí trong một ngày tan băng của mùa đông, cát bắt đầu chảy xuống các triền dốc giống như dung nham, đôi khi bùng lên qua tuyết và tràn lên nó ở chỗ mà trước đây chưa thấy có cát. Vô số những dòng chảy nhỏ lẫn lên nhau và xoắn lại với nhau, bày ra một sản phẩm lai tạp, chúng nửa tuân theo qui luật về dòng chảy, nửa tuân theo qui luật thực vật. Khi chảy nó có dạng những lá cây có nhựa, hay dây leo, tạo thành rất nhiều cành nhỏ mềm dày một *foot* hay hơn, và khi ta nhìn từ trên xuống chúng giống như những tàn của một loài địa y, nhiều lớp xếp đè lên nhau; hoặc nhắc ta nghĩ tới san hô, chân báo hoặc chân chim, tới não hoặc ruột hoặc phổi, và phân cứt đủ mọi loại. Nó thật sự là một loài thực vật *biến dạng* (*grotesque*), mà hình dáng và màu sắc chúng ta thấy được mô phỏng trong đồng thau, một loại hoa lá trang trí kiến trúc, cổ hơn và điển hình hơn cây ô rô, rau diếp xoắn, dây thường xuân, nho, hoặc bất cứ thứ lá cây nào, có lẽ được trù tính, dưới một hoàn cảnh nào đó, để trở thành câu đố cho các nhà địa chất tương lai. Toàn bộ gây ấn tượng cho tôi như thể chúng là một hang động có những thạch nhũ nằm phơi ra ánh sáng. Những sắc thái của cát phong phú và hòa hợp khác thường, bao gồm nhiều màu sắc khác nhau, nâu, xám, vàng nhạt, và hung đỏ. Khi luồng chảy tới cống rãnh dưới chân bờ, nó tỏa ra dẹt hơn thành những *dải*, những dòng chảy riêng rẽ mất đi dạng bán trụ của chúng và dần dần trở nên dẹt hơn và rộng hơn, chập vào nhau, trở nên ẩm hơn, cho đến khi chúng hình thành một lớp cát dẹt, vẫn còn những sắc thái đa dạng đẹp đẽ, nhưng trong chúng, ta đã có thể thấy lại những dạng thực vật ban đầu; cuối cùng, ở trong nước, chúng biến thành những bờ bằng cát, giống như những bờ hình thành ở cửa sông, và những dáng hình thực vật mất đi trong những dấu sóng gợn trên đấy.

1 Trên một đoạn đường sắt Fitchburg, phía tây bắc Walden đất được đào xuống một độ sâu nhất định, để đường sắt đi ngang. Thoreau đã mô tả: “dài một phần tư dặm, sâu ba, bốn chục *foot*”

Toàn bộ bờ, cao từ hai mươi đến bốn mươi foot, đôi khi sau một ngày xuân, có hình tán lá do cát chảy tạo nên trên suốt một phần tư dặm, ở một hay cả hai bên. Điều ấn tượng nhất của cái hình lá bằng cát này là sự xuất hiện đột ngột của nó. Khi tôi nhìn một bên là mặt bờ trơ trọi, vì mặt trời lúc đầu chiếu trên một mặt – và mặt kia là hình tán lá trắng lệt, sáng tạo của một giờ, tôi cảm thấy xúc động, một cảm giác kỳ diệu như thể tôi đứng trong phòng thí nghiệm của người Nghệ sĩ đã tạo ra thế giới và bản thân tôi, – nơi người vẫn còn đang vui vẻ làm việc trên bờ này, và với năng lượng vượt trội của người, trải những bản phác thảo mới mẻ của người ra khắp nơi. Tôi có cảm giác như tôi đến gần hơn với những phủ tạng của địa cầu, vì sự chảy tràn cát này dưới hình một tán lá giống như nội tạng của thân thể động vật. Ta tìm thấy trong cát một sự báo trước hình dạng lá cây. Chẳng đáng ngạc nhiên khi trái đất tự thể hiện mình ra ngoài bằng những lá cây, mà nó đã áp ủ sâu kín bên trong. Những nguyên tử đã biết và đã được hoài thai bởi qui luật này. Cái lá cây thực thấy ở đây nguyên mẫu của mình. *Bên trong*, dù là trong địa cầu hay trong thân thể động vật, nó là *thùy* dày và ẩm ướt, một từ đặc biệt thích hợp để mô tả gan, phổi và những *lá* mỡ (*λείβω*, *labor*, *lapsus*, – chảy hoặc trượt xuống, sa ngã; *λοβος*, *globus*, *thùy*, *địa cầu*; cũng như *lap*, *flap*, và nhiều từ khác)¹; Bên ngoài, một lá khô mỏng, thậm chí như *f* và *v* là chữ *b* bị phơi khô và ép mỏng. Gốc của *lobe* là *lb*, khối lượng mềm của *b* (một *thùy*, hay *B*, hai *thùy*) với chữ *l* lỏng đằng sau nó đẩy nó lên trước. Trong từ *globe* (*địa cầu*), *glb*, chúng ta có chữ *g* trong *guttural*, yết hầu, tăng cường ý nghĩa cho sức chứa của thanh quản. Lông vũ và cánh của chim còn khô hơn và mỏng hơn lá. Cũng như chuyển từ con nhộng ục ịch thành con bướm nhẹ nhàng bay bổng. Bản thân địa cầu liên tục tự chuyển mình và chuyển hóa, và bay lên trên quỹ đạo của nó. Thậm chí, bằng bắt đầu từ những lá pha lê thanh nhã, dường như đã chảy thành những dáng lá của loài cây thủy sinh in hình trên chiếc gương của đầm. Toàn bộ cây thực chất chỉ là chiếc lá, và những dòng sông là đường gân trên những chiếc lá rộng mênh mông, thịt của chúng là những châu thổ, những thị trấn thành phố là trứng sâu trên lá.

Khi mặt trời lặn, cát thôi chảy, nhưng buổi sáng các dòng sẽ lại bắt đầu ngay và chảy loang ra, phân nhánh thành vô vàn dòng nhỏ. Ở đây bạn có thể

1 Thoreau đưa vào trong đoạn này những từ tiếng Hy Lạp, Latin và tiếng Anh, nhưng tự ý biến đổi cả từ nguyên và ngữ âm của chúng, cho nên toàn bộ lập luận ở đây mang tính nửa đùa cợt.

thấy các mạch máu hình thành như thế nào. Nếu nhìn kỹ bạn sẽ thấy từ vô số dòng cát mềm tan băng tràn lên phía trước, với một điểm giống giọt nước, giống như đầu ngón tay, chậm chạp dò dẫm bò xuống, cuối cùng khi mặt trời lên cao, nhiệt độ và hơi ẩm tăng lên, phần lỏng nhất tuân theo định luật mà những vật chất trở ì nhất cũng phải tuân theo, tách ra khỏi phần còn lại, rạch cho mình một cái rãnh hay mạch ngoằn ngoèo, trong đó ta thấy một dòng nhỏ trắng bạc, lóe lên như ánh chớp và thỉnh thoảng biến mất trong cát. Thật tuyệt vời, dòng cát này tự tổ chức bản thân nó khi chảy mới nhanh chóng và hoàn hảo làm sao, nó sử dụng thành phần tốt nhất của nó tạo thành những mép sắc của dòng chảy. Những dòng chảy như thế này là nguồn của những con sông. Trong thành phần silicat lắng trong nước có lẽ là bộ xương, còn trong lớp đất mịn hơn và thành phần hữu cơ là những thớ cơ, hay những mảng tế bào. Con người là gì nếu không phải khối đất sét¹ đang tan băng? Đốt ngón tay của con người chỉ là một giọt nước đóng băng. Những ngón tay ngón chân là những dòng chảy từ thân thể đang rã đông. Ai biết được trong một thiên đường ấm áp hơn, thân thể con người còn nở nang và tan chảy ra như thế nào? Bàn tay ta chẳng phải là tàu lá cọ xòe ra với những đường gân và thớ thịt của nó đó sao? Hãy thử tưởng tượng tai là địa y *umbilicaria*², được gắn vào đầu, và dái tai cũng là giọt nước. Môi,— *labium*³, từ chữ *labor* (?) — trùn lên hai bên của hốc miệng. Mũi là biểu hiện của giọt nước đông hay thạch nhũ. Cái cằm là một giọt lớn hơn, nhỏ ra từ khuôn mặt. Hai má là sự trượt từ các lông mày xuống thung lũng của khuôn mặt, bị các xương gò má (lưỡng quyền) tẽ ra. Mỗi một thùy tròn đầy của lá cây là những giọt nước đầy đặn và đang đi lang thang, lớn hay nhỏ, chúng cũng là những ngón tay của lá, có bao nhiêu thùy thì chảy theo bấy nhiêu hướng, và khi trời nóng hơn hay trong không khí ấm áp hơn chúng sẽ chảy xa hơn.

Như vậy dường như một sườn đồi này minh họa cho cái nguyên tắc theo đó mọi sự vật diễn ra trong thiên nhiên. Người Sáng tạo ra Trái Đất chỉ lấy một bằng phát minh ra chiếc Lá. Champollion⁴ sẽ giải mã chữ tượng hình này cho

-
- 1 Liên tưởng ý trong Kinh thánh: con người [trong tay Chúa] như “đất sét trong tay người thợ gốm” (Jeremiah 18:6).
 - 2 Tên Latin, một loại địa y dạng lá mọc trên vách đá.
 - 3 Tiếng Latin, nghĩa là “môi”.
 - 4 Jean Francois Champollion (1790–1832), nhà nghiên cứu Ai Cập cổ đại người Pháp, đã giải mã tảng đá Rosetta, nhờ đó đọc được chữ tượng hình Ai Cập cổ đại.

chúng ta như thế nào, để chúng ta cuối cùng có thể lật sang một lá¹ khác? Hiện tượng này khiến tôi hồ hởi hơn sự sum xuê và tươi tốt của một vườn nho. Thật ra, nó có một chút phân trong tính cách, vì những đồng gan, phổi, ruột² bất tận kia, như thể trái đất lộn ruột gan của mình ra ngoài, nhưng điều này cho thấy ít nhất Thiên nhiên cũng có ruột gan của nó, có nghĩa Thiên nhiên chính là bà mẹ của loài người. Đây là sương giá toát ra từ đất, và mùa xuân bắt đầu. Nó báo trước mùa xuân xanh tươi hoa lá, như huyền thoại đi trước thơ ca nghiêm chỉnh. Không có gì tẩy sạch chứng đầy hơi khó tiêu của mùa đông hơn thế. Nó thuyết phục tôi rằng Trái Đất vẫn còn quán trong tã lót và đang đuổi những ngón tay sơ sinh của nó ra mọi phía. Những món tóc xoắn dịu dàng đã phủ lên vầng trán khắc nghiệt nhất. Trong Thiên nhiên không có gì chết cứng. Những hoa văn hình lá nằm dọc theo bờ như xỉ than từ bếp lò, báo rằng Thiên nhiên đang hồi náo nhiệt nhất. Trái Đất không phải chỉ là một mẫu của lịch sử đã chết, lớp này đè lên lớp khác như những tờ giấy trong một cuốn sách, chủ yếu chỉ được các nhà địa chất và nhà khảo cổ nghiên cứu, mà là bài thơ sống động giống như những phiến lá của một cái cây, báo trước hoa và quả – không phải một trái đất hóa thạch, mà là trái đất sống; so với sự sống vĩ đại của nó tập trung ở tầng sâu, sự sống của toàn bộ thế giới động vật và thực vật chỉ như sống nhờ, ký sinh trên bề mặt. Chuyển động mãnh liệt của nó giằng giật những di hài của chúng ta ra khỏi mộ. Bạn có thể nấu chảy kim loại của bạn và đúc nó trong những khuôn đẹp nhất, chúng cũng không bao giờ làm tôi phấn khích như những hình dạng mà trái đất nóng chảy đúc thành. Không phải chỉ có nó, mà tất cả những gì đang hiện hữu trên nó, cũng đều dẻo như đất sét trong tay người thợ gốm.

Chẳng bao lâu nữa, và không phải chỉ trên bờ đầm này, mà trên tất cả mọi quả đồi và bình nguyên, trong các thung lũng, băng sẽ ra khỏi đất giống như những động vật ngủ đông ra khỏi hang của chúng, và đi tìm biển có nhạc, hay di cư đến những xứ sở mới của chúng trên mây. Thaw (sự tan băng) với sức thuyết phục dịu êm của chàng còn mạnh hơn Thor³ với cây búa của ông ta. Một đằng thì tan chảy, còn bên kia đập tan ra từng mảnh.

1 Chữ *leaf* vừa có nghĩa là lá cây, vừa có nghĩa là tờ giấy, trang sách.

2 Nhắc đến một thuyết sinh lý học cho rằng gan, ruột là nguồn của lòng trắc ẩn.

3 Thor là thần Sấm Scandinavia. Lưu ý chữ Thor – là một phần tên của *Thoreau*, và cái đầm sấm sét của ông.

Khi đất đã phân nào lộ ra khỏi tuyết, và vài ngày ẩm áp đã hong khô bề mặt của nó, thật thích thú khi so sánh những hồi ức thơ ấu dịu dàng với vẻ đẹp uy nghi của thảm thực vật đã trụ được qua mùa đông. Cây thường xuân, *goldenrod*¹, cây cỏ còi², và những loài cỏ dại thanh nhã, rõ ràng hơn và thú vị hơn trong buổi chiều hè, như thể vẻ đẹp của chúng đến lúc đó mới chín, thậm chí cỏ bông, cỏ đuôi mèo, *mullein*³, *johnswort*⁴, *hardhack*⁵, cây râu dê, và những cây thân dài, những kho thóc không cạn kiệt ấy chiêu đãi những chú chim đến sớm nhất, những giống cỏ dại⁶ hiền lành, ít nhất là trang phục nghiêm trang của nàng Thiên nhiên góa bụa. Tôi đặc biệt bị cuốn hút bởi những ngọn lau sậy uốn cong giống như thành bó, mùa đông chúng nhắc ta nhớ tới mùa hè; đó là một trong những hình thức mà nghệ thuật thích tái hiện, và trong thế giới thực vật, chúng có cùng quan hệ với những kiểu dáng đã hình thành trong trí óc con người cũng như ta nhìn thấy trong thiên văn học. Nó là một kiểu dáng mang phong cách cổ xưa, xưa hơn phong cách Hy Lạp hay Ai Cập. Nhiều hoa văn của Băng tuyết gọi lên một vẻ thanh nhã khôn tả và sự tinh tế mỏng manh. Chúng ta thường nghe người ta tả vị vua này là một kiểu bạo chúa thô lỗ và hung dữ; nhưng với vẻ thanh lịch của một người tình, chàng tô điểm cho mái tóc của Mùa hè.

Gần đến mùa xuân, những con sóc đỏ kéo đến nhà tôi, từng đôi một, ngay bên dưới chân tôi khi tôi ngồi đọc hoặc viết, cất tiếng cười quái đản và lú lút liên hồi với những âm thanh ùng ục chưa từng nghe; và khi tôi giậm chân chúng chỉ càng lú lút to hơn, như thể chuyển tất cả nỗi sợ hãi và tôn trọng vào trò nghịch điên của chúng, chống lại con người ngăn cản chúng. Không, chúng mày đừng ...chiccari, chiccari. Chúng hoàn toàn điếc với những lý lẽ của tôi, hoặc không nhận ra sức mạnh của chúng, và tuôn ra hàng tràng tiếng chửi rủa không gì ngăn lại được.

Con chim sẻ đầu tiên của mùa xuân! Năm mới bắt đầu bằng niềm hi vọng trẻ trung hơn bao giờ hết! Những tiếng lú lo yếu ớt trong trẻo của con chim

1 Cây thuộc chi *Solidago*, ở châu Âu và Bắc Mỹ, hoa màu vàng và nở vào cuối mùa hè.

2 Một loại cỏ lá hẹp có hoa nhỏ.

3 Cây cao ở châu Á và châu Âu, hoa màu vàng, màu hoa oải hương hoặc màu trắng.

4 Cây địa nhĩ thảo.

5 Cây thuộc họ hoa hồng ở Bắc Mỹ, lá có lông tơ, hoa nở thành chùm, hình búp măng màu trắng hoặc hồng.

6 Weed vừa có nghĩa "cỏ dại", vừa có nghĩa "đồ tang".

xanh này, con chim sẻ hót hay, con chim hét cánh đỏ, trên cánh đồng đã tan băng một phần và ẩm ướt nghe như tiếng bông tuyết rơi leng keng! Trong một thời gian như thế những lịch sử, niên đại, truyền thống và những mặc khải thành văn có nghĩa gì? Những dòng suối ca những bài tụng ca và hân hoan chào đón mùa xuân. Những con chim ứng vùng đầm lầy sải cánh bay là là trên đồng cỏ đang tìm sự sống tri trệ thức dậy. Trong những thung lũng nhỏ nghe thấy những âm thanh chìm của tuyết đang tan và băng rã trong các đầm. Cỏ cháy trên các sườn đồi giống như một đám lửa mùa xuân, — “*et primitus oritur herba imbribus primoribus evocata*,”¹ — như thể trái đất gửi đi một chút nhiệt trong lòng nó để chào mặt trời trở lại; ngọn lửa không có màu vàng mà có màu xanh cây, biểu tượng của tuổi thanh xuân bất diệt², lá cỏ, giống như một dải ruy băng dài, chảy từ trắng cỏ vào mùa hè, tất nhiên bị băng giá chặn lại, nhưng chẳng bao lâu lại được đẩy đi, nhờ sức sống tươi mới bên dưới đội lá cỏ khô năm ngoái nhô lên. Nó lớn lên đều đặn như dòng suối nhỏ rỉ ra từ lòng đất. Nó hầu như đồng nhất với dòng suối nhỏ kia, vì trong những ngày dài tháng Sáu, khi mọi dòng suối nhỏ đều cạn, những lá cỏ là những lòng suối, và từ năm này sang năm khác loài thảo mộc uống ở dòng suối vĩnh viễn xanh này, và người phát cỏ đôi khi rút ra từ nó thực phẩm mùa đông tiếp tế cho họ. Như vậy cuộc sống của loài người chúng ta chỉ chết ở bộ rễ, nhưng vẫn vươn lá xanh của nó vào vĩnh cửu.

Walden đang tan băng nhanh chóng. Có một dòng kênh rộng hai rod dọc các bờ bắc và tây, và rộng hơn ở đoạn cuối phía đông. Một diện tích băng rộng lớn đã nứt ra khỏi mảng chính. Tôi nghe một tiếng hót, con chim sẻ đang hót trong một bụi cây trên bờ — *olít, olít, olít*, — *chip, chip, chip, che char*, — *che wiss, wiss, wiss*. Cả nó cũng đang giúp cho băng tan. Những đường cong uốn lượn ở mép băng mới đẹp làm sao, như đáp lại những đường cong trên bờ, nhưng cân đối hơn. Nó cứng một cách bất thường, do đột lạnh ngăn nhưng khắc nghiệt gần đây, và tất cả những gì trước đây là nước và sóng trông như nền một lâu đài. Nhưng gió trườn về hướng đông trên bề mặt mờ tối của nó một cách vô ích, cho đến khi nó chạm tới bề mặt sống động phía xa. Thật thú vị khi nhìn dải ruy băng của nước lấp lánh dưới ánh mặt trời, gương mặt lồ lộ của đầm trẻ trung và tươi vui, như thể nó nói hộ niềm vui của đàn cá trong lòng nó, và của cát trên bờ của nó — một ánh bạc rực

1 “Và cỏ được những trận mưa sớm gọi ra đang mọc lên” — M. Terenti Varronis (Varro).

2 Xem biểu tượng của lá cỏ trong tập thơ *Bài ca về chính tôi* (Song of Myself) của Walt Whitman.

rõ như lóe lên từ vẩy của con cá *leuciscus*, như tất cả là một con cá hiếu động. Đó là sự tương phản giữa mùa đông và mùa xuân. Walden đã chết đi và đã sống lại¹. Nhưng mùa xuân này nó tan băng đều đặn hơn, như tôi đã nói.

Cuộc chuyển từ mùa đông mưa bão sang tiết trời trong sáng êm dịu, từ những giờ tối tăm uể oải sang những giờ sáng sủa và lạnh lẽo là sự kiện quan trọng mà mọi vật vội vàng loan báo. Nó dường như diễn ra ngay lập tức. Ánh sáng đột ngột tràn vào nhà tôi, mặc dù trời đã gần tối, những đám mây vẫn lơ lửng trên cao, và mái hiên đang nhỏ những giọt mưa tuyết. Tôi nhìn ra cửa sổ, và kìa! Nơi hôm qua còn là băng xám lạnh thì bây giờ là mặt đầm trong sáng, êm lặng và đầy hi vọng như trong một buổi tối mùa hè, phản chiếu bầu trời buổi tối hè trên mặt nó, mặc dù phía trước còn chưa thấy rõ gì, như thể nó có liên lạc tin tức với một chân trời xa xăm. Tôi đã nghe thấy tiếng một con chim cổ đỏ từ xa, con đầu tiên tôi nghe thấy tưởng chừng qua cả ngàn năm nay, và tôi nghĩ giọng của nó tôi sẽ nhớ đến cả ngàn năm nữa, – cũng tiếng hót mạnh mẽ ngọt ngào như trong quá khứ. Ôi con chim cổ đỏ buổi tối, vào cuối một ngày mùa hạ New England! Nếu tôi có thể tìm thấy cành cây nào nó đang đậu! Tôi nói nó, tôi nói *cành cây*. Ít nhất đây không phải là *Turdus migratorius*². Những cây thông lấy nhựa và những bụi sồi xung quanh nhà tôi, vốn ủ rũ từ lâu, bỗng nhiên lấy lại được nhiều tính cách của chúng, trông sáng sủa hơn, xanh hơn, đứng thẳng lên và đầy sức sống, như thể đã được mưa tẩy rửa và hồi sinh. Tôi biết rằng sẽ không còn mưa nữa. Chỉ cần nhìn bất cứ cành cây nào trong rừng, hay nhìn ngay đồng gỗ nhà tôi, là biết mùa đông đã đi qua hay chưa. Khi trời tối hơn, tôi giật mình vì tiếng ngỗng trời bay thấp trên cây, giống như những khách bộ hành mệt mỏi từ những hồ miền nam đến muôn, và cuối cùng tự cho phép không ngừng tuôn ra những lời ca thán và an ủi lẫn nhau. Đứng trong cửa nhà tôi, tôi nghe thấy tiếng vỗ cánh hối hả của chúng, khi chúng bay về phía nhà tôi, chúng bỗng phát hiện ra ánh sáng của tôi, và tắt đi những tiếng âm ỉ, chúng quay vòng bay ra đậu trên đầm. Thế là tôi đi vào, đóng cửa, và qua đêm xuân đầu tiên trong rừng.

Buổi sáng từ trong cửa qua màn sương, tôi nhìn đàn ngỗng này bơi ở giữa hồ, cách năm mươi *rod*, rộng rãi và hỗn độn đến mức Walden thành ra giống

1 Kinh Thánh: “Vi con ta đã chết và bây giờ lại sống” (Luke, 15:24).

2 Tên khoa học của chim cổ đỏ Bắc Mỹ.

như một cái đầm nhân tạo để chúng vui chơi. Nhưng khi tôi ra đứng bên bờ đầm, chúng vội bay lên với tiếng đập cánh dữ dội theo hiệu lệnh của con đầu đàn, và chúng bay thành đội ngũ lượn tròn trên đầu tôi, hai mươi chín con tất cả, rồi thẳng hướng sang Canada, với tiếng quạc quạc đều đều của con đầu đàn cách quãng đều đặn, tin tưởng sẽ có bữa ăn sáng ở những vùng nước nhiều bùn hơn. Một bầy vịt trời đồng loạt bay lên nhằm hướng bắc theo những anh em họ lấm mồm của chúng.

Trong một tuần liền vào những buổi sáng sương mù, tôi nghe tiếng một con ngỗng cô độc lượn vòng kêu lạnh lạnh chói tai đi tìm bạn; và làm vang động cả khu rừng với những tiếng kêu mà rừng không chịu nổi. Tháng Tư lại thấy những con bồ câu bay nhanh theo từng tốp nhỏ; vào những thời gian thích hợp tôi nghe tiếng chim nhạn riu rít trong khoảng rừng thưa, mặc dầu hình như thị trấn không có nhiều đến mức tôi có thể kiếm được một con, và tôi tưởng tượng rằng chúng đặc biệt thuộc giống cổ xưa sống trong những hốc cây trước khi con người đến. Hầu như trong mọi miền, rùa và ếch nhái là những kẻ đến trước và là sứ giả đưa tin về mùa xuân, chim với tiếng hót và bộ lông rực sáng, cây cỏ nhú lên từ đất và nở hoa, gió thổi, điều chỉnh sự dao động nhẹ nhàng của các cực và duy trì trạng thái cân bằng của tự nhiên.

Vì bất cứ mùa nào cũng là tốt nhất cho chúng ta khi nó đến, sự xuất hiện của mùa xuân giống như sự Sáng tạo ra Vũ trụ từ cõi Hỗn mang và sự thực hiện Thời đại Hoàng kim¹.

*“Eurus ad Auroram Nabathaeaeque regna recessit,
Persidaeque, et radiis juga subdita matutinis.”*

“Gió Đông rút tới Rạng đông và vương quốc Nabathean²,
Và Batư, và những đỉnh núi dưới những tia mặt trời buổi sáng.

.....

Con người ra đời. Ai sinh ra người?
Phải chăng Đấng sáng tạo muôn loài, –
nguồn gốc của một thế giới tốt đẹp hơn –

1 Theo thần thoại Hy Lạp, Vũ trụ được tạo ra từ trạng thái ban đầu không hình thù (Hỗn độn); ngay sau đó bắt đầu một Thời đại Hoàng kim trong sáng, thanh bình, hạnh phúc.
2 Một nước Ả-rập cổ ở phía đông Israel ngày nay.

đã tạo ra người từ những hạt giống thân thánh?
Hay trái đất, vừa mới bị tách ra khỏi ête trên cao,
vẫn còn giữ được những hạt giống của bầu trời thân thích?...¹

Chỉ một trận mưa êm cũng đem đến cho cỏ nhiều sắc xanh tươi. Cũng như niềm hy vọng của chúng ta hồi sinh từ mỗi ý nghĩ tốt đẹp. Sung sướng thay những ai luôn sống trong hiện tại, tận dụng mọi thuận lợi trong những sự cố xảy đến với mình, giống như ngọn cỏ hân hoan với giọt sương mong manh nhất treo trên nó, chẳng mất thời giờ nuối tiếc vì bỏ lỡ những cơ hội, mà chúng ta gọi là thực hiện nghĩa vụ. Chúng ta cứ quanh quẩn với mùa đông, khi ngoài kia đã là mùa xuân. Trong một sáng xuân dễ chịu, mọi tội lỗi của con người đều được tha thứ. Trong những ngày như thế không có chỗ cho cái ác. Và trong lúc mặt trời không chiếu, tên tội đồ ghê tởm nhất sẽ quay trở lại². Qua sự vô tội mới tìm lại được của chúng ta, chúng ta nhận ra sự vô tội của người hàng xóm. Hôm qua bạn còn nghĩ người hàng xóm là một kẻ cắp, một tên nghiện rượu, một kẻ trụy lạc, bạn thương hại hay khinh miệt hấn và thất vọng về cuộc đời, nhưng trong buổi sáng xuân đầu tiên này mặt trời soi sáng và sưởi ấm, tái tạo thế giới, và bạn bắt gặp người hàng xóm trong một công việc hiền hòa, và nhìn những mạch máu kiệt quệ vì trác táng của hấn nở ra như thế nào trong niềm vui thầm lặng và cảm tạ ngày mới, cảm thấy ảnh hưởng của mùa xuân đối với sự vô tội của tuổi thơ, thế là bạn quên hết mọi tội lỗi của hấn. Ở hấn không chỉ có thiện ý, mà còn cả một vẻ thánh thiện đang tìm cách hiển lộ ra, có lẽ còn đang mò mẫm uống công, giống như một bản năng mới sinh, và trong một giờ ngắn ngủi sườn đồi phía nam không vọng lại một câu đùa thô tục. Bạn thấy từ lớp vỏ cây sần sùi sắp sửa bật ra những cành non xinh đẹp vô tội, khao khát sống một cuộc đời khác, dịu êm và tươi mới như cái cây trẻ trung nhất. Thậm chí hấn “đi vào hưởng niềm vui của chủ hấn³” Tại sao viên cai ngục không để mở những cánh cửa nhà tù của y, – tại sao quan toà không bãi phiên tòa của ông ta, tại sao nhà thuyết giáo không giải tán giáo đoàn của ông ta? Ấy là bởi vì họ không tuân

1 Ovid, *Những biến hình* (I, ii, 61–2, 78–81)

2 “Và trong lúc ngọn đèn không chiếu, tên tội đồ ghê tởm nhất sẽ quay trở lại” (Isaac Watts, *Những bản tụng ca và thánh ca*, I, 88) Thoreau chỉ thay chữ “ngọn đèn” bằng “mặt trời”.

3 Mathiơ, 25:21 “Hãy vào hưởng niềm vui của chủ mình.”

theo lời gợi ý nhẹ nhàng của Chúa, cũng không nhận sự tha tội mà Người rộng lòng ban cho tất cả mọi người.

“Khát vọng điều thiện sinh ra mỗi ngày trong hơi thở êm lặng và tốt lành của buổi sáng, buộc con người yêu mến đức hạnh và căm ghét cái ác, đưa người ta về gần hơn một chút với bản tính nguyên thủy của con người, như những chồi non bật lên từ những thân cây đã bị đốn hạ. Ngược lại, cái ác mà người ta làm trong ngày ngăn không cho phát triển những phôi thai của đức hạnh vừa mới bắt đầu nhú lên trở lại, và tiêu diệt chúng.

“Sau khi những mầm mống của đức hạnh nhiều lần bị ngăn không cho phát triển như thế, thì khí lực của buổi tối không còn đủ để gìn giữ chúng. Chẳng nào mà khí lực của buổi tối không đủ để gìn giữ chúng nữa, thì bản chất con người không khác nhiều với bản chất của thú vật. Người ta thấy bản chất của người này giống bản chất của thú vật, thì nghĩ y chưa bao giờ có cái khả năng thiên bẩm của lí trí. Vậy chúng có phải những tình cảm thật và tự nhiên của con người không?”

“Thời Hoàng kim thuở mới ra đời, trong thiên hạ không có kẻ báo thù.

Lòng trung thành và chính trực được tôn vinh đều tự nguyện không cần đến luật pháp

Không có trừng phạt và sợ hãi; cũng không có cả những lời hăm dọa

lơ lửng trên đầu, không có đám đông sợ hãi van xin

những lời phán của quan toà. Nhưng được an toàn không bị trả thù

Cây thông đổ trên núi chưa bị rơi xuống nước để có thể thấy một thế giới khác.

Và mọi sinh linh không biết đến bến bờ nào khác ngoài bến bờ của quê hương mình.

Có một mùa xuân vĩnh cửu với làn gió nhẹ mang hơi ấm,

Trôi men vuốt ve những bông hoa không sinh ra từ hạt giống nào²

Ngày 29 tháng Tư tôi đang câu cá bên bờ một con sông gần cầu Nine-Acre-Corner, đứng trên cỏ bên những gốc liễu, nơi những con chuột nước ẩn núp, tôi nghe thấy một tiếng vù vù kỳ lạ, gần như tiếng những cái gậy mà bọn trẻ

1 Mạnh Tử, Quyển Sáu: Cáo Tử, chương trước, 8.

2 Trích từ *Metamorphoses* [Những biến hình] của Ovid (43 trCN–7CN).

con nghịch trên tay chúng, khi nhìn lên tôi thấy một con điều hâu thon thả và thanh nhã, giống như một con cú muỗi, hết lần này đến lần khác lúc thì bay vọt lên như những đợt sóng, lúc thì bổ nhào xuống một hai sải, mảng lông dưới cánh phô ra như những dải ruybăng sa tanh lấp lánh trong nắng, hay giống như những hạt ngọc trai trong vỏ. Hình ảnh ấy gợi tôi nhớ đến thuật huấn luyện chim mồi, và vẻ cao sang và chất thơ gắn với thú chơi này. Hình như tên gọi của nó là Merlin: nhưng tôi không quan tâm tên nó là gì. Đây là một đường bay phi phàm nhất mà tôi từng chứng kiến. Nó không đơn giản vẫy cánh như bướm, không vọt lên như những con điều hâu lớn, mà vui chơi một cách đầy kiêu hãnh và tự tin trong môi trường không khí, nhiều lần nâng mình lên với tiếng kêu cục cục đặc biệt của nó, nhiều lần buông mình rơi tự do rất đẹp, lật đi lật lại như một cánh điều, rồi lấy lại tư thế sau một cú bổ nhào ngoạn mục, như thể nó chưa bao giờ đặt chân lên *terra firma* (nền đất cứng). Hóa ra nó không có bạn trong thế giới này- nó chơi một mình ở đó - và không cần gì ngoài buổi sáng và ête mà nó đang chơi với. Nó không cô đơn, mà làm cả quả đất cô đơn bên dưới nó. Mẹ đã ấp ra nó ở đâu, họ hàng thân thích của nó ở đâu, cha của nó ở chỗ nào trên trời? Là chủ của không khí, dường như nó chỉ liên quan với đất bởi một quả trứng được ấp trong một khe núi, hay cái tổ nơi nó chào đời được xây trong một đám mây, được bện bằng những đồ trang sức sắc sỡ của cầu vồng và bầu trời hoàng hôn, và được nhồi đầy sương mù từ dưới đất bốc lên trong một ngày hè êm dịu?

Ngoài ra hôm ấy tôi còn câu được một mớ những con cá hiếm hoi màu vàng, bạc, và đồng sáng chói, trông như một chuỗi ngọc. Chà! Đã bao lần trong buổi sáng đầu tiên của mùa xuân tôi đi sâu vào những đồng cỏ ấy, nhảy từ gò này sang gò kia, từ gốc liễu này sang gốc liễu khác, khi thung lũng của dòng sông hoang dã và những cánh rừng được tắm gội trong ánh sáng tinh khiết và rục rở đến mức tưởng như đã đánh thức cả những người đã chết nếu họ còn đang ngủ trong mồ. Chẳng còn bằng chứng nào mạnh hơn về Bất tử. Mọi vật phải được sống trong một ánh sáng như thế. Này hỡi Thần Chết, nọc độc của người đâu? Hỡi Địa Ngục, chiến thắng của người đâu?¹

Cuộc sống trong thành phố của chúng ta sẽ trở nên tù đọng nếu không có những khu rừng và những đồng cỏ hoang bao quanh nó. Chúng ta cần

1 Kinh Thánh: I Corinthians 15:55.

thiên nhiên hoang dã như thuốc bổ tinh thần, – đôi khi cần lội qua những đầm lầy nơi những con vạc và những con sâm cầm, gà nước lặn núp, nghe tiếng trầm sâu của con chim giẽ giun, ngửi mùi lau lách xì xào nơi chỉ có con chim hoang dại và cô đơn hơn xây tổ, và con chồn vizon bò ép bụng sát đất. Cùng lúc chúng ta hăm hở khám phá và học hỏi mọi điều, chúng ta lại đòi hỏi mọi vật phải huyền bí và không thể khám phá, rằng đất và biển phải vô cùng hoang dã, chưa được chúng ta thăm dò khảo sát, vì chúng là thăm thẳm khôn dò. Với chúng ta Thiên nhiên không bao giờ đủ. Chúng ta phải lấy lại sinh khí khi nhìn những cảnh tượng cường tráng vô tận, menh mông và hùng vĩ phi thường của nó, bờ biển với những xác tàu đắm, những bụi cây hoang dã với những cây sống và những thân cây mục nát, đám mây giông, trận mưa kéo dài ba tuần lễ và gây nên lũ lụt. Chúng ta cần phải chứng kiến những giới hạn của chúng ta bị vượt qua, và một cuộc sống phồn thịnh nơi chúng ta chưa bao giờ lai vãng tới. Chúng ta thích thú nhìn con kền kền ăn cái xác thối rữa làm chúng ta ghê tởm, và thấy nó lấy lại được sức khỏe và sức mạnh từ bữa tiệc này. Trong thung lũng trên đường tới nhà tôi có một xác ngựa chết, buộc tôi đôi khi phải đi vòng tránh đi, đặc biệt trong đêm khi không khí nặng nề, nhưng nó cho tôi thấy sự thèm khát mãnh liệt và sức khỏe bất khả xâm phạm của Thiên nhiên, và điều đó an ủi tôi. Tôi thích nhìn Thiên nhiên tràn ngập sự sống đến mức có thể hy sinh vô số sinh mệnh để làm môi cho nhau, những cơ thể mềm yếu có thể bị bóp nát một cách bình thản như cục bột nhào – những con nòng nọc bị con diệp nuốt gọn, và những con rùa nuốt những con cóc bị chẹt chết trên đường; và đôi khi có cả những trận mưa thịt sống và máu tươi! Những khả năng bị tai bay va gió ngập tràn như thế, chúng ta thấy có quá ít lời giải thích. Theo một hiền giả thì thế giới này thật trong sạch. Thuốc độc dù sao cũng không phải là độc, một vết thương không thể chết người. Lòng trắc ẩn là một lý lẽ yếu ớt. Nó phải thật hữu hiệu. Những lời biện hộ cho nó không thể rập khuôn.

Đầu tháng Năm, những cây sồi, cây mại châu, cây thích và nhiều cây khác, vừa mới bị nhổ ra khỏi những bụi thông quanh đầm làm cho phong cảnh sáng rực lên như được mặt trời chiếu rọi, đặc biệt trong những ngày trời nhiều mây u ám, như thể mặt trời ló ra qua màn sương và chiếu loang lổ trên những vật đồi. Ngày ba và bốn tháng Năm, tôi thấy con chim lặn gavia trên đầm, và trong tuần đầu của tháng, tôi nghe tiếng chim họa mi đỏ, chim đớp muỗi (whip-

poor-will), chim *veery*¹, chim *pewee*² rừng và những con chim khác. Trước đó tôi đã nghe tiếng chim hét rừng (*wood-thrush*³). Con chim đớp ruồi⁴ cũng quay trở lại và ngó nhìn vào cửa và cửa sổ nhà tôi, để xem nhà tôi có giống cái hang thích hợp cho nó làm tổ không, trong khi quan sát toàn bộ cơ ngơi nó tựa trên bộ cánh mạnh mẽ với những móng quặp như thể đang nường trên không khí. Chẳng mấy chốc phần hoa vàng rực như lưu huỳnh thặng hoa của cây thông nhựa đã bao trùm cả đầm, và đá và những thân cây mục trên bờ, nhiều đến mức có thể thu được cả một thùng đầy. Đây chính là những cơn mưa lưu huỳnh mà chúng ta thường nghe nói. Thậm chí trong vở kịch của Calidas⁵ về *Sacountala* chúng ta cũng đọc thấy những dòng suối nhỏ “bị nhuộm một lớp bụi vàng của hoa sen”. Đó là lúc trời chuyển mùa sang hạ, và người đi dạo phải đi trong cỏ này càng cao hơn.

-
- 1 Một loài chim hét Bắc Mỹ, sống trong rừng hoặc những bụi rậm, lông màu hung, phần ức có đốm. Tên Latin *Catharus fuscescens*.
 - 2 Một loài chim muỗi màu xám, tiếng kêu rất ai oán.
 - 3 Một loài chim hét ở miền đông Bắc Mỹ, đầu màu nâu đỏ, ức có đốm, tiếng hét du dương. Tên Latin *Hylocichla Mustelina*.
 - 4 Phoebe – chim đớp ruồi ở miền đông Bắc Mỹ.
 - 5 Calidas hay Kalidasa, nhà thơ và nhà viết kịch Hindu, thế kỷ 5.

BÀI 5

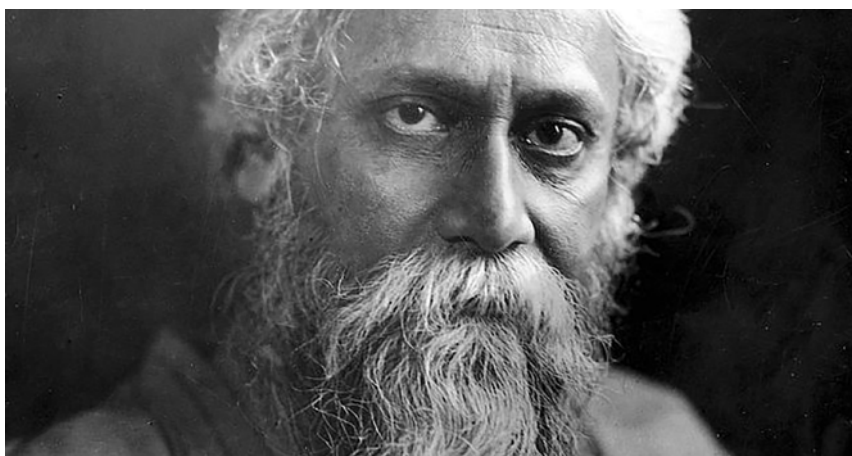
TƯ DUY VỀ CÁI ĐẸP: BẢO TÀNG TAGORE, NGÀY ĐẦU XUÂN

Hướng dẫn học

Tại sao lại chọn cuộc đi thăm bảo tàng Tagore làm nội dung cho Bài 5 này theo chủ đề *Tư duy về cái Đẹp*?

Nội dung đó liên quan đến cuộc đời và những hoạt động của Rabindranath Tagore, nhà thơ lớn của nhân dân Ấn Độ và của cả loài người.

Nhà thơ và triết gia Rabindranath Tagore sinh ngày 6 tháng 5 năm 1861 và mất ngày 7 tháng 8 năm 1941. Ông được trao giải Nobel Văn chương năm 1913 và là người châu Á đầu tiên đoạt giải này.



Rabindranath Tagore

Gia đình Tagore là một gia đình trí thức truyền thống ở Calcutta, trung tâm của giới trí thức Ấn Độ. Có rất nhiều nhà văn, học giả, kịch tác gia thường xuyên đến nhà Tagore để đàm luận, tổ chức hòa nhạc, diễn kịch. Cha ông là Debendranath Tagore, một nhà triết học và hoạt động xã hội nổi tiếng, muốn con mình trở thành luật sư nhưng Tagore không thích. Khi đi học, Tagore được học mọi lĩnh vực nhưng cậu thích nhất thơ ca, tiểu thuyết và kịch.

Thơ chiếm ưu thế trong sự nghiệp của Tagore với hơn 1.000 bài (50 tập thơ) – bắt đầu từ việc năm 14 tuổi khi ông được đăng bài thơ *Tặng hội đền Ấn Độ giáo*. Ông để lại nhiều tiểu thuyết (12 bộ dài và vừa), luận văn, hàng trăm truyện ngắn, ký, kịch (42 vở), và 2.000 bức tranh. Không kém phần nổi tiếng trong số các tác phẩm của ông là hơn 2.000 bài hát, ngày nay được xem là kho tàng văn hoá Bengal, ở cả Tây Bengal thuộc Ấn Độ và Bangladesh.

Văn xuôi của Tagore đề cập đến các vấn đề xã hội, chính trị, giáo dục và quan điểm của ông về tình anh em của con người. Thi ca của ông, xuất phát từ một tinh thần sâu sắc và sự hiến dâng, thường có nội dung ca ngợi thiên nhiên và cuộc sống. Đối với ông, sự phong phú muôn màu vẻ của cuộc sống là nguồn vui bất tận không mang yếu tố trần tục.

Các bài hát của ông được chọn làm quốc ca của cả Ấn Độ và Bangladesh. Năm 1913, ông đoạt giải Nobel về văn chương cho tác phẩm *Gitanjali* (Thơ dâng) của ông. Những tập thơ tiêu biểu của ông là *Thơ dâng*, *Người làm vườn*, *Mùa hái quả*, *Ngày sinh*, *Thơ ngắn*... Những tập thơ với tên gọi gợi lên chủ đề niềm tin thánh thiện và tôn giáo gần như cũng phù hợp với chủ đề đấu tranh giải phóng dân tộc. Tagore từ chối tước Hiệp sĩ (*knight*) của Hoàng gia Anh để phản đối cuộc thảm sát tại bang Amritsar năm 1919 mà lính Anh đã nã súng vào nhóm thường dân tụ tập không vũ trang, giết hơn 500 người đàn ông, phụ nữ và trẻ em vô tội.

Quan điểm về giáo dục dẫn đưa ông thành lập trường của mình ở Tây Bengal năm 1901, nơi cha ông để lại mảnh đất cho ông làm tài sản. Sau năm 1921, trường này trở thành Đại học Vishwa-Bharti và đặt dưới quyền quản lý của chính phủ Ấn Độ từ năm 1951.

Tagore rất nhạy cảm với các sự kiện thế giới xảy ra trong thời đại của mình và biểu hiện niềm đau cũng như nỗi thất vọng đối với chiến tranh. Ông luôn khao khát nền hòa bình cho thế giới.

Các chuyến đi vòng quanh thế giới giúp Tagore am hiểu sâu sắc thêm các đặc trưng đa dạng của các nền văn minh và các dân tộc. Ông được xem là ví dụ điển hình cho sự kết hợp tinh tế của phương Đông và phương Tây trong văn chương.

Ngày nay Tagore vẫn là nguồn cảm hứng cho hơn 200 triệu người Bengal sống ở Tây Bengal của Ấn Độ và Bangladesh cũng như nhiều người trên khắp thế giới.

Tagore gọi Gandhi là “Mahatma” – linh hồn vĩ đại, và Gandhi (cũng như mọi người Ấn Độ) gọi Tagore là “Gurudev” – thánh sư.

BẢO TÀNG TAGORE, NGÀY ĐẦU XUÂN

Còn hơn cả giàu sang

Thời bấy giờ dòng họ Thakur ở vùng Bengal thuộc số những lãnh chúa có thế lực. Trong tiếng Bengali, Thakur có nghĩa là chúa đất. Những người Anh đến Ấn Độ mở mang thuộc địa không phát âm được cái họ Thakur. Một ông công chức bàn giấy người Anh nào đó trong một phút đánh vật với thổ âm Bengali, tai nghe Thakur mà tay cầm bút lại phiên thành Tagore. Tôi nói Thakur, Thakur. Vâng, vâng, hiểu rồi, Tagore, Tagore. Thế là từ đó trong công văn giấy tờ được Ănglê hóa, Thakur đã được phiên âm thành Tagore. Một cái tên sinh ra từ nhầm lẫn, giống như nhiều điều cơ bản của đời sống cũng sinh ra từ nhầm lẫn và ngộ nhận. Thế giới sẽ không mấy ai biết đến sự nhầm lẫn này, nếu như từ dòng họ Thakur ở Bengal không sinh ra một nhân vật xuất chúng, đại thi hào Rabindranath Tagore.

Giai thoại này vương vấn trong đầu khi bước chân vào bảo tàng Tagore, thấy cái tên Tagore ở khắp nơi, trong những dòng chữ lớn nhỏ ghi chú hiện vật, cũng như trong lời giới thiệu của hướng dẫn viên. Dinh cơ của dòng họ Tagore, tòa ngang dãy dọc bây giờ đã trở thành trường Đại học Tổng hợp Rabindra Bharati. Khu nhà ở của mấy thế hệ Tagore bây giờ được giữ nguyên trạng làm nhà tưởng niệm. Đang là giờ nghỉ trưa, sinh viên tản ra đứng ngồi trên hành lang, đứng ngồi sưởi nắng trên các bãi cỏ. Giá vé cho người nước ngoài vào bảo tàng khá cao, nhưng khi nghe nói đây là đoàn nhà văn từ Việt Nam sang, người ta không thu vé mà cả một sự đón tiếp nồng nhiệt diễn ra. Hướng dẫn viên say sưa hùng biện. Các nhân viên bảo tàng đi theo từng bước, mang theo từng giỏ cánh hoa hồng để chúng tôi tự tay bốc hoa thả xuống những âu nước như một cử chỉ tưởng niệm trong các gian phòng.

Dinh nhà Tagore xây dựng năm 1784, những bức tường màu đỏ gạch bền vững bây giờ gây cảm tưởng từ hơn hai trăm năm trước dinh thự vẫn thế. Đây là phòng sinh con, rất nhiều người trong dòng họ được sinh ra ở đây, Tagore sinh ra ở đây, bà mẹ lâm bồn ở gian trong, rồi đưa trẻ sơ sinh

khóc ré lên được bế ra cho người cha và họ hàng đứng chờ ở gian ngoài. Cánh cửa gỗ giữa hai gian phòng đã mục vỡ, hướng dẫn viên giải thích người ta không thay cánh cửa mới mà chủ ý giữ nguyên di vật cũ nát, đây là vì lợi ích của khách tham quan.

Toàn bộ phòng của các thành viên trong dòng tộc được bài trí đơn sơ, nhưng chứng tỏ gia phong của một bậc quý tộc. Hướng dẫn viên hùng biện: “Người ta bảo dòng họ Tagore là giàu sang, thực ra nói như vậy chưa đủ. Còn hơn cả giàu sang nữa, phải nói thế này mới đúng: Giàu sang cộng với văn hóa cộng với tinh thần nhân văn”...

Phần dinh dành làm nơi cầu nguyện là cả một đại sảnh. Những cột đá cẩm thạch màu trắng. Một giáo đường tại gia cho mọi thành viên trong gia đình. Không một tượng thần như truyền thống đền thờ Hindu đa thần. Một giáo đường theo đúng tinh thần tôn giáo của Tagore, không có thần thánh nào ở trong đó, thần thánh chúa trời ở bên ngoài khả năng nhận biết của con người. Đền thờ chỉ là nơi thanh tịnh, ta có thể ngồi đó mà tri ngộ, mà tưởng đến tất cả những gì không hiện hữu, cao hơn cả đời sống con người. Giáo đường không tượng thánh có lẽ vì ở trong đây chỉ có một Tagore thôi cũng đã là chật chội. Với nhiều người, Tagore giống như hình ảnh một vị thánh.

Sinh năm 1861, Tagore có 80 năm hiện hữu trên cõi trần thế ở vùng Bengal, xứ sở văn hóa sâu đậm bậc nhất trên đất nước Ấn Độ. Đó là cái nôi của những bậc vĩ nhân, đặc biệt là những nhà tư tưởng như Ramakrishna, Swami Vivekananda, “ông hoàng điện ảnh” Satyajit Ray... là nơi vun đắp tư tưởng nhân văn của những người như Mẹ Teresa... Người Ấn thường tự hào về tiếng Bengali là ngôn ngữ của triết học và thơ ca. Tagore được tôn vinh là “cha đẻ của văn học tiếng Bengali hiện đại”, người đã làm cho tiếng Bengali đẹp hơn, khả năng diễn đạt mở rộng hơn, tới những sắc độ tinh tế bậc nhất. Xin hãy lắng nghe những vần điệu Bengali này: Jana gana mana adhinayaka jaya he jaya he jaya he... Thời làm nghiên cứu ở Ấn Độ, chúng tôi đã hát vang bài ca ấy vào những dịp lễ hội long trọng. Hãy cất bước đi lên, mãi mãi, mãi mãi và mãi mãi. Đó là quốc ca Ấn Độ. Và câu này nữa, Amar sonar Bangla ami tomay bhalo basi!... Xứ sở Bengal vàng mười, ta yêu người! Đó là quốc ca Bangladesh. Còn có ai khác ngoài Rabindranath Tagore là tác giả hai bài quốc ca của hai đất nước? Xứ Tây Bengal thuộc lãnh thổ Ấn Độ bây giờ và Bangladesh, vì hoàn cảnh lịch sử mà phải chia cắt, còn xưa

nay vẫn chung một nền văn hóa Bengal, chung một thứ tiếng Bengali của Tagore, đến bây giờ người dân hai nước vẫn trân trọng những vần thơ và bài ca Tagore để lại.

Sự nghiệp đồ sộ hàng nghìn bài thơ, hàng trăm truyện ngắn, hàng chục tiểu thuyết, hàng trăm bài hát vẫn còn đang được hát lên khắp xứ sở. Năm 1913, Tagore trở thành người châu Á đầu tiên đoạt giải Nobel văn học, tác phẩm chính được Viện hàn lâm Thụy Điển nêu ra để tôn vinh là tập *Thơ dâng* (Gitanjali). Không chỉ giới hạn ở văn học và âm nhạc, ở tuổi 65, Tagore bắt đầu cầm cọ vẽ, màu nguyên thủy tự chế từ hoa cỏ và các nguyên liệu tự nhiên. Hơn 2000 bức tranh trong suốt 15 năm cuối đời, hằn một phong tranh lớn bây giờ trở thành một phần quan trọng của bảo tàng.

Thăm hết nhà bảo tàng trong một buổi trưa. Chia tay, ai cũng lưu luyến. Chuyến thăm bảo tàng nằm ngoài chương trình, không ai mang theo vật lưu niệm gì tặng lại nhà bảo tàng. Một nhà thơ Việt Nam rút trong túi ra tờ giấy bạc mười nghìn đồ au mới cứng. Xin nhận làm kỷ niệm, đây là hình Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mấy người Ấn Độ reo lên, thành phố Kolkata (tên cũ là Calcutta) của chúng tôi có một đường phố mang tên Hồ Chí Minh, các bạn biết chưa? Năm 1929, Tagore đã đến thăm Sài Gòn và có bài diễn thuyết về sự hài hòa vũ trụ, các bạn biết chưa? Nhưng chúng tôi không dám nhận tờ tiền này đâu. Phải giải thích, đây là tờ giấy bạc in hình Hồ Chí Minh, ở Việt Nam chúng tôi thì đây là cử chỉ lì xì mừng tuổi đầu năm mới.

Nói thì mới nhớ, chúng tôi đang đứng giữa bảo tàng Tagore vào trưa ngày 31-1-2006, ở nhà bây giờ mới là trưa ngày mừng 3 Tết Bính Tuất.

Kỷ niệm với bút tích của Tagore

Chính trong bảo tàng Tagore vào ngày đầu xuân, tôi nhớ lại một kỷ niệm trước đó mười lăm năm với bút tích bài thơ sau:

*Ở nơi tinh thần không vương sợ hãi
mái đầu ngẩng cao,
Ở nơi tri thức được tự do,
thế gian không bị những bức tường hẹp hòi
riêng tư cắt chia mạnh mún,*

Nơi lời nói phát ra từ thẳm sâu sự thật,
 Nơi nỗ lực không mệt mỏi vươn tới hoàn mỹ,
 Nơi dòng suối sáng trong của lý trí
 không kiệt khô trong sa mạc tối tăm
 của tập tục đã chết,
 Nơi tinh thần được người dẫn dắt về phía trước
 đến nơi tư tưởng và hành động muôn đời trải rộng,
 Cha hỡi, hãy để cho đất nước con thức dậy
 ở nơi thiên đường của tự do ấy.



Năm ấy tôi có mặt trong một đoàn đến thăm nhà tưởng niệm Tagore ở Shanti Niketan (Chốn Bình Yên, Tagore đặt tên cho nơi vừa là ẩn viện, vừa là trường học do ông sáng lập như vậy). Cả đoàn dừng chân trước phiên bản một bức tranh đen trắng của Tagore, thoát nhìn tưởng là bức đồ họa, nhìn kỹ thì

hóa ra là một bài thơ bằng tiếng Anh. Chữ viết của Tagore, nét vẽ trang trí cũng của chính ông. Còn là họa sĩ, ông cũng để lại nhiều bức tranh đẹp. Người phiên dịch hơi lúng túng. Anh không hề được chuẩn bị để dịch thơ cho một đoàn cấp cao. Càng khó vì phải dịch tức thời, một thứ ngôn ngữ thơ vốn đã khó với người ngoại đạo, lại là thơ tự do, lại có những từ cổ, lại có những từ chỉ nằm trong hệ thống ngôn ngữ của riêng Tagore... Quan sát người phiên dịch toát mồ hôi trong mấy giây im lặng, lại đang bị quan khách lặng phắc đứng chờ, tôi hiểu đây là lúc cần một người có kinh nghiệm hơn (ít nhất là kinh nghiệm phiên dịch). Tôi đã gỡ bí cho người đồng nghiệp. Đến bây giờ anh bạn vẫn còn hay nhắc, coi như một bài học đầu đời của người phiên dịch cho các phái đoàn.

Đến bây giờ tôi vẫn thú vị với bức tranh tự minh họa của Tagore cho bài thơ của chính ông. Bài thơ thì nhiều tuyển tập vẫn in lại, nhưng bản minh họa thì hiếm hoi. Hình tròn ấy là trái đất này, là tinh cầu này, nhưng cũng chính là “thiên đường tự do” mà Tagore ao ước và cầu xin Thánh, Thần, Chúa, Cha đem đến cho đất nước mình. Lắng kỹ thì thấy ông không tựa hết vào những đấng bậc tối thượng: Ông cầu nguyện cho những nỗ lực của chính nhân loại trên cái hành tinh thế tục này.

(Hồ Anh Thái)

Luyện tập

1. Luyện tập vui để giúp các bạn nhớ những chi tiết làm nên sự nghiệp nhà thơ Tagore: Hãy tính số năm đời sống của Tagore, chia cho số lượng tác phẩm, và cho biết mỗi ngày Tagore viết bao nhiêu bài thơ, bao nhiêu bài hát? Trung bình bao nhiêu lâu Tagore lại công bố một tiểu thuyết và một vở kịch?
2. Các bạn cùng sưu tầm một số tài liệu sau: Ấn Độ là nước đông dân thứ nhì thế giới sau Trung Quốc; có nhiều tôn giáo và rất nhiều ngôn ngữ khác nhau; bất bình đẳng xã hội cùng những tục lệ lạc hậu và kỳ quái; là nơi xảy ra nạn đói lớn mỗi năm. Bạn nghĩ gì về sứ mệnh người trí thức như Tagore và Gandhi ở nước đó?

3. Cùng tìm hiểu: Ấn Độ từ thế kỷ 17 đã bị các đế quốc Hà Lan, Anh, Bồ Đào Nha và Pháp xâm xé như thế nào? Bạn nghĩ gì về sứ mệnh người trí thức như Tagore và Gandhi đối với công cuộc giải phóng dân tộc ở nước đó?
4. Thảo luận: Tại sao cái Đẹp lại được coi là phương thức giải phóng toàn diện dân tộc và đất nước Ấn Độ? Cách đấu tranh bất bạo động có là cách dùng cái Đẹp để đi tới giải phóng hoàn toàn con người không? Bạn hiểu khái niệm cái Đẹp ở đây có nội dung gì và có ý nghĩa gì? Có cái Đẹp từ tôn giáo không? Có cái Đẹp từ ngôn ngữ dân gian không? Có cái Đẹp từ những cảnh đời thực của con người không? Có tâm hồn của dân tộc gửi vào từng chi tiết cuộc sống của người dân không? Và còn nội dung gì nữa của cái Đẹp được Tagore gửi vào tác phẩm và gửi cho đời?
5. Cùng đọc bài thơ *Mây và sóng* của Tagore đã dịch sang tiếng Việt. Bạn thấy Tagore nghĩ gì về cái Đẹp ông muốn khơi dậy ở người Ấn Độ?

Mây và sóng

Mẹ ơi, những người sống trên mây đang gọi con:

*"Chúng ta chơi đùa từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà,
Chúng ta chơi với buổi sớm mai vàng,
Chúng ta chơi với vầng trăng bạc."*

Con hỏi: "Nhưng tôi làm sao mà lên được với các người?"

*Họ trả lời: "Hãy đến bên bờ trái đất,
và đưa tay lên trời,
em sẽ được nhấc bổng lên mây."*

Con nói: "Mẹ tôi đang đợi ở nhà

Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?"

Thế là họ cười rồi bay đi mất.

Nhưng con biết một trò chơi thích hơn trò ấy, mẹ ơi.

Con sẽ là mây và mẹ sẽ là trăng.

Con sẽ lấy hai tay trùm lên người mẹ,
Và mái nhà sẽ là bầu trời xanh thẳm.

Những người sống trong sóng nước gọi con:
"Chúng ta hát từ sớm mai đến tối,
Chúng ta ngao du khắp nơi này nơi nọ
mà không biết mình đã từng qua những nơi nào".

Con hỏi: "Nhưng tôi làm sao gặp được các người?"
Họ bảo con: "Hãy đến chỗ gần sát biển
và đứng đó, nhắm nghiền mắt lại,
là em sẽ được đưa lên trên làn sóng"

Con bảo: "Buổi chiều, mẹ tôi luôn luôn muốn tôi ở nhà với mẹ-
Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được?"
Thế là họ cười, múa nhẩy rồi đi qua.

Nhưng con biết một trò chơi hay hơn trò ấy
Con sẽ là sóng, mẹ sẽ là một bờ biển lạ lùng.
Con sẽ lăn, lăn, lăn mãi
và vỗ vào gối mẹ, cười vang.
Và không một ai trên cõi đời này biết nơi đâu mẹ con ta đang ở.
(Đào Xuân Quý dịch)

Nguyên gốc tiếng Anh:

Clouds and waves

We play from the time we wake till the day ends.

We play with the golden dawn, we play with the silver moon.

*I ask, "But, how am I to get up to you?" They answer, "Come to the edge of
the earth, lift up your hands to the sky, and you will be taken up into the
clouds."*

*"My mother is waiting for me at home," I say. "How can I leave her and come?"
Then they smile and float away.*

But I know a nicer game than that, mother.

*I shall be the cloud and you the moon.
I shall cover you with both my hands, and our house-top will be the blue sky.
The folk who live in the waves call out to me--
“We sing from morning till night; on and on we travel and know not where we
pass.”
I ask, “But, how am I to join you?” They tell me, “Come to the edge of the shore
and stand with your eyes tight shut, and you will be carried out upon the
waves.”
I say, “My mother always wants me at home in the evening--how can I leave
her and go?”
Then they smile, dance and pass by.
But I know a better game than that.
I will be the waves and you will be a strange shore.
I shall roll on and on and on, and break upon your lap with laughter.
And no one in the world will know where we both are.*

Viết tiểu luận: Đề tài tự chọn từ các nội dung luyện tập.

BÀI 6

TƯ DUY VỀ CÁI CHẾT: LÂM CHUNG DI CHIẾU CỦA LÝ NHÂN TÔNG

Hướng dẫn học

Bài 6 này dùng bản Di chúc của vua Lý Nhân Tông để các bạn cùng đi vào một chủ đề vô cùng quan trọng đối với đời sống của con người: **cái chết**.

Cái chết đến với mọi vật sống. Con gà đang sống, nhưng ta phải cắt tiết làm cho nó chết rồi sẽ ăn thịt nó. Người lớn đã quen với cảnh đó. Nhưng với trẻ em, có khi đó là một khung cảnh tàn ác không chịu đựng nổi. Không chỉ với trẻ em, người lớn có khi cũng không quen được với cái chết của những vật nuôi. Con lợn trong chuồng, ai ai cũng biết nó được nuôi để đem giết thịt. Nhưng con lợn đã quá quen với người nuôi nó. Cho ăn hằng ngày, được thấy vật nuôi lớn lên gần như hằng ngày, tắm tấp hằng ngày, quét dọn chuồng trại hằng ngày, ve vuốt nó hằng ngày bằng bàn tay dịu êm và bằng cả ánh mắt nhìn trìu mến, và khi nó ốm thì cũng thuốc men như cho con người. Và thật khó mà quen được với ý nghĩ con lợn nuôi bị làm thịt, nghĩa là nó phải chết.

Với con vật đã như vậy, với con người, càng khó quen được với cái chết – đặc biệt là với cái chết của người thân. Con người quen chúc nhau sống lâu, không ai rủa nhau điều ngược lại. Và khi đã sống lâu rồi đến lúc phải qua đời, người ta xây mộ và lập bàn thờ, để hình ảnh của sự sống vẫn luôn luôn bên cạnh người đang sống. Thờ cúng người chết không hẳn là mê tín – đó là lưu giữ sự sống càng dài lâu càng tốt bên người sống. Vì lý do đó mà trong ngôn ngữ của chúng ta, đã có nhiều cách diễn đạt hoặc là để né tránh nói đến cái chết, hoặc là để cho cái chết trở nên dễ chấp nhận hơn: qua đời, từ biệt cõi đời, từ biệt cõi trần, bỏ con cháu mà đi, về với tổ tiên, về với ông bà ông vải, hai năm mươi, khuất núi, đi xa, vĩnh biệt... Và có thể còn một điều khó khăn nhất với con người khiến ta cưỡng lại sự chết, một phần lớn do ta không biết chắc cái chết “nó” như thế nào, và cả sau khi chết thì ta sẽ đi về đâu? Người có tôn giáo lấy Thiên đường là nơi sống vui thú, là chốn cực lạc ban thưởng cho con người

- nhưng có chắc chắn sau khi chết ta sẽ được lên Thiên đường hay được về nơi cực lạc? Vì không biết chắc, nên nhiều người cũng sợ chết!

Trong cuộc sống, có những người đau khổ quá lắm khi cũng muốn thoát khỏi cảnh sống dọa đầy nơi trần gian. Người ta dùng chữ *giải thoát* để diễn đạt về cái chết. Nhưng nhà thơ ngụ ngôn Pháp Jean de la Fontaine lại nghĩ khác. Ông đã kể một câu chuyện bằng văn vần cực kỳ đáng suy nghĩ. Đó là câu chuyện *Người hái củi và Thần Chết*. Chuyện kể về một người quanh năm phải hái củi về nuôi vợ con. Già rồi vẫn phải ngày ngày lên rừng hái củi kiếm sống. Người đó quá nghèo khó, quá vất vả, cả một đời gần như không có chút vui thú nào. Một hôm, sau khi đã chặt được bó củi to, người đó chán nản không muốn gửi bó củi to tưởng lên vai nữa. Người hái củi ngồi bệt xuống đất và than thở “Ôi sao mà tôi muốn chết quách cho xong đời!” Và Thần Chết hiện lên thật. Thần Chết hỏi người hái củi: “Nhà người gọi ta có việc gì vậy?” Bạn có biết câu trả lời của người hái củi ra sao không? Người hái củi đã nói với Thần Chết: “Xin Ngài làm ơn đỡ hộ tôi bó củi này lên vai, nặng quá, tôi không sao tự nâng lên nổi!”.

Vấn đề cái chết sẽ khác đối với những con người sống có ý thức người và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của con người. Những con người sống đầy đủ sứ mệnh trần gian của *phạm trù người* sẽ có thái độ có văn hóa đối với cái chết. Bài văn *Lâm chung di chiếu* của vua Lý Nhân Tông là một dịp để chúng ta nghiên cứu về *thái độ sống* đầy đủ trước khi chết, do đó mà có *thái độ đúng* đối với cái chết.

Xin lưu ý chi tiết sau:

Bản chữ Hán *Lâm chung di chiếu* gửi tới các bạn ở đây tuy được trích trong thư tịch cổ nhưng khi in lại trong sách *Thơ Văn Lý Trần Tập I* (NXB Khoa học Xã Hội, Hà Nội, 1978, tr.338) đã không được ghi lại bằng loại chữ *phồn thể* mà ghi lại bằng loại chữ *giản thể*. Đó là vì khi đem in ở nhà in báo Tân Việt Hoa, người ta chỉ có bộ chữ *giản thể*. Mãi đến cuối những năm 1980, khi in các tập II và tập III của bộ *Thơ Văn Lý Trần* thì mới có bộ chữ *phồn thể*.

Mời các bạn cùng học.

Di chúc của vua Lý Nhân Tông dưới cái tên Hán-Việt *Lâm chung di chiếu* được chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* – bộ chính sử Việt Nam xưa nhất (biên soạn xong năm 1479, in lần đầu năm 1697), được coi là một áng văn chính luận nổi tiếng, bản di chúc cảm động nhất trong lịch sử nước ta.

Như hầu hết thư tịch cổ Việt Nam, *Lâm chung di chiếu* viết bằng chữ Nho – vốn là chữ Hán của người Trung Quốc được tổ tiên ta cách đây hơn 2.000 năm mượn dùng làm chữ viết cho dân tộc mình. Chữ Nho dùng nguyên xi mặt chữ, nghĩa chữ và cách hành văn của bộ chữ Hán, nhưng đọc chữ bằng tiếng Việt mà không đọc bằng tiếng Hán, cho nên còn được gọi là chữ Hán-Việt.

Bởi thế trước hết cần hiểu qua một số từ chữ Nho trong bài này. *Lâm chung* là sắp chết. *Chiếu*, nói đủ là *chiếu thư*, tức văn bản có tính chất mệnh lệnh của bậc đế vương. *Di chiếu* là chiếu thư để lại. *Lâm chung di chiếu* là chiếu thư để lại lúc người viết chiếu thư này sắp qua đời.

Từ điển Tiếng Việt định nghĩa *chiếu* là “Điều vua thời phong kiến công bố cho dân biết bằng văn bản về một vấn đề chung của nhà nước”. Nhìn chung, *chiếu* là văn bản hành chính của nhà vua công bố cho dân chúng biết các mệnh lệnh của triều đình hoặc những vấn đề lớn có liên quan tới đất nước, dân tộc hoặc triều đình.

Ngày xưa, vua được gọi là *thiên tử*, tức *con trời*, thay trời cai quản thần dân. Vua có địa vị vô cùng cao quý như thần thánh, vua không bao giờ gặp dân, dân nếu có gặp cũng không được nhìn mặt vua. *Chiếu* là văn bản giao tiếp duy nhất giữa nhà vua với thần dân của mình. *Chiếu* thể hiện trình độ hiểu biết mọi mặt chính trị, tư tưởng, tầm nhìn chiến lược, trình độ văn học và tâm hồn của người viết. Bởi vậy, *chiếu* được viết hết sức thận trọng. Nhìn chung các vua Việt Nam rất ít viết *chiếu*. Đời nhà Lý với 9 vị vua trị vì trong 216 năm (1009–1225) tổng cộng chỉ ban hành 24 bản *chiếu*. Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, *chiếu* đầu tiên là *Thiên đô chiếu* (*Chiếu dời đô* năm 1010 của vua Lý Thái Tổ), *chiếu* cuối cùng là *Chiếu thoái vị* (của vua Bảo Đại, tháng 8/1945, viết bằng Quốc ngữ).

Ngoài ra *chiếu* còn là một hình thức văn học nghị luận quan trọng, viết theo thể văn quy ước của Hán ngữ cổ, phải dịch ra văn bạch thoại mới hiểu được. Lời văn *chiếu* phải vừa uyên bác lại vừa hợp thực tế dân tình, lý lẽ xác đáng, diễn tả ngắn gọn, đúng là lời lẽ của bậc quân vương. Một số vị vua anh minh nước ta từng viết được những *chiếu thư* thể hiện được các tư tưởng lớn, tâm hồn cao cả sáng ngời của họ, được hậu thế truyền tụng. *Lâm chung di chiếu* của Lý Nhân Tông là một *chiếu thư* như vậy.

LÂM CHUNG DI CHIẾU

Nguyên văn chữ Hán

臨 終 遺 詔

朕聞。生物之動。无有不死。死者。天地之大數。物理當然。而舉世之人莫不榮生而惡死。厚葬以棄業。重服以損性。朕甚不取焉。予既寡德。无以安百姓。及至殂落。又使元元衰麻在身。晨昏臨哭。減其飲食。絕其祭祀。以重予過。天下其謂予何。

朕悼早歲而嗣膺大寶。居侯王上。嚴恭寅畏。五十有六年。賴祖宗之靈。皇天孚佑。四海无虞。邊陲微警。死得列于先君之后幸矣。何其興衰。

朕自省斂以來。忽撓弗豫。病既弥留。恐不及警。誓言嗣而。太子阳煥。年已周紀。多有大度。明允篤誠。忠肅恭懿。可依朕之旧典。即皇帝位。

肆尔童孺。誕受厥命。继体守业。多大前功。仍仰尔臣庶。一心芻亮。

咨尔伯玉实丈人器。饰尔戈矛。预备不虞。册替厥命。朕之瞑目。无遗憾矣。

丧则三日释服。宜止哀傷。葬则依汉文俭约为务。无别起坟陵。宜侍先帝之侧。

呜呼。桑榆欲逝。寸晷难停。盖世气辞。千年永诀。尔宜诚意。祇听朕言。明告王公。敷陈内外。

Phiên âm

Trẫm văn, sinh vật chi động, vô hữu bất tử. Tử giả, thiên địa chi đại số, vật lý đương nhiên, nhi cử thế chi nhân mạc bất vinh sinh nhi ố tử. Hậu táng dĩ khí nghiệp, trọng phục dĩ tổn tính; trẫm thậm bất thủ yên. Dư ký quả đức, vô dĩ an bách tính, cập chí tồ lạc, hựu sử nguyên nguyên thôi ma tại thân, thần hôn lâm khóc, giảm kỳ ẩm thực, tuyệt kỳ tế tự, dĩ trọng dư quá, thiên hạ kỳ vị dư hà?

Trẫm điệu tảo tuế nhi tự ứng đại bảo, cư hầu vương thượng, nghiêm cung di úy, ngũ thập hữu lục niên. Lại tổ tông chi linh, hoàng thiên phu hựu, tứ hải vô ngu, biên thủy vi cảnh, tử đắc liệt vu liên quân chi hậu, hạnh hĩ, hà kỳ hưng ai!

Trẫm tự tình liêm dĩ lai, hốt anh phát dự, bệnh ký di lưu, khủng bất cập cảnh, thế ngôn tự nhi. Thái tử Dương Hoán, niên dĩ chu kỳ, đa hữu đại độ, minh đoãn đốc thành, trung túc cung ý, khả y trẫm chi cữu điển, tức hoàng đế vị.

Tư nhĩ đồng nhụ, đản thụ quyết mệnh, kế thể thủ nghiệp, đa đại tiền công. Nhưng ngưỡng nhĩ thần thứ, nhất tâm bạt lượng.

Tư nhĩ Bá Ngọc, thực trượng nhân khí, sức nhĩ qua mâu, dự bị bất ngu, vô thể quyết mệnh. Trẫm chi minh mục, vô di hận hĩ.

Tang tắc tam nhật thích phục, nghi chỉ ai thương. Táng tắc y Hán văn kiệm ước vi vụ, vô biệt khởi phần lãng, nghi thị tiên đế chi trắc.

Ô hô! Tang du dục thế, thốn cữu nan đình; cái thế khí từ, thiên niên vĩnh quyết!

Nhĩ nghi thành ý, chi thính trẫm ngôn, minh cáo vương công, phu trần nội ngoại.

Dịch nghĩa

CHIẾU ĐỂ LẠI LÚC SẮP MẤT

Trẫm nghe: các giống sinh vật không giống nào không chết. Chết là số lớn của trời đất, là lẽ đương nhiên của muôn loài. Thế mà người đời không ai không ham sống, ghét chết. [Có người] chôn cất linh đình đến huỷ hoại cả cơ nghiệp; [có người] coi trọng việc tang chế đến hao tổn cả tính mệnh, trẫm rất không ưa. Trẫm đã ít đức, không làm gì cho trăm họ được yên, đến khi chết đi lại bắt dân chúng mặc xô gai, sớm tối khóc lóc, giảm ăn uống, bỏ cúng tế, để làm nặng thêm lỗi lầm của trẫm thì thiên hạ sẽ bảo trẫm là người như thế nào?

Trẫm vẫn sót vì tuổi nhỏ phải đảm đương ngôi báu lớn, ở trên các vương hầu, lúc nào cũng nghiêm kính sợ hãi, đến nay đã năm mươi sáu năm. Nhờ anh linh của tổ tông và hoàng thiên tin giúp nên bốn bề yên lành, biên thuỳ ít loạn, đến khi chết đi được dự đứng sau tiên đế là may lắm rồi, việc gì còn phải khóc thương!

Trẫm từ khi đi xem dân gặt hái đến nay, trong mình bỗng thấy không khỏe, bây giờ bệnh đã trầm trọng, sợ không kịp căn dặn đầy đủ, nên hãy thận trọng mà nói việc kế tự thôi! Thái tử Dương Hoán tuổi đã tròn mười hai, có độ lượng, thông minh, thành thực trung hậu, ôn hòa nghiêm kính, có thể theo phép cũ của trẫm, lên ngôi hoàng đế.

Này đứa trẻ thơ, con hãy vâng nhận mệnh ta, nối dõi thể thống, giữ gìn cơ nghiệp, làm rộng lớn thêm công đức của tiền nhân. Trẫm mong thần dân hết lòng phụ tá.

Hỡi người Bá Ngọc, [người] thực có phong độ người quân tử. Hãy sửa sang giáo mác để dự phòng những việc bất trắc, chớ làm sai mệnh trẫm, trẫm dù nhắm mắt cũng không ân hận gì.

Việc tang thì sau ba ngày nên bỏ áo trở, thôi khóc than. Chôn cất thì nên theo cách kiệm ước của Hán Văn Đế, không cần xây lăng tẩm riêng, hãy để trẫm được hầu bên cạnh tiên đế.

Than ôi! Mặt trời đã xế, tác bóng khôn dừng; trăng trời mấy lời, nghìn năm vĩnh quyết!

Các người nên thực lòng kính nghe lời trẫm, tỏ bày với các bậc vương công và bá cáo cho mọi người cùng biết.

(Nguyễn Đức Vân dịch)

Luyện tập

1. Thảo luận: Các bạn hãy sưu tầm tư liệu và cho biết trong thời Lý Nhân Tông cai trị, đất nước đã có công chống giặc ngoại xâm như thế nào? Trước khi chết, vua Lý Nhân Tông có khoe khoang chiến tích đó không? Bạn có suy nghĩ gì về việc đó?
2. Thảo luận: Các bạn hãy sưu tầm tư liệu và cho biết trong thời kỳ Lý Nhân Tông cai trị đã có sai lầm gì do bọn gian thần gây ra? Các bạn có cảm nhận thấy Lý Nhân Tông mang mối lo gì khi biết mình sắp qua đời? Mối lo đó thể hiện qua lời dặn dò nào?
3. Thảo luận: Trong lời di chiếu, các bạn nhận thấy đời sống của Lý Nhân Tông có nét gì gần gũi với người dân và nhà vua có những nỗi lo gì liên quan đến đời sống của người dân?
4. Thảo luận và viết tiểu luận: Trước khi biết mình sắp qua đời, Lý Nhân Tông nghĩ nhiều đến quãng đời mình đã sống hay nghĩ nhiều đến việc tổ chức đời sống của riêng mình sau khi chết? Bạn nghĩ gì về phẩm chất đó của Lý Nhân Tông?
5. Viết tiểu luận: Bạn suy nghĩ gì về cái chết đối với mọi con người? Hành xử như thế nào là thể hiện nhận thức và thái độ đúng đối với sự sống và cái chết của con người?

BÀI 7

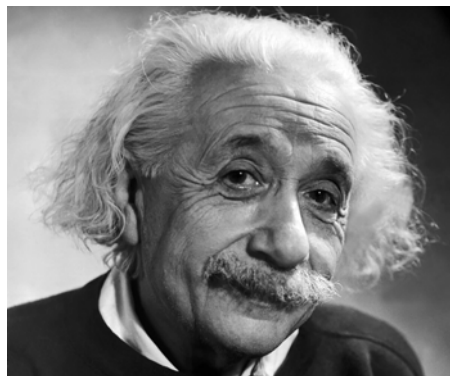
TƯ DUY VỀ TÌNH YÊU: THƯ EINSTEIN GỬI CON GÁI

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 9 thân yêu,

Bài 7 này giúp chúng ta tư duy về TÌNH YÊU dựa trên lá thư của Albert Einstein gửi con gái.

Vào cuối những năm 1980, Lieserl Einstein – con gái của nhà bác học Albert Einstein đã hiến tặng cho Đại học Hebrew (nước Israel) 1.400 bức thư do cha cô viết lúc sinh thời. Điều kiện duy nhất của Lieserl là không ai được công bố các bức thư cho đến khi cha cô qua đời tròn hai thập kỷ. Sau hai thập kỷ kể từ ngày Albert Einstein qua đời, Lieserl Einstein đã đồng ý công bố bức thư cảm động mà nhà khoa học vĩ đại đã viết cho bà.



Albert Einstein (1879–1955)

Do chủ đề bài học này dựa trên một tài liệu phổ biến rất rộng trên mạng xã hội nhưng lại không ghi rõ nguồn, nên cần có đôi lời về tính xác thực của lá thư này.

Theo tiểu sử chính thức của Einstein, đúng là Einstein có một con gái với bạn học là Mileva Maric. Einstein (lúc này mới 22 tuổi) sinh một con gái với Mileva (sau đó một năm hai người cưới nhau), họ đặt tên con là Lieserl (một cái tên thông thường, gọi tắt của Elizabeth).

Tiểu sử chính thức của Einstein chưa bao giờ nói rõ ràng về cô con gái này sau này lớn lên ra sao.

Trong lưu trữ của Đại học Princeton có những bức thư do Einstein viết, song không có bức thư đang được nói đến trong bài học này. Nhưng, từ lưu trữ này nhiều tư liệu đã được in thành sách (*Albert Einstein, Mileva Maric: The Love Letters*) có bức thư trong đó Einstein nhắc tới bé Lieserl với giọng lo lắng

“không biết sinh ra có bình thường không”. Chi tiết này trùng hợp với chi tiết xưa nay được thừa nhận rộng rãi, là Lieserl sinh ra không bình thường và có thể đã chết khi còn nhỏ. Có lúc trên báo chí người ta đã gọi Lieserl là “Lost Child” của cặp vợ chồng Einstein–Mileva.

Tóm lại: Cho tới lúc này, chưa ai đưa ra được bằng chứng là bức thư có thật, song cũng chưa ai đưa ra được bằng chứng bức thư mạo tên Einstein.

Điều thú vị là có nhiều người cao tuổi, có địa vị trong xã hội, đã đề nghị nhóm Cánh Buồm đưa tài liệu còn tồn nghi này vào bộ sách được các vị tin cậy với mục đích *giáo dục và giáo dục lại tư duy và tình cảm về tình yêu cho thế hệ trẻ*. Điều đó thể hiện một tâm trạng xã hội, và tư duy như vậy về tình yêu cũng đáng để chúng ta nghiên cứu – cho dù chưa biết chắc tác giả lá thư có phải là Einstein hay không.

Mời các bạn cùng nghiên cứu.

THƯ EINSTEIN GỬI CON GÁI

“... Khi cha đề xuất thuyết tương đối, rất ít người hiểu được cha, và giờ đây điều cha sắp bộc lộ để truyền đạt tới nhân loại có thể cũng sẽ vấp phải những hiểu lầm và định kiến trên thế giới.

Cha yêu cầu con lưu giữ những bức thư này thật lâu, nhiều năm, hàng chục năm nếu cần, cho tới khi xã hội đủ tiến bộ để chấp nhận những gì cha sẽ giải thích dưới đây.

Có một lực vô cùng mạnh mà cho đến nay, khoa học chưa chính thức tìm ra cách giải thích thỏa đáng. Đó là một lực bao quát và chi phối mọi lực khác, và thậm chí còn hậu thuẫn cho bất kỳ hiện tượng nào vận động trong vũ trụ và đến nay chúng ta vẫn chưa thật sự “nhận diện” được. Cái lực phổ quát ấy là **TÌNH YÊU**.

Khi các nhà khoa học tìm kiếm một lý thuyết thống nhất về vũ trụ, họ quên mất cái lực hùng mạnh nhất mà vô hình đó.

Tình yêu là ánh sáng, nó làm rạng ngời cả người cho lẫn kẻ nhận nó.

Tình yêu là trọng lực, vì nó khiến ai đó cảm thấy mình bị hút về một ai khác.

Tình yêu là sức mạnh, vì nó nhân bội phần tốt đẹp nhất trong ta và giúp cho nhân loại khỏi tuyệt diệt trong sự vị kỷ mù quáng của mình. Tình yêu trái rộng và bọc bọc phơi bày.

Chúng ta sống và chết vì tình yêu. Tình yêu là Thượng Đế và Thượng Đế là tình yêu.

Cái lực ấy giải thích tất thấy và khiến cuộc sống có ý nghĩa. Đó là cái thông số mà chúng ta đã làm ngơ quá lâu, có lẽ vì chúng ta sợ yêu vì đó là thứ năng lượng duy nhất trong vũ trụ mà con người chưa học được cách khiến lái theo ý mình.

Để làm hiển thị tình yêu, cha đã làm một thay thế đơn giản trong phương trình nổi tiếng nhất của cha: thay vì $E = mc^2$, ta chấp nhận rằng năng lượng hàn gắn thế giới có thể đạt được thông qua tình yêu nhân với tốc độ ánh sáng bình phương, ta đi đến kết luận: tình yêu là lực mạnh nhất từng có, vì nó là vô giới hạn.

Sau khi nhân loại thất bại trong việc sử dụng và kiểm soát những lực khác trong vũ trụ chống lại chúng ta, điều cấp thiết là chúng ta phải tự nuôi dưỡng bằng một thứ năng lượng khác.

Nếu chúng ta muốn nòi giống mình sống còn, nếu chúng ta cần tìm thấy ý nghĩa nơi sự sống, nếu chúng ta muốn cứu thế giới và mọi sinh linh trú tạm trên đó, thì tình yêu là câu trả lời duy nhất. Có lẽ chúng ta chưa sẵn sàng chế ra một trái bom-tình-yêu, một phương tiện đủ mạnh để hủy diệt hoàn toàn mọi hằn thù, vị kỷ và tham tàn đang phá nát hành tinh này.

Tuy nhiên, mỗi cá nhân mang trong mình một thứ “máy phát tình yêu” tuy nhỏ nhưng rất mạnh, với năng lượng tiềm tàng chỉ chờ được xả ra.

Khi chúng ta học được cách cho và nhận thứ năng lượng phổ quát ấy, Lieserl thương yêu, là chúng ta đã khẳng định rằng tình yêu chiến thắng tất thấy, có thể vượt qua mọi sự và bất cứ cái gì, vì tình yêu là tinh túy của sự sống.

Cha rất tiếc không diễn đạt được hết những điều trong lòng mình, trong con tim cha suốt đời âm thầm đập vì con. Có lẽ xin lỗi bây giờ là quá muộn, nhưng vì thời gian là tương đối, cha cần nói với con rằng cha yêu con và nhờ con, cha đã tới được câu trả lời tối hậu.”

Cha của con, Albert Einstein

(Dương Tường dịch)

Nguyên bản tiếng Anh

“...When I proposed the theory of relativity, very few understood me, and what I will reveal now to transmit to mankind will also collide with the misunderstanding and prejudice in the world.

I ask you to guard the letters as long as necessary, years, decades, until society is advanced enough to accept what I will explain below.

There is an extremely powerful force that, so far, science has not found a formal explanation to. It is a force that includes and governs all others, and is even behind any phenomenon operating in the universe and has not yet been identified by us. This universal force is LOVE.

When scientists looked for a unified theory of the universe they forgot the most powerful unseen force.

Love is Light, that enlightens those who give and receive it.

Love is gravity, because it makes some people feel attracted to others.

Love is power, because it multiplies the best we have, and allows humanity not to be extinguished in their blind selfishness. Love unfolds and reveals.

For love we live and die. Love is God and God is Love.

This force explains everything and gives meaning to life. This is the variable that we have ignored for too long, maybe because we are afraid of love because it is the only energy in the universe that man has not learned to drive at will.

To give visibility to love, I made a simple substitution in my most famous equation. If instead of $E = mc^2$, we accept that the energy to heal the world can be obtained through love multiplied by the speed of light squared, we arrive at the conclusion that love is the most powerful force there is, because it has no limits.

After the failure of humanity in the use and control of the other forces of the universe that have turned against us, it is urgent that we nourish ourselves with another kind of energy...

If we want our species to survive, if we are to find meaning in life, if we want to save the world and every sentient being that inhabits it, love is the one and only answer. Perhaps we are not yet ready to make a bomb of love, a device powerful enough to entirely destroy the hate, selfishness and greed that devastate the planet.

However, each individual carries within them a small but powerful generator of love whose energy is waiting to be released.

When we learn to give and receive this universal energy, dear Lieserl, we will have affirmed that love conquers all, is able to transcend everything and anything, because love is the quintessence of life.

I deeply regret not having been able to express what is in my heart, which has quietly beaten for you all my life. Maybe it's too late to apologize, but as time is relative, I need to tell you that I love you and thanks to you I have reached the ultimate answer!"

Your father, Albert Einstein

Luyện tập

1. Sưu tầm và chia sẻ những điều các bạn biết về Albert Einstein. Chú ý những nét đời và đoạn đời quan trọng của ông. Tại sao Einstein phải từ bỏ nước Đức quê hương để qua sống đời di dân lưu vong bên Hoa Kỳ? Tại sao Einstein thúc giục Tổng thống Mỹ Franklin Roosevelt sản xuất bom nguyên tử? Tại sao Einstein lại được nhận giải Nobel khoa học? Công trình khoa học của đời ông và của nhân loại có tên là gì?
2. Thảo luận: Einstein đã thực hiện hay chỉ suy ngẫm về tình yêu? Ông thấy bản thân mình với tư cách nhà khoa học có thể hiểu biết vô số điều về vật thể, nhưng ông có tự coi mình đủ sức lý giải sức mạnh của “năng lượng” được tình yêu “giải phóng” không? Bạn ngẫm nghĩ lâu nhất về câu nào của Einstein khi “thú nhận” điều đó?
3. Thảo luận: Chúng ta nên bắt đầu tìm hiểu tình yêu từ dạng thức to lớn hay là nên bắt đầu tìm hiểu tình yêu từ những điều bé nhỏ nhưng ý nghĩa lại vô cùng lớn lao? Để các bạn có thêm tư liệu, xin gửi các bạn một số gợi ý: các bạn hãy tự dịch nghĩa và dựa vào đó mà cùng nhau bàn luận (và tự mình đối thoại với chính mình nữa) để thực sự cảm nhận tình yêu.

You make me
happy in a way no
one else can.

I love you more today
than yesterday and
I'll love you more
tomorrow than today.

If you ask me how much I love you, I won't say anything. I'll just take your hand, fill the gaps between your fingers and hold on to you until all your doubts are gone.

**I want you. All of you.
Your flaws. Your mistakes.
Your imperfections. I want
you, and only you.**

4. Thảo luận: Một người không yêu bố mẹ, không yêu bạn bè, không yêu công việc mình làm, người đó có thể vỗ ngực nói về tình yêu tổ quốc, yêu đồng bào được không?
5. Sưu tầm và kể trước lớp một câu chuyện về tình yêu mà bạn cho là thú vị hơn cả.
6. Thảo luận: Bạn có ý nghĩ gì và có ý kiến như thế nào về những “màn tỏ tình” vẫn thấy đăng trên báo hoặc trên Facebook?
7. Viết tiểu luận với đề tài bạn tự chọn qua các cuộc thảo luận.
8. Bài tập cuối liên quan đến cá nhân từng bạn: Người Pháp có câu nói đùa: “*Có ba thứ không che giấu được, đó là tình yêu, ho và khói*”. Bạn đã bao giờ trải nghiệm trạng thái đáng yêu đó chưa?

BÀI 8

TƯ DUY VỀ THƯỢNG ĐẾ: BẢN KHOẢN VỀ THƯỢNG ĐẾ

Hướng dẫn học

Các bạn học sinh Lớp 9 thân mến,

Các bạn sắp hoàn thành chín năm học phổ thông. Các bạn đều đã trưởng thành. Khái niệm “trưởng thành”, các bạn đã nghiên cứu, đó là nội dung Bài 3 *Con người trưởng thành*.

Khác với con người, sinh giới nói chung khi tới độ trưởng thành rồi thì dừng sự phát triển lại.

Thực vật trưởng thành khi kết trái. Từ khi kết trái lần thứ nhất (gọi là cây đã “bói”), từ sau đó năm nào cái cây cũng cho ra trái, và dần tàn lụi theo thời gian. Cách tàn lụi cũng khác nhau tùy loại cây. Cây lúa tàn lụi sau một vụ cho hạt, không thể cho hạt liền hai vụ, do đó mà có tên là loài cây ngắn ngày – ngắn ở số ngày chờ ra hạt và ngắn cả ngày sinh tồn trên đời. Cây lưu niên cho quả sau một số năm, sau đó dù là “lưu niên” thì cũng cỗi dần, quả bớt ngon, và chết.

Động vật trưởng thành khi biết giao phối và sinh con. Động vật nuôi để giết thịt thì độ trưởng thành cũng là thời kỳ đi vào lò mổ, có nuôi thêm cũng không tăng cân hơn. Về “trí khôn” động vật trưởng thành, nếu đến giai đoạn đó mà chúng có khả năng gì thì đời chúng dù có kéo dài bao nhiêu, chúng cũng chỉ có bấy nhiêu năng lực – con cá đến chết cũng chỉ biết bơi không học thêm được “nghề” bay, và con chim đến già cũng chỉ biết bay không học thêm được “nghề” bơi. Những động vật nuôi như chó mèo thực ra cũng có “mài giũa” được thêm vài khả năng biểu cảm, song cũng không phát triển thêm năng lực mới.

Con người thì khác hoàn toàn. Con người không dừng lại với những năng lực đã có vào lúc trưởng thành. Năng lực con người càng ngày càng phát triển, với điều kiện con người trưởng thành không cam tâm dừng lại.

Trên con đường tiếp tục phát triển, các bạn sẽ bắt gặp một vấn đề rất lớn đụng chạm tới toàn bộ con người bạn và kéo dài suốt cuộc đời bạn: *Niềm tin* và

lý tưởng. Có một niềm tin khác với rơi vào sự mê muội như thế nào? Có một lý tưởng khác với sự theo đuổi mù quáng như thế nào? Niềm tin và lý tưởng trong sáng sẽ giúp con người bạn phát triển cả đời. Thiếu lý tưởng và niềm tin, cuộc đời của bạn sẽ bế tắc, cuộc sống sẽ như cỗ máy, thiếu hạnh phúc. Người trưởng thành thiếu lý tưởng và niềm tin còn là mối ngon cho các thói hư tật xấu, các tệ nạn và cả tội lỗi nữa. Ngoài ra, do chỗ các bạn sẽ vào đời, nên sẽ chung sống với cộng đồng nghề nghiệp của mình: nông dân, công nhân, học sinh trường nghề, sinh viên đại học. Trong cuộc sống chung đó, nhất định sẽ có hoặc là sự hòa đồng hoặc là sự va chạm về niềm tin và lý tưởng với bạn cùng cộng đồng. Bây giờ chắc bạn đã hiểu vì sao chương trình Giáo dục Cánh Buồm chủ trương lấy *đồng thuận làm nguyên lý sống chung – với ba thành tố cùng lao động, cùng tôn trọng giá trị văn hóa và tinh thần của nhau, cùng phát hiện và tháo gỡ xung đột.*

Đề tài Thượng Đế là lựa chọn tối ưu để các bạn đúc kết nhận thức của mình sau chín năm học. Đó là đề tài dẫn đến đoàn kết hoặc chia rẽ, dẫn đến chung sống trong hạnh phúc và ấm no hoặc là tan đàn xẻ nghé trong đói khát, chết chóc và bệnh tật. Văn bản *Bản khoản về Thượng Đế* là cuốn sách do nhà xuất bản Kim Đồng in năm 2014 theo bản dịch của Sơn Khê, nguyên bản tiếng Pháp của Oscar Brenifier và Jacques Després.



Dựa trên tài liệu này, cứ sau một đoạn ngắn, các bạn lại cùng thảo luận về các khái niệm bất gặp trong đoạn đó. Học hết bài, các bạn sẽ viết tiểu luận dựa trên những thu hoạch thú vị hơn cả. Bài học này dẫn các bạn đến tư duy và nhận thức về những vấn đề lớn của đời người – bài học này hoàn toàn không cổ vũ cho niềm tin tôn giáo, càng không cổ vũ cho lập trường và thái độ vô thần.

Vì vậy các cuộc thảo luận khi học bài này đều để “ngờ”, không có kết luận theo đa số – niềm tin và lý tưởng là kho báu ở trình độ cao đẹp nhất của mỗi cá nhân. Niềm tin và lý tưởng là một phần của cái Đẹp do từng cá nhân lựa chọn cho riêng mình và sẽ sống chết với niềm tin và lý tưởng đó của mình.

Mời các bạn bắt đầu.

BẢN KHOẢN VỀ THƯỢNG ĐẾ

Về Thượng Đế, ta có thể có
những quan niệm khác nhau,
thậm chí trái ngược nhau...

1.

Có những người nghĩ rằng Thượng Đế có thật, là một thực thể đúng nghĩa với cá tính của mình.

Những người khác lại cho rằng Thượng Đế là một ý niệm, giúp ta giải thích nguồn gốc thế giới, cùng những điều bí ẩn như sự sống và cái chết.

Suy ngẫm, chia sẻ sau khi đọc to và đọc thầm đoạn mở đầu và đoạn văn đánh số 1:

1. Hãy viết một câu và đọc trước nhóm hoặc trước cả lớp để nói *quan niệm của bạn* về một trong những vấn đề sau: lao động, gia đình, đồng tiền, cách học, xã hội tốt đẹp, tệ nạn xã hội, bạo lực, tiến bộ, trưởng thành...
2. Hãy viết một câu và đọc trước nhóm hoặc trước cả lớp để giải nghĩa vấn đề *quan niệm* là gì?
3. Hãy giải thích người cho rằng Thượng Đế là có thật thường nghĩ và hành động thế nào?
4. Hãy cho biết và cho ví dụ về suy nghĩ và hành động của người có quan niệm ngược lại, coi Thượng Đế chỉ là *một ý niệm*.

2.

Có người nghĩ rằng
chỉ có đúng một Thượng Đế, duy nhất và toàn năng,
dù tùy tín ngưỡng mà Ngài mang những tên gọi khác nhau.

Những người khác lại cho rằng
có vô vàn vị thần
với bản chất và quyền lực riêng.

3.

Có những người nghĩ rằng
ta có thể hiểu được Thượng Đế qua các sách thiêng,
qua lời các nhà tiên tri hoặc giáo sĩ.

Những người khác lại cho rằng
Thượng Đế được nhận biết trong tim mỗi chúng ta,
vào thời điểm ta chấp nhận sự tồn tại của Ngài.

Suy ngẫm, chia sẻ sau khi đọc to và đọc thầm đoạn văn đánh số 2 và 3:

1. Thế nào là quan niệm về tôn giáo *một thần* và tôn giáo *đa thần*?
Hãy cho ví dụ về tôn giáo một thần – mỗi tôn giáo đó có một vị Thượng Đế mang tên gì?
2. Quan niệm về tôn giáo đa thần thể hiện trong những cách cầu cúng như thế nào?
3. Thế nào là quan niệm về một tôn giáo mang lời dạy được viết lại trong các *sách thiêng*? Tại sao lại gọi là “sách thiêng”? Bạn biết hiện nay có những sách thiêng với tên gọi như thế nào?
4. Thế nào là quan niệm về một Thượng Đế được chấp nhận trong tim mỗi con người?

4

Có người nghĩ rằng Thượng Đế

có mặt ở những địa điểm đặc biệt, nơi ta có thể gặp và cầu xin Ngài.

Những người khác lại tin rằng

Thượng Đế vừa ở khắp mọi nơi vừa không ở đâu cả,

Ngài không ở nơi này nhiều hơn nơi khác.

5

Có người nghĩ rằng ta phải

tôn trọng truyền thống, thờ phụng gia thần

hoặc vị thần của văn hóa mình.

Những người khác lại tin rằng

quan hệ của ta với Thượng Đế là chuyện lựa chọn cá nhân,

không liên quan đến ai khác ngoài bản thân ta.

Suy ngẫm, chia sẻ sau khi đọc to và đọc thầm đoạn văn đánh số

4 và 5:

1. Bạn nghĩ gì về hai quan niệm, một quan niệm cho rằng Thượng Đế trú tại một địa điểm để gặp con người (đền, chùa, nhà thờ, gốc đa...) và một quan niệm cho rằng Thượng Đế có mặt khắp nơi và không ở đâu cả?
2. Bạn nghĩ gì về hai quan niệm khác hẳn nhau: (a) Tất cả mọi người cần phải theo truyền thống tín ngưỡng của cộng đồng mình, kể từ cộng đồng gia đình, và (b) Mỗi người có quyền lựa chọn riêng để có Thượng Đế riêng mình muốn theo.
3. Bạn cho biết: Buộc người khác theo một tôn giáo có là phạm luật không? Ngược lại, tự do chọn tôn giáo riêng có là phạm luật không?

6.

*Có người nghĩ rằng
tin vào Thượng Đế là mê tín vô bổ, ta nên lắng nghe lý trí mình
và đặt niềm tin vào khoa học thì hơn.*

Những người khác lại cho rằng
Thượng Đế là cần thiết để cho thế giới một ý nghĩa
và để dẫn dắt hành động của chúng ta.

Suy ngẫm, chia sẻ sau khi đọc to và đọc thầm đoạn văn đánh số 6:

1. Dựa theo quan niệm của hai nhóm người khác nhau trên đây, các bạn đặt tên cho từng nhóm. Gợi ý: Đặt tên bằng từ Hán-Việt cho khái quát và dễ nhớ.
2. Có khi nào một người vẫn nghiên cứu khoa học mà vẫn tin vào Thượng Đế không? Khoa học và tín ngưỡng có hoàn toàn loại trừ nhau trong lòng một con người không? Khoa học hoạt động nhờ lý trí, vậy tín ngưỡng hoạt động nhờ những yếu tố gì?
3. Bạn cho ví dụ để hiểu quan niệm *Thượng Đế mang lại một ý nghĩa* cho sự sống? Có ai không tin Thượng Đế mà vẫn theo được những lời răn của Thượng Đế và sống cuộc đời rất có ý nghĩa?
4. Trở lại điều đã suy ngẫm và thảo luận ở đoạn 1: Theo ý bạn, Thượng Đế là *người có thật* hay Thượng Đế là *một ý niệm*?

7.

Có người nghĩ rằng

Thượng Đế cai quản thế giới,

mỗi hành động của ta đều do ý Ngài và Ngài tiên liệu mọi việc.

Những người khác lại tin rằng

Thượng Đế để con người được hoàn toàn tự do,

kể cả làm việc tốt hay xấu.

8.

Có người nghĩ rằng

Thượng Đế đáp lại lời cầu nguyện của con người,

vì vậy ta có thể xin Ngài phù hộ hoặc tạ ơn.

Những người khác lại cho rằng

Thượng Đế thờ ơ trước thỉnh cầu của ta,

Thượng Đế không ở đó để phù hộ cho ta,

mà chỉ cho phép ta tồn tại chừng nào Ngài còn muốn thế.

Suy ngẫm, chia sẻ sau khi đọc to và đọc thầm đoạn văn đánh số 7 và 8:

1. Bạn cho biết hai quan niệm *tự do cá nhân* của con người và *tự do trong ý Chúa* thể hiện thành hành vi xã hội của con người như thế nào?
2. Bạn cho biết hai quan niệm khác nhau về Thượng Đế, quan niệm nào dẫn tới lối sống *tích cực* và quan niệm nào dẫn tới lối sống *không tích cực*? Các bạn cùng tìm thành ngữ nào trong tiếng Việt gọi đúng tên từng lối sống đó của con người?
3. Các bạn nhận xét thấy xung quanh ta có những biểu hiện nào của lối sống *tích cực theo ý Thượng Đế* mặc dù không tin là có Thượng Đế? Ngược lại, mặc dù tin là có Thượng Đế, nhưng vẫn có những biểu hiện của lối sống *tiêu cực*?

9.

*Có người nghĩ rằng Thượng Đế gắn kết con người,
cũng như toàn thể tạo vật,
vì Ngài là cha của vạn vật.*

Những người khác lại cho rằng
Thượng Đế là nguyên nhân bất hòa
bởi muôn đời nay con người vẫn
gây chiến với nhau vì những vấn đề tôn giáo.

10.

*Có người nghĩ rằng nỗi kính sợ Thượng Đế
là thứ thúc đẩy ta làm điều đúng đắn,
thiếu đi đức tin tôn giáo, ta sẽ cư xử vô đạo đức.*

Những người khác lại tin rằng đạo đức là
tình cảm tự nhiên của trái tim con người và
tư duy của ta thường dẫn đường chỉ lối cho ta về với cái thiện.

Suy ngẫm, chia sẻ sau khi đọc to và đọc thầm đoạn văn đánh số 9 và 10:

1. Không Thượng Đế của bất cứ tín ngưỡng hoặc tôn giáo nào lại muốn con người sống trong đau khổ. Thượng Đế chỉ gắn kết con người với nhau thôi. Vậy theo bạn, nguyên nhân gì đã khiến cho thế giới xảy ra những cuộc chiến tranh tôn giáo trong suốt lịch sử?
2. Theo bạn, con người ta sống thiện là vì sợ Thượng Đế hay vì bản tính con người (tình cảm tự nhiên của con người) là yêu cái Thiện và ghét cái Ác?
3. Theo ý bạn, có những thiếu niên phạm tội, thậm chí phạm tội rất nặng, họ phạm tội vì nguyên nhân gì? Vì thiếu đói? Vì không được học hành tử tế? Hay vì họ thiếu một niềm tin tôn giáo vừa răn đe vừa khuyên nhủ dạy dỗ?

11.

*Có người cho rằng
nếu Thượng Đế thực sự tồn tại và Ngài tử tế,
thì đã không có bạo lực, chiến tranh và bất công.*

Những người khác lại nghĩ rằng
cần phải tin tưởng vào Thượng Đế,
căn nguyên của cả cái xấu lẫn cái tốt,
bởi Ngài có lý do riêng để
làm những việc Ngài đã làm,
dù không phải lúc nào ta cũng hiểu được.

12.

*Nhiều người nghĩ rằng Thượng Đế quyết định số phận của ta sau khi qua đời.
Ta phải sống trong hy vọng được lên Thiên Đường
hoặc được đầu thai, và trong nỗi sợ bị đày xuống Địa Ngục.*

Người khác lại tin rằng Thượng Đế không hề
thay đổi cuộc đời ta,
ta chỉ sống một cuộc đời và trách nhiệm với nó
chỉ thuộc về mình ta.

**Suy ngẫm, chia sẻ sau khi đọc to và đọc thầm đoạn văn đánh số
11 và 12:**

1. Thảo luận: Dù tin vào việc có hay không có Thượng Đế, ta đều thấy cuộc sống bấp bênh: chiến tranh, tai họa thiên nhiên, cuộc sống thiếu thốn, bệnh tật,... theo bạn những điều đó có nguyên nhân từ đâu? Từ thiếu niềm tin vào Thượng Đế hay từ sự thiếu thốn trí tuệ của con người?
2. Đổ lỗi cho Thượng Đế hay nhận trách nhiệm làm đẹp cuộc đời này, bạn chọn cách tư duy nào?



**Thế còn riêng bạn,
bạn nghĩ sao?**

**Từ những điều đã tìm hiểu, thảo luận,
mỗi bạn hãy viết tiểu luận
nói suy nghĩ riêng của mình,
của một người đã trưởng thành
sau chín năm giáo dục phổ thông.**

PHẦN 3

Tổng kết con đường học tiếng Việt

NHẮN GỬI NHỮNG CHÀNG TRAI CÔ GÁI SẮP HOÀN THÀNH BẬC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CƠ SỞ

Các bạn thân mến,

Sau chín năm học sách *Tiếng Việt Cánh Buồm*, các bạn sắp có bài học cuối cùng kết thúc chín năm học môn học rất khó đó. Mọi người đều biết rằng nhà trường phổ thông trang bị cho thanh thiếu niên không chỉ năng lực tiếng Việt (và năng lực Văn). Nhưng gần như ai ai cũng công nhận những khó khăn to lớn trong việc tạo năng lực tiếng Việt và Văn.

Giờ đây, đã có thể nhìn rõ sản phẩm của sáng kiến Giáo dục Cánh Buồm với ba phương diện tạo chung nên một thành phẩm. Đó là (a) Chương trình và sách, (b) Một phương pháp học làm linh hồn của chương trình và sách đó, và (c) Kết quả thể hiện thành năng lực tiếng Việt (và cả năng lực Văn nữa) của những chàng trai và cô gái sau chín năm học sách *Tiếng Việt* và sách *Văn* của nhóm Cánh Buồm.

Bài học tiếng Việt cuối cùng sau chín năm học trường phổ thông cơ sở sẽ làm công việc xác định *năng lực hoạt động ngôn ngữ tiếng Việt của các bạn*. Nội dung bài học sẽ giúp các bạn hệ thống hóa *quá trình và phương pháp* tạo năng lực hoạt động ngôn ngữ đó. Nói cho dễ hiểu, xác định hoạt động ngôn ngữ tiếng Việt của các bạn diễn ra như thế nào và cách học như thế nào đã dẫn tới năng lực hoạt động ngôn ngữ ấy.

Mục tiêu tạo năng lực tiếng Việt (và Văn) bên trên đòi hỏi Cánh Buồm phải thay đổi nhiều quan niệm của mình.

1. Trước hết công việc của Cánh Buồm mang một ý thức công dân rõ rệt, đó là *làm mẫu* cải cách công cuộc giáo dục quốc dân. Việc đầu tiên là có một quan niệm khác về nhiệm vụ của công cuộc giáo dục. Đó là nhiệm vụ *tổ chức sự trưởng thành của thanh thiếu niên cả dân tộc*. Sự trưởng thành đó là cả một quá trình, có sự tham gia của nhiều yếu tố, mà trong phạm vi trách nhiệm của nhà trường, là tạo ra ở thanh thiếu niên sự trưởng thành về *phương pháp học*. Cũng trong nhà trường, nhiều bộ môn cùng tham gia vào tổ chức sự trưởng thành của thanh thiếu niên, nhưng Cánh Buồm nghiên cứu tạo ra đột phá *làm mẫu* phương pháp học hai môn tiếng Việt và Văn.

2. Tổ chức sự trưởng thành hoàn toàn khác với việc “đi học” như xưa nay đã thành thói quen của cả xã hội: cứ sáu tuổi thì vào Lớp 1! Bây giờ cần quan niệm khác: vào Lớp 1 để làm gì, đạt mục tiêu gì, và hoàn thành nhiệm vụ bằng cách gì? Cánh Buồm chia nhiệm vụ cho các cấp học như sau: (a) Bậc Tiểu học học phương pháp học, (b) Bậc Trung học cơ sở tự tìm kiến thức, (c) Bậc Dự bị đại học là giai đoạn tập nghiên cứu. Bậc Tiểu học và bậc Trung học cơ sở dù ở chung một địa điểm hoặc tách làm hai đều cùng tạo thành bậc học đem lại những giá trị cơ sở của người thanh thiếu niên đến độ trưởng thành.

3. Một khi đã xác định chín năm giáo dục phổ thông là bậc Giáo dục phổ thông cơ sở, thật dễ hiểu khi học xong Lớp 9, các bạn sẽ vào đời theo một trong ba hướng như đã nói nhiều lần: lao động kiếm sống, học nghề, hoặc học lên bậc tập nghiên cứu để vào Đại học. Do đó, dù trang thanh thiếu niên trưởng thành sẽ vào đời theo hướng nào thì hành trang vào đời (thông qua công cụ mang tính nhà trường là các môn học) sẽ không chỉ là kiến thức, mà sẽ bao gồm (a) Một tư duy về phương pháp tìm kiến thức, (b) Những kỹ năng tìm kiếm thông tin, và (c) Năng lực thực thi những điều đã học được và sẽ còn học được.

Sẽ dễ hiểu với các bạn khi biết Cánh Buồm không chủ trương bắt các bạn sau chín năm học phải vượt qua một kỳ thi. Những gì các bạn đã có, những năng lực đã hình thành trong suốt chín năm học đã thành tài sản trong con người bạn. Một kỳ thi lúc này không đủ để nhìn suốt chín năm đồng hành với nhà trường để tự hình thành nhân cách mình. Một kỳ thi chỉ để nhận tiếng khen hoặc để buồn rầu tiếc nuối đều không cần thiết nữa. Ngay cả những bạn tốt nghiệp với điểm số quá cao thì cũng vẫn còn con đường xa lắc trước mặt với những thích nghi mới. Các bạn đã hiểu vì sao nhóm Cánh Buồm gợi ý một cách học và cách đánh giá khác. Ngay từ Lớp 1 ở cuối mỗi tiết học vẫn có việc từng

học sinh tự đánh giá. Ròng rã suốt chín năm học, không tranh nhau hơn thua nửa điểm, chỉ có cùng nhau tham gia tổ chức hình thành con người trưởng thành của mình, đâu còn cần kỳ thi tốt nghiệp để đem chính mình cho người khác đánh giá.

Các bạn Lớp 9 thân mến,

Nội dung của con đường đi tới sự trưởng thành nằm trong việc tổ chức và hướng dẫn các bạn *học cách học* để biết cách tự học nhằm tự trang bị cho mình những điều không thể thiếu cho một *năng lực người*. Một dân tộc chỉ có thể ngẩng cao đầu mở mang vị thế của nòi giống nếu hành trang mang tên năng lực người đó có hạt nhân là năng lực tự học. Năng lực người không chỉ là những kiến thức nhét đầy đầu và trải qua những cuộc thi chỉ để lấy điểm cao. Quá trình chín năm học sách Cánh Buồm gây dựng cho từng chàng trai từng cô gái một niềm tin để hăm hở vào đời để *sống cho mình, sống cho cộng đồng, sống cho tương lai* cả dân tộc.

Bài học cuối chín năm thụ hưởng *Giáo dục phổ thông cơ sở* này sẽ giúp các bạn tự tổng kết: các bạn đã có *năng lực tiếng Việt* ở trình độ hành dụng như thế nào. Các bạn sẽ nhìn lại *quá trình tự học* như thế nào. Các bạn sẽ tự rút ra con đường tự học tiếp theo như thế nào.

Xin mời cùng học.

CHÍN NĂM GIÁO DỤC PHỔ THÔNG: BIẾT CÁCH HỌC ĐỂ TẠO NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT

Sau chín năm học tiếng Việt ở nhà trường theo bậc phổ thông cơ sở, năng lực hoạt động ngôn ngữ tiếng Việt của mỗi người chúng ta được thể hiện như thế nào? Năng lực đó liên quan đến cách học trong suốt chín năm qua như thế nào? Cách học đúng có ích cho bản thân, cho hoạt động sống thiết thực, và còn được nâng cao trong đời sống thực như thế nào. Đó là ba điều bàn bạc cùng các bạn trong bài học kết thúc này.

Nói vắn tắt, năng lực hoạt động ngôn ngữ của mỗi người sẽ thể hiện trong cuộc sống ở ba mặt dùng ngôn ngữ *đúng – hay – sáng tạo*. Đó là kết quả của một quá trình học tiếng Việt *tài sản chung của dân tộc* và biến cái tài sản chung đó thành *tài sản riêng* trong đời sống thực của mỗi con người trưởng thành.

Năng lực bộ ba đó trước hết liên quan đến *cách dùng từ ngữ*, cách sử dụng những viên gạch tạo thành tòa nhà ngôn ngữ, một kho từ vựng không chứa những từ ngữ chết, mà là vốn từ vựng sống khi yêu cầu của việc dùng từ đòi hỏi phải “bật ra” một từ ngữ nào đó đúng lúc, đúng chỗ.

Năng lực bộ ba đó cũng liên quan đến cách dùng từ ngữ trong *câu nói* và *câu văn viết* thành những *văn bản* dù là dưới dạng nói vo và dạng viết ra để lưu lại và truyền bá.

Và đây là điều có thể khiến bạn ngạc nhiên: từ ngữ tiếng Việt là thành phần khó nhất, khó hơn câu và văn bản. Vì vậy, chúng ta sẽ đi vào năng lực ngôn ngữ xoay quanh trục trung tâm là năng lực dùng từ ngữ.

Dùng từ đúng – trường hợp từ thuần Việt và từ Hán-Việt

Chúng ta sẽ xem xét trước nhất năng lực dùng từ ngữ, địa hạt khó nhất của người dùng tiếng Việt ở bất cứ trình độ nào. Trải nghiệm của người Việt cũng như của người nước ngoài học tiếng Việt đều cho thấy là tiếng Việt phát âm không khó (trừ các thanh), nói và viết câu không khó vì tiếng Việt không có biến đổi hình thái theo cú pháp, viết văn bản cũng không khó... trừ những khó khăn bất gặp khi dùng từ ngữ trong câu và trong bài. Trong giao tiếp nói năng, từ ngữ cũng tỏ ra rất “khó tính” khi ta bắt gặp những từ địa phương và những từ phổ thông nhưng mang sắc thái phát âm địa phương.

Từ ngữ tiếng Việt được tạo thành bởi bốn thành phần: Lớp những từ thuần Việt, lớp những từ Hán-Việt, lớp những từ Hán đã Việt hóa, và lớp những từ mượn của phương Tây (hiểu “Tây” như là những tiếng không có gốc Hán). Điều quan trọng khi bàn về năng lực dùng từ ngữ tiếng Việt trong sáng, điều đáng quan tâm nhất là *phương pháp sở hữu kho từ vựng* nhiều thành phần đó.

Chúng ta đã học từ ngữ tiếng Việt theo phương pháp gì?



Khi bắt đầu học từ ngữ, ngay từ Lớp 2, chúng ta đã học từ ngữ theo trình tự mà sách giáo khoa tiếng Việt Cánh Buồm gọi bằng cách học theo sự *phát sinh* của từ trong đời sống và dần dần tạo thành kho từ vựng tiếng Việt.

Không nên coi từ Hán-Việt như là những từ mượn. Mà đó là những từ Việt, của người Việt, được người Việt dùng đã từ lâu đời. Tổ tiên

chúng ta từ thời Bắc thuộc mấy nghìn năm trước, khi bị bắt buộc phải học chữ Hán, đã khôn ngoan *học chữ Hán nhưng phát thành âm Việt*. Phương thức đó đã tạo nên lớp từ Hán-Việt. Điều thú vị là, muốn hiểu sâu từ Hán-Việt, thì ta lại cần phải bắt đầu với lớp từ thuần Việt. Nắm chắc được lớp từ thuần Việt ban đầu với cấu tạo một âm tiết, người học tiếng Việt tạo ra sự phát sinh rất tự nhiên lớp từ ghép (ghép hợp nghĩa và ghép phân nghĩa) và sau đó là sự phát sinh của lớp từ láy đặc trưng của từ thuần Việt. Từ Hán-Việt bao giờ cũng dùng với hai âm tiết trở lên thì mới có nghĩa. Cấu tạo hai âm tiết đó khác hẳn với cấu tạo từ ghép cũng gồm ít nhất là hai âm tiết. Hãy so sánh:

Ghép hợp nghĩa: áo quần, quần áo, thuyền bè, tàu xe, vợ chồng, cha con, ông bà, sách vở, giấy bút, đào kép... tất cả đều thỏa mãn công thức A và B, A cùng B, A với B.

Công thức từ ghép hợp nghĩa:

A và B

Ghép phân nghĩa: áo len, áo dạ, áo vải, áo nâu, áo cánh, áo bà ba, áo tứ thân, áo tơ, áo mưa, áo gió, áo kếp, áo trấn thủ, áo ba lỗ, áo ca-rô, áo phường tuồng, áo mượn, áo giấy, áo gấm, áo gấm đi đêm... và với yếu tố quần, ta có: quần cộc, quần dài, quần đùi, quần chèn, quần nâu, quần lĩnh, quần thâm, quần lá tọa, quần xà lỏn, quần sịp, quần ống loe, quần ống tuýp, quần Gin, quần bò, quần ngố, quần thùng đít... tất cả đều thỏa mãn công thức A gì? và B gì?

Công thức từ ghép phân nghĩa:

A gì? B gì?

Nhưng với từ Hán-Việt, cũng cấu tạo bề ngoài hai âm tiết, ta sẽ có công thức khác. Đó là ai? Nông dân, công nhân, thi sĩ, nhạc sĩ, sĩ quan, chiến sĩ, công chức,... Đó là cái gì? Chiến xa, thủy lôi, phi cơ, phi thuyền, hạm đội, chiến hạm, trụ sở,... Đó là chuyện gì? Giáo dục, triển lãm, chiến tranh, tranh chấp, xây dựng, phá hoại, tư duy, phản bác,...

Mỗi từ Hán-Việt đó tách riêng một âm tiết ra đều chưa đủ sức mang một nghĩa, trừ phi âm tiết đó đã Việt hóa, nhưng khi đó cũng phải dùng theo cách Việt hóa: ông giáo, bà giáo, cô giáo, thầy giáo, nhà giáo,... làm công, đổi công, tính công,... cuộc đấu, trận đấu, bãi đấu, nhà thi đấu, lịch đấu...

Có hai điều quan trọng tạo nên năng lực dùng từ tiếng Việt mà người dùng từ chúng ta cần chú ý.

Điều một: Đừng bao giờ nghĩ hễ đã là người Việt Nam thì từ thuần Việt nào đối với ta đều dễ hiểu. Làm dâu, làm bạn, làm quen, làm lành, làm đom, làm bậy... có thực sự dễ hiểu không? Các bạn hãy thử xem từ làm bạn mang nghĩa gì trong câu này: Hà và Chung làm bạn với nhau từ khi cùng mở cửa hàng làm bánh; và trong câu này: Hai cụ Hiệp và Trang làm bạn với nhau mấy chục năm mà nghèo quá toàn ở nhà đi thuê.

Điều hai: Đừng bao giờ nghĩ muốn học giỏi từ Hán-Việt thì cần học chữ Hán. Từ những năm đầu thế kỷ trước, khi các cụ Nho học còn mạnh thế, đã có ý kiến người Việt Nam cần học chữ Hán để hiểu sâu sắc nghĩa các từ Hán-Việt. Đúng là nếu biết chữ Hán thì sẽ dễ dàng tìm ra ngay nghĩa của yếu tố thủ trong những từ như thủ đô, thủ tướng, thủ lĩnh, thủ trưởng, thủ phủ, thủ túc, thủ hạ, danh thủ, bảo thủ, thủ thế, thủ phận... Nhưng cũng người Nho học uyên thâm Phạm Quỳnh, trải qua thực tiễn viết báo bằng chữ Quốc ngữ nhằm phổ cập kiến thức cho công chúng đã chủ trương khác hẳn. Ông dùng cách chuyển nghĩa một từ triết học tiếng Pháp sang từ Hán-Việt và ghi bằng chữ Quốc ngữ

để giải thích việc không cần bắt người Việt đương thời học chữ Nho (*Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp*, Tri thức, Hà Nội, 2003, trang 442):

“Xin lấy một ví dụ... học thuyết về cái “intuition” của Bergson được dịch sang tiếng Hán-Nam bằng hai từ kép: *trực-giác chủ-nghĩa*. Mỗi từ ở đây được tạo nên bằng cách ghép hai từ đơn đã thông dụng hàng ngày: *trực* là “thẳng, suốt”; *giác* là “hiểu biết, khai sáng” theo nghĩa Phật giáo; – *chủ nghĩa* gồm chữ *chủ* “chúa tể”, *nghĩa* “tư tưởng” [...] Các từ được đọc theo kiểu tiếng Nam này [...] đối với một người Nam học vấn trung bình, không biết gì về triết học Bergson, từ *trực giác* luôn có ý nói đến một cái mà người ta có thể nhận biết một cách trực tiếp, không cần phải tìm tòi, biện giải nhiều. Và tôi tin đó gần như là ý nghĩa của từ *intuition* đối với công chúng ngoại đạo”.

Dùng từ hay – trường hợp đồng nghĩa

Có thể nói luôn: năng lực dùng từ tiếng Việt ở trình độ hay liên quan đến năng lực dùng từ đồng nghĩa (và câu đồng nghĩa). Khi nhà giáo Nguyễn Văn Đạm biên soạn cuốn *Từ điển tiếng Việt tường giải và liên tưởng*, chắc chắn tác giả có nghĩ đến việc nâng cao năng lực diễn đạt *đúng* lên trình độ diễn đạt *hay*, *khéo*, *lịch sự*, *thông minh*...

Trước đây, khi làm sách dạy ngữ pháp tiếng Việt, các soạn giả rất lúng túng khi gặp mục từ đồng nghĩa. Người ta chỉ tìm thấy, chẳng hạn đồng nghĩa với *người*, có *ngài*, và thế là hết. Chẳng lẽ từ đồng nghĩa tiếng Việt lại nghèo nàn đến thế sao? Từ đồng nghĩa sẽ nghèo nàn nếu ta không nghĩ đến cách dùng từ trong ngữ cảnh. Năng lực dùng từ hay là năng lực dùng từ trong một ngữ cảnh cụ thể. Trong truyện *Chí Phèo*, Bá Kiến gọi tên đầu trộm đuôi cướp kia cả bằng “anh Chí”, và cả những cách xưng hô trống không cũng nhằm tạo sự thân tình với người mới ra tù.

“[...] Sau còn trở lại Chí Phèo và cha con cụ Bá. Bây giờ cụ mới lại gần hấn, khễ lay và gọi:

– Anh Chí ơi! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên:

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rữ tù chưa biết chừng. [...]

– Cái anh này nói mới hay! Ai làm gì mà anh phải chết? Đời người

chứ có phải con ngoé đầu? *Lại say rồi phải không?*

Rồi đổi giọng, cụ thân mật hỏi:

– *Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.”*

Những cách nói của bá Kiến về sau không gọi rõ Chí Phèo bằng “anh”, trong hoàn cảnh nói năng (ngữ cảnh) trích ở trên cho thấy bá Kiến có năng lực nói năng khéo. Gọi mãi một từ “anh” cũng nhàm. Bá Kiến tỏ ra thân tình hơn, *cái anh này*. Sau đó còn nói trống không, để tiếng “anh” ẩn ngầm cho thêm thân tình: (anh) *Lại say rồi...* (anh) *Về bao giờ thế? Sao* (anh) *không vào tôi chơi?* (anh) *Đi vào nhà uống nước...*

Vào những ngữ cảnh khác nhau, việc có sẵn trong kho từ vựng để lấy ra những từ đồng nghĩa mà dùng thể hiện cách nói năng khéo.

Để thay từ nói năng và từ khéo bằng một từ đồng nghĩa khác, ta còn có:

(Nói năng) *khôn ngoan*, (ăn nói) *dễ nghe*, (lời ăn tiếng nói) *trau chuốt*, (cái giọng) *như rót vào tai*, (lời) *thật đẹp...* và đồng nghĩa với *đẹp* ta còn có thể có những từ như *văn hoa*, *tinh tế*, và có những người khi nói năng còn có thể *tạo cảm hứng* cho người nghe nữa (chứ không ăn nói kiêu thô kệch, dùi đục chấm mắm cáy)... còn trong tác phẩm *Truyện Kiều*, nhà thơ Nguyễn Du sẽ dùng cả câu đồng nghĩa để kể:

Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu.

Những bài tập tiếng Việt ngay từ Lớp 2, Lớp 3 đã giúp các bạn tự tạo ra lời ăn tiếng nói đẹp. Ví dụ: tập thay từ *ngỡ* trong câu thơ Trần Tế Xương trong bài *Sông Lấp*:

Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi đò.

Có khi, khi học thơ ngay từ Lớp 4, chỉ nhờ có cách tập thay thế từ mà chúng ta tránh được việc giảng nghĩa từ, một điều không thể làm được và nếu có giảng thì càng giảng càng thô kệch, ví dụ với từ *bảng lảng* trong câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan:

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn.

Tương tự như vậy, chúng ta khó có thể hiểu nghĩa nhiều từ nếu không dùng cách cảm nhận từ theo cách thay thế từ bằng những câu đồng nghĩa. Ví dụ với các từ mà lần khi ta tưởng như học sinh hoặc ai ai cũng hiểu, như: *gợi cảm*, *xuê xoa*, *nhâng nháo*, *tắt mắt*, *giục giã*, *lèo tèo...* Chính thái độ hời hợt khi học tiếng Việt đã khiến cho học sinh chỉ đạt tới trình độ nói lại được từ ngữ,

nhưng thực chất vẫn chẳng hiểu gì, đặc biệt là chẳng thể nào cảm nhận được sức biểu cảm của từ ngữ.

Có năng lực dùng từ đồng nghĩa, các bạn sẽ có thêm rất nhiều vật liệu ngôn ngữ mang sắc thái biểu cảm, điều rất quan trọng để học Văn. Hãy xem chỉ có một “người ấy”, một “người nào đó”, một “kẻ xa lạ” nhưng đã được bao nhiêu từ cùng gọi thành tên, xa đấy mà gần, giản dị mà tinh tế:

Ai đi đường ấy hỏi ai,
Hay là trúc đã nhớ mai đi tìm?
Tìm em như thể tìm chim,
Chim ăn bẻ Bắc đi tìm bẻ Đông...

(Ca dao Việt Nam)

Hẳn bạn đã hiểu vì sao từ khi học *Tiếng Việt Lớp 2 Cánh Buồm*, các bạn đã được luyện tập nói những câu thay thế cho từng từ trong cả dãy từ gần nghĩa hoặc đồng nghĩa hoặc đôi khi rất khác nghĩa nhau như sau:

Đen cháy, đen ngòm, đen đui, đen thui, đen đúa, đen phận, đen bạc,...

Trắng tinh, trắng xóa, trắng nhợt, trắng bong, trắng hếu, trắng tay, trắng bụng,...

Làm duyên, làm điệu, làm dáng, làm lành, làm quen, làm giúp, làm quan,...

Đầu đàn, đầu nậu, đầu tiêu, đầu bò, đầu bò đầu bấu, đầu chày dít thốt, đầu ghềnh cuối sông...

Trong cuộc sống, để trau dồi năng lực nói năng hay, thật khôn ngoan nếu biết dùng những từ trong lời ăn tiếng nói dân gian đã đúc kết trong lớp *thành ngữ*. Nói bằng một thành ngữ vừa ngắn gọn, kiệm lời, lại diễn tả đầy đủ một cảnh đời đồng thời chủ thể nói năng còn gửi vào lời nói của mình cả những tình cảm con người của mình. Trong việc dùng thành ngữ, những thành ngữ Hán-Việt cũng góp phần rất lớn vào việc tạo cho chúng ta cách nói năng hay, súc tích, chặt chẽ, và đầy biểu cảm. Và xin bạn đừng vì muốn làm “trong sáng tiếng Việt” mà định thay thế tương đương các thành ngữ Hán-Việt



bằng cách thành ngữ thuần Việt. Xin nhắc lại: Từ Hán-Việt cũng như thành ngữ Hán-Việt đều nằm trong kho từ vựng tiếng Việt – của trong kho nhà mình thì mình cứ dùng!

Và không phải lúc nào cũng cứ phải dùng nguyên văn một thành ngữ nào đó. Ta có thể dùng gợi ý từ một cách nói bằng thành ngữ để tạo ra cách nói riêng, cũng gợi cảm, cũng đầy giá trị biểu cảm. Ví dụ:

Đến thăm nhà bạn, ta muốn khen con bạn tuy còn nhỏ đã biết thương yêu chăm sóc em, ta có thể được gợi ý từ thành ngữ *con chị công con em*, để tạo ra lời khen tương tự (đồng nghĩa): *con chuột chị tha con chuột em*. Thậm chí còn có cách nói buông lửng đầy gợi cảm *Hai con mèo, xinh chưa kìa!* Qua ví dụ này, về cách nói buông lửng, để cho *người khôn ăn nói nửa chừng, để cho người dại nửa mừng nửa lo*, chắc các bạn đã hiểu thấm thía hơn những bài tập trong sách *Tiếng Việt Lớp 3 Cánh Buồm*, cho học sinh tập cách nói buông lửng.

Nói đến năng lực ngôn ngữ, nhưng cũng nói luôn đến *cách học* để có năng lực ngôn ngữ như chúng ta mong muốn. Nếu chỉ đưa ra mục tiêu đào tạo mà không có giải pháp kỹ thuật, thì thật chẳng có nghĩa lý gì. Nó chỉ như là *bó cổ trước mõm ngựa*. Các bạn hiểu thành ngữ ấy không? Người ta cho cổ vào một cái giỏ đầy kín rồi treo trước mõm con ngựa. Con ngựa cứ ngỡ đó là cửa ăn được. Kỳ tình, đó là chỉ để dứ nó như một mục tiêu không bao giờ đạt được.

Biểu đạt đúng và hay

Xin nhắc lại, từ ngữ là những vật liệu vô cùng quan trọng để có hoạt động ngôn ngữ. Từ ngữ tiếng Việt là những vật liệu vô cùng khó tạo ra nếu không biết *phương pháp* đúng để tạo ra chúng. Thiếu những vật liệu đó, không thể biểu đạt đúng tư tưởng của mình, nói gì đến biểu đạt hay!

Với những ngôn ngữ châu Âu như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha có gốc Latin – muốn có vốn từ vựng phong phú, phải học từ nguyên thì sẽ hiểu và dễ thuộc cả chuỗi từ phát sinh từ cùng một gốc, kể cả khi những từ đó được viết rất khác nhau. Đây là một ví dụ chọn ngẫu nhiên liên quan tới từ *mémoire* (ký ức, hồi ức, ghi nhớ, bài phát biểu), ở dạng số nhiều *mémoires* (hồi ký), còn có thể có *mémorisation* (sự ghi nhớ), *mémorisée* (cái đã được ghi nhớ), *mémorable* (cái đáng ghi nhớ), *mémoriser* (việc ghi nhớ), *amnésie* (chứng mất trí nhớ), *mémotechnique* (kỹ thuật ghi nhớ), *remémorer* (việc hồi tưởng), *remniscence* (điều ghi nhớ hỗn độn)... Trong ngôn ngữ châu Âu có

những cách biến đổi hình thái của từ trong câu, người thì cho rằng đó là rắc rối, nhưng thực ra là để khó bị nhầm nghĩa. Có người còn nói rằng “ai nắm vững cách biến thái của động từ tiếng Pháp, người đó mới được coi là thông thạo tiếng Pháp”.

Trật tự từ trong câu không phải là sự sắp xếp mà thuộc về *cách biểu đạt*. Tất cả các từ coi như là cả đồng vật liệu – nhưng có cả triệu viên gạch chưa chắc đã có cái nhà. Phải biết cách xây. Xây từng bộ phận nhỏ cũng giống như đặt được nhiều câu. Cả cái nhà là một *văn bản*. Đến lúc này, toàn bộ các công việc *nói, nghe, đọc, viết* sẽ hòa vào nhau thành công trình của nhà kiến trúc và nhà xây dựng. Khi đó chúng ta sẽ có những văn bản khác nhau cũng như những kiểu nhà khác nhau.

Đó cũng chính là nội dung về những cách biểu đạt bằng tiếng Việt trong các ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ chính trị – xã hội mà chúng ta đã học trong sách *Tiếng Việt Lớp 8 Cánh Buồm*.

Trước hết đó là cách dùng từ biểu đạt thành câu. Theo cách học mà chúng ta đã theo đuổi từ khi học sách *Tiếng Việt Lớp 3 Cánh Buồm*, việc dùng từ để làm thành câu là giai đoạn thích hợp để học tư duy logic.

Vì thế mà, để giúp học sinh dễ học tạo câu, sách giáo khoa Cánh Buồm hướng dẫn các bạn sau khi đã học xong sự phát sinh và phát triển cùng với cách dùng từ ngữ (Lớp 2), khi học sang cú pháp, đã đơn giản hóa các loại từ trong câu bằng cách chỉ phân biệt *danh từ* – *danh ngữ*; sau đó là *động từ* – *động ngữ* và tiếp theo là *tính từ* – *tính ngữ*. Sách Cánh Buồm bỏ qua chẳng bắt các bạn cần lo nghĩ đến *trạng từ* – cách biểu đạt câu chính là đã mang cái trạng thái của việc định thay thế bằng một trạng từ rồi. Ví dụ câu này mà học sinh nào cũng nói và viết ra dễ dàng: *Ôi, sao hôm nay mình toàn gặp những chuyện đen đui* thì *chuyện* là danh từ, và *chuyện đen đui* là một danh ngữ, và cả câu đó đã có sắc thái than vãn. Học như thế chẳng tự nhiên sao, không cần làm đầy đủ các bạn với những mô tả tiếng Việt theo tiêu chuẩn ngôn ngữ châu Âu, trạng từ tiếng Pháp là tính từ thêm đuôi *ment* và trạng từ tiếng Anh là tính từ thêm đuôi *ly* và bao giờ cũng lẻo đẻo đi kèm theo sau danh từ.

Tiếp tục về việc học cú pháp. Chúng ta đều biết từ trải nghiệm của riêng từng người là chúng ta nói đúng câu tiếng Việt từ khi ba bốn tuổi – có bạn sớm hơn một chút, và có bạn chậm hơn một chút. Từ buổi đầu vào Lớp 1, đến giờ ăn trưa, chẳng bạn nào hỏi nhau theo trật tự *bạn không đói* mà hỏi nhau *bạn đói*

không, trừ phi với một bạn ông ọo chẳng chịu ăn vì chờ người xúc cho, bạn sẽ hỏi bạn không đói à, ai ai cũng biết thêm một từ à để biểu đạt một hàm nghĩa đi kèm không đói à, sao mà ông ọo thế?

Vậy thì, khi học cú pháp một cách có ý thức, chúng ta phải dựa vào kinh nghiệm nói năng tự nhiên của người học để học một cái khác hẳn, mang tính chất nhà trường: học tư duy logic. Tư duy logic thể hiện qua nói năng, và chúng ta dùng việc nói năng (thành câu) của người học để tổ chức cái đầu có tư duy theo đúng yêu cầu từ thời Blaise Pascal đã đưa ra: “Con người chỉ là cây sậy, nhưng là cây sậy có tư duy”. Và chúng ta đừng coi thường những bài luyện tập với công thức Nếu ... thì ..., đó cũng là tư duy căn bản để hiểu ngôn ngữ lập trình của thời đại chúng ta đang sống. Và đó là điều thú vị giải thích vì sao ngay từ Lớp 4 học theo sách Tiếng Việt Cánh Buồm, học sinh đã viết được đoạn văn và bài văn. Những bài văn tuy ngắn (và ý tưởng nhiều khi còn ngốc nghếch) nhưng là những tiểu luận thực sự có lập luận chặt chẽ giải đáp những vấn đề của cuộc sống thực do chính người viết văn tự đề ra cho mình và xử lý rất có trách nhiệm – không cần phải là những đề văn do giáo viên đưa ra và bắt ta xử lý một cách thụ động.

Việc học tiếng Việt một cách khoa học của chúng ta sẽ phối hợp hài hòa với các môn giáo dục phổ thông mà tất cả đều cùng hướng đến một cái đầu có tổ chức, tức là cái đầu có tư duy: tư duy khoa học, tư duy nghệ thuật, tư duy lối sống. Ba cách biểu đạt ngôn ngữ tiếng Việt trong các ngôn ngữ khoa học, ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ chính trị – xã hội (học trong sách Tiếng Việt Lớp 8 Cánh Buồm). Giáo dục để hình thành một tư duy người không là những bài học du nhập từ ngoài vào theo tấm gương sáng của những vĩ nhân – hình thành tư duy người nằm ngay trong môn học các bạn đã học.

Cách học đó đã giúp các bạn từ khi học Lớp 6 đến khi học Lớp 9 gần như chúng ta hoàn toàn tự học – và chỉ còn giáo viên hướng dẫn một số kiến thức hoặc bày cho chúng ta cách tìm những kiến thức còn thiếu.

Có lẽ đã đến lúc các bạn nên nhìn lại một vài cách học tiếng Việt khác với cách học của chúng ta. Đó là cách học theo lối kinh nghiệm chủ nghĩa, thay vì cách học tiếng Việt với ý thức ngôn ngữ học.

Thế nào là học theo lối kinh nghiệm chủ nghĩa? Bạn từng nghe những người phổ biến kinh nghiệm học ngoại ngữ. Họ thường bày cho các bạn mỗi ngày học thuộc từ năm đến bảy từ, và bạn sẽ có vốn từ đủ dùng. Đó là những

lời khuyên nhầm lẫn. Đó cũng có thể là những lời khuyên thiếu suy nghĩ. Không ai học từ và làm giàu vốn từ của mình theo cách năng nhặt chặt bị như vậy hết.

Các bạn hãy nhớ lại *phương pháp học từ ngữ* đã thực hiện từ Lớp 1 đến Lớp 9 để học cách *tạo ra và dùng từ ngữ* thay vì theo cách “năng nhặt chặt bị” thủ công như người đời xưa. Hãy nhớ lại ý kiến của Gaston Bachelard về sự hình thành tư duy khoa học thay vì quay về đời thượng cổ khi loài người vẫn biết quan sát, thống kê, thu thập... nhưng không bao giờ có phương pháp học một tiếng nói với ý thức ngôn ngữ học như sách Cánh Buồm đã trân trọng đem tới cho các bạn.

Kết luận – ra trường và vào đời

Hết Lớp 9, bạn sẽ ra trường và vào đời. Đường đời sau khi chúng ta chia tay trường phổ thông cơ sở có ba nhánh: một nhánh lao động để kiếm sống, một nhánh vào trường học nghề rồi cũng lao động mà kiếm sống, và một nhánh tập nghiên cứu để vào các trường đại học với cách học dựa trên việc nghiên cứu, cũng là một lao động mà kiếm sống.

Dù làm nông nghiệp, bạn vẫn sẽ có dịp ứng dụng năng lực tiếng Việt để sống với cộng đồng nông dân, để giải quyết những vấn đề về khoa học nông nghiệp, để giải quyết những chuyện thuộc về chính trị – xã hội từ gia đình bạn cho tới xóm thôn. *Năng lực ngôn ngữ tiếng Việt cùng tư duy ngôn ngữ* của bạn sẽ là công cụ để bạn tổ chức cuộc sống hạnh phúc trong gia đình, trong cộng đồng.

Nếu bạn làm một công nhân bình thường, hoặc đi học nghề để làm công nhân bậc cao hơn, nếu bạn học tiếp lên bậc cao hơn trình độ Lớp 9 của mình, bạn cũng vẫn bắt gặp những vấn đề cần đến năng lực biểu đạt khoa học, nghệ thuật hoặc chính trị – xã hội của mình.

Và ở bất kỳ cương vị xã hội nào, bạn vẫn sẽ còn gặp một câu hỏi về sự học tiếp tục cho đời mình. Khi đó, hãy nhớ tới bài học ngôn ngữ tiếng Việt từ Lớp 1 đến Lớp 9 về *phương pháp tư duy* – bạn sẽ tự đặt ra câu hỏi *Học cái gì? Học để làm gì? Học theo cách nào?* Trong mọi trường hợp, *phong cách tự học* đã được rèn luyện thành thói quen và lối sống từ Lớp 1 đến Lớp 9 qua chương trình và sách giáo khoa Cánh Buồm sẽ có thể có ích cho bạn.

Vì sao?

Vì sách giáo khoa Cánh Buồm đi theo những mục tiêu tường minh như

sau. Một nền giáo dục phổ thông có nhiệm vụ *tổ chức sự trưởng thành* cho thanh thiếu niên cả dân tộc chứ không chỉ là những năm dài “đền sách” và những cuộc thi. Một chương trình học là một *lý tưởng đào tạo* thay vì một sự xếp đặt vô cảm số môn học và số tiết học – mà lý tưởng đào tạo của Cánh Buồm là *năng lực tự học* thay vì năng lực bị nhồi nhét “tri thức” khô cứng. Còn sách giáo khoa của Cánh Buồm là những người bạn đồng hành dùng các *việc làm để các bạn tự làm* và tự tìm ra kiến thức – sách giáo khoa đó cùng với những nhà giáo thực sự yêu nghề cũng học lại cách tự học để chạy đua với lý tưởng muôn đời của dân tộc Việt Nam chúng ta, *con hơn cha nhà có phúc*.

BÀI HỌC CUỐI NĂM

ĐÁNH GIÁ VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ

Các bạn hãy hình dung cảnh chuẩn bị ra trường kết thúc chín năm giáo dục phổ thông của mình như sau. Sẽ có một Hội đồng Giáo dục gồm đại diện giáo viên, đại diện phụ huynh (buổi đó có phụ huynh của bạn) và đại diện giới trí thức ở địa phương (giáo viên, kỹ sư, cán bộ...).

Bạn sẽ trình bày một tiểu luận do bạn viết với đề tài tự chọn, khi viết được tra cứu tài liệu đáng hoàng. Bài tiểu luận đó sẽ đánh giá năng lực tư duy của bạn hơn là đánh giá những kiến thức thuộc lòng về tiếng Việt của bạn.

Kèm theo bài tiểu luận đó, bạn cần trình ra những công trình đã tự tay làm ra: (a) Cuốn *Từ điển chính tả theo nghĩa ở Lớp 1* kéo dài lên các lớp trên, cho thấy công phu của bạn tự rèn luyện cách viết đúng từ Hán-Việt dựa trên nghĩa của chúng; (b) Cuốn *Từ điển học sinh ở Lớp 2* và cũng kéo dài qua nhiều năm tháng, cho thấy công phu của bạn tự rèn luyện cách tìm nghĩa của từ ngữ và cách dùng từ ngữ; (c) Những sưu tập các đoạn văn và bài tiểu luận của bạn từ Lớp 4 cho đến mãi về sau.

Hội đồng Giáo dục sẽ chất vấn và bỏ phiếu kín công nhận bạn hoàn thành chín năm học loại HOÀN THÀNH, loại GIỎI và loại XUẤT SẮC. Những bạn chưa đạt loại hoàn thành cũng vẫn sẽ dự lễ kết thúc năm học với mọi người. Các bạn đó sẽ rút kinh nghiệm riêng để tiếp tục cuộc đời mình – và ta đừng vội nghĩ họ sẽ là phế phẩm.

Trong ngày lễ kết thúc năm học, mỗi bạn sẽ được nhận một THƯ CẢM ƠN của Hội đồng Giáo dục cấp cao, cảm ơn bạn đã đồng hành với công cuộc tổ chức sự trưởng thành của các bạn với những lời chúc khiến bạn phải vui lòng. Vì sao? Vì lời chúc đó chắc chắn sẽ ca ngợi công lao của bạn trong chín năm rông đã *học cho mình – học cho cộng đồng – học cho tương lai đất nước*.

Vừa rồi là những gợi ý của nhóm Cánh Buồm, và nó chưa thành quy định mang tính pháp quy. Có nghĩa là có thể các bạn vẫn còn phải qua một kỳ thi được tổ chức theo cách nào đó. Nhưng các bạn hãy tin rằng kỳ thi đó cũng chỉ khác ở một chi tiết về những *vật liệu ngôn ngữ* đưa ra để *thử thách tư duy và năng lực ngôn ngữ* thực sự của bạn. Thế thì, hãy coi đó là một thử thách nhỏ đầu đời.

Khi bước vào cuộc sống thực, các bạn còn gặp nhiều “cuộc thi” không phòng thi, không giám thị, không chấm điểm... còn nhiều.

Bài học cuối năm này gợi ý cho các bạn những đề tài thảo luận chung và viết tiểu luận riêng.

Đề tài 1 – Bạn học được cách tư duy như thế nào để có một vốn từ ngữ tích cực tiếng Việt? Khái niệm vốn từ ngữ tích cực nghĩa là gì? Bạn đã có được vốn từ ngữ tích cực đó nhờ cách học như thế nào? Khi học Ngữ âm tiếng Việt từ Lớp 1, các bạn được khuyến khích làm “Từ điển chính tả theo nghĩa”, việc làm nhỏ đó có ảnh hưởng gì tới bạn khi học từ Hán-Việt? Vốn từ ngữ tích cực giúp bạn biểu đạt ngôn ngữ như thế nào?

Đề tài 2 – Bạn hiểu như thế nào về năng lực ngôn ngữ (tiếng Việt) của một người trưởng thành? Năng lực đó đã giúp bạn học Văn và cả trong việc học Toán cùng các môn khoa học khác như thế nào? Giúp về cách tư duy hay giúp về vật liệu ngôn ngữ? Tuy chỉ học ngôn ngữ nhưng phương pháp học tiếng Việt có giúp thay đổi phương pháp học các môn học khác không?

Đề tài 3 – Bạn tự nhận thấy bản thân mình trưởng thành như thế nào? Trưởng thành về phương diện nào? Trưởng thành về mặt nào khiến bạn thấy vui vẻ, hãnh diện, tự tin? Tại sao lại như vậy? Bạn có nhận xét gì về những người lớn tuổi hơn bạn nhưng vẫn chưa thể hiện sự trưởng thành qua cách thể hiện về ngôn ngữ và về tư duy? Tình trạng đó có lỗi do đâu? Do nhà trường? Do bản thân con người? Do xã hội? Theo ý bạn, có thể cải tạo được tình trạng đó không?

Đề tài 4 – Bạn nghĩ gì về nghề nghiệp tương lai của bạn với căn cứ là sự trưởng thành về tư duy của mình? Bạn sẽ chọn nghề gì và vì lý do gì? Để theo nghề mà bạn chọn, bạn dự định sẽ học những gì và học như thế nào? Bạn nhận xét gì về tình trạng những người học nhiều mà vẫn không có nghề gì để làm mà sống?

Đề tài 5 – Bạn hãy chọn một số bài báo xuất bản chỉ trong một ngày và nhận xét những gì là đúng hoặc sai về biểu đạt ngôn ngữ và về tư duy khi biểu đạt về một vấn đề nào đó. Bạn hãy nhận xét khen hoặc chê nhà báo dựa trên

những số liệu có được. Bạn hãy cho biết ngôn ngữ biểu đạt trên báo chí có tham gia vào việc làm cho xã hội tốt đẹp lên không?

Đề tài 6 – Bạn nhận xét gì về cách biểu đạt ngôn ngữ khoa học hoặc nghệ thuật được đăng trên báo chí. Hãy nêu ý kiến của bạn về trình độ biểu đạt và nêu ý kiến giải quyết.

Đề tài 7 – Bạn nhận xét gì về cách học tiếng Việt và Văn của những người thân hoặc người quen biết. Cách học đó có khiến cho tiếng Việt được ca ngợi như Lưu Quang Vũ từng viết bài thơ *Tiếng Việt*:

Tiếng Việt

Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói sẫm
Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về
Có con ghé trên lưng bùn ướt đầm
Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre.

Tiếng kéo gỗ nhọc nhằn trên bãi nắng
Tiếng gọi đò sông vắng bến lau khuya
Tiếng lựa xé đau lòng thoi sợi trắng
Tiếng dập dồn nước lũ xoáy chân đê.

Tiếng cha dặn khi vun cành nhóm lửa
Khi hun thuyền, gieo mạ, lúc đưa nôi
Tiếng mưa dội ào ào trên mái cọ
Nón ai xa thăm thẳm ở bên trời.

“Đá cheo leo trâu trèo trâu trượt...”
Đi mòn đàn dút cỏ đợi người thương
Đây muối mặn gừng cay lòng khế xót
Ta như chim trong tiếng Việt như rừng.

Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vầng trăng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng riu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh.

Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy
Một tiếng vườn rợp bóng lá cành vươn
Nghe mát lịm ở đâu môi tiếng suối
Tiếng heo may gợi nhớ những con đường.

Một đảo nhỏ ngoài khơi nhiều kẻ nhận
Vẫn tiếng làng tiếng nước của riêng ta
Tiếng chẳng mất khi Loa thành đã mất
Nàng Mỹ Châu quỳ xuống lạy cha già.

Tiếng thao thức lòng trai ôm ngọc sáng
Dưới cát vùi sóng dập chẳng hề nguôi
Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán
Thành Nguyễn Du vằng vặc nỗi thương đời.

Trái đất rộng giàu sang bao thứ tiếng
Cao quý thâm trầm rục rờ vui tươi
Tiếng Việt rung rinh nhịp đập trái tim người
Như tiếng sáo như dây đàn máu nhỏ.

Buồm lộng sóng xô, mai về trúc nhớ
Phá cũ lồng vờn vợi cánh chim bay
Tiếng ghen ngào như đời mẹ đắng cay
Tiếng trong trẻo như hồn dân tộc Việt.

Mỗi sớm dậy nghe bốn bề thân thiết
Người qua đường chung tiếng Việt cùng tôi
Như vị muối chung lòng biển mặn
Như dòng sông thương mến chảy muôn đời.

Ai thuở trước nói những lời thú nhất
Còn thô sơ như mảnh đá thay riu

Điều anh nói hôm nay, chiều sẽ tắt
Ai người sau nói tiếp những lời yêu?

Ai phiêu bạt nơi chân trời góc biển
Có gọi thầm tiếng Việt mỗi đêm khuya?
Ai ở phía bên kia cầm súng khác
Cùng tôi trong tiếng Việt quay về.

Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ
Quên nổi mình quên áo mặc cơm ăn
Trời xanh quá môi tôi hồi hộp quá
Tiếng Việt ơi tiếng Việt xót xa tình...

(Lưu Quang Vũ)

Bảng chỉ mục

A

Arendt Hannah 51

Aristote 48

B

Bachelard Gaston 140

Bà Huyện Thanh Quan 135

Bentham Jeremy 78

C

Calcutta 96

Chí Phèo 134

Con người là gì? 27

duy lý 41

giao tiếp 43

khả năng khéo léo 50

kinh nghiệm 41

lý thuyết 41

lý tính 41

ngôn ngữ tín hiệu 43

nhàn rỗi 37

phân công lao động 32

tự nhiên 45

văn hóa 45

con người trưởng thành 52

định hướng 57

Evans Richard L. 54

giới tính 56

hành vi xã hội 57

hệ tim mạch 55

Luật Lao động 53

Năng lực làm người 52

Nguyễn Hiền 53

Ruskin 54

sinh dục 55

tâm lý 56

Tracy Brian 55

Trần Quốc Toản 54

Ward William Arthur 55

xã hội 56

D

Darwin Charles 11, 12, 16, 17

học thuyết tiến hóa 11

Descartes René 50

Đ

Đại Việt sử ký toàn thư 108

Đối tượng nghiên cứu 14

E

Elisabeth de Fontenay 63

Khi con vật nhìn ta 64

Empiricus Sextus 76

G

Ghép hợp nghĩa 132

Ghép phân nghĩa 133

H

Hegel G.W.F 50

Hobbes Thomas 49

Hội đồng Giáo dục quốc dân 10

K

Kant Emmanuel 49

L

- Lévi- Strauss Claude 51
- Lý Nhân Tông 106
 - Lâm chung di chiếu 107, 108, 109
 - Thơ Văn Lý Trần 107
- Lý Thái Tổ 108
 - Chiếu dời đô 108

M

- Mẹ thiên nhiên 64
- Montaigne 77
- mô hình DNA 17

N

- ngôn ngữ châu Âu 137
- Nguyễn Văn Đạm 134
 - Từ điển tiếng Việt tường giải và liên tưởng 134
- Nhà nhân chủng học 51
- Nhà thờ Thiên chúa giáo 11

P

- Pascal Blaise 139
- phạm trù người 13
- Phạm trù người 13, 19
 - Australopithecus 18
 - bộ gen 17
 - Crick và Watson 17
 - Đấng Tạo hóa 17
 - Giao tiếp 20
 - Homo erectus 18
 - Homo habilis 18
 - Homo neanderthalensis 18
 - Homo sapiens 16
 - Homo sapiens sapiens 18
 - luật lệ 24

- phát triển ngôn ngữ 20
- sinh thể 66
- sinh thể 18
- Sử dụng và chế tạo công cụ 19
- tiến hóa 16, 17, 18
- tín hiệu 20
- trí khôn 18

Platon 49, 50

Protagoras 49, 50

Pythagore 77

R

Rousseau John 77

T

- Tagore Rabindranath 96
 - Bảo tàng Tagore 98
 - Mùa hái quả 97
 - Ngày sinh 97
 - Người làm vườn 97
 - Thơ dân 97
 - Thơ ngắn 97
 - văn hoá Bengal 97
- Teilhard de Chardin 16
- thành ngữ 136
- thiên tử 108
- Thượng Đế 120, 121, 122, 123, 124, 125, 126
- Tình yêu 112
- Trần Tế Xương 135
 - Sông Lấp 135
- từ gần nghĩa 136

X

Xénophane 77

Mục lục

Bài mở đầu	Tiếng Việt Lớp 9 – Học gì và học thế nào để kết thúc bậc Giáo dục phổ thông?	7
Phần 1	NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ CON NGƯỜI	11
Bài 1	Phạm trù người	11
Bài 2	Tự đọc – tự nghiên cứu: <i>Con người là gì?</i>	26
Bài 3	Con người trưởng thành	52
Phần 2	CÁC LĨNH VỰC TƯ DUY VÀ NGÔN NGỮ	60
Bài nhập	Điều gì là quan yếu trong cuộc sống?	60
Bài 4	Tư duy về môi trường sống: <i>Khi con vật nhìn ta</i>	63
Bài đọc thêm	Phẩm chất con người trong tư duy về môi trường: Trích đoạn “Mùa Xuân” của Henri David Thoreau	79
Bài 5	Tư duy về cái Đẹp: <i>Bảo tàng Tagore, ngày đầu xuân</i>	96
Bài 6	Tư duy về cái chết: <i>Lâm chung di chiếu</i> của Lý Nhân Tông	106
Bài 7	Tư duy về tình yêu: Thư Einstein gửi con gái	112
Bài 8	Tư duy về Thượng Đế: <i>Băn khoăn về Thượng Đế</i>	118
Phần 3	TỔNG KẾT CON ĐƯỜNG HỌC TIẾNG VIỆT	128
	Chín năm giáo dục phổ thông: Biết cách học để tạo năng lực tiếng Việt	
Bài học cuối năm	Đánh giá và tự đánh giá	142